|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 5:**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN** |

**A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

- Đọc – hiểu các văn bản*:*

*VB 1: Xúy Vân giả dại* – Trích chèo *Kim Nham*

*VB 2: Huyện đường –* Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*

*VB 3: Múa rối nước hiện đại soi bóng tiền nhân* – Phạm Thùy Dung

- Thực hành đọc:  *Hồn thiêng đưa đường –* Trích tuồng *Sơn Hậu*

**2. Viết:** Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam)

**4. Nói và nghe:** Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 7 tiết – KHGD**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. NĂNG LỰC** | |
| **Năng lực chung** | Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. |
| **Năng lực đặc thù** | *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  - **HS biết cách đọc hiểu** **một văn bản chèo hoặc tuồng:**  + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản được học.  + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.  **- HS biết liên hệ, so sánh, kết nối:**  + Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội  + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.  **- HS viết được** báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.  - **HS biết** trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề; **biết** lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu. |
| **II. PHẨM CHẤT**  Có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha truyền lại. | |

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng.

+ Học liệu: GV chuẩn bị các tranh ảnh, video,… về những vở chèo, tuồng sẽ được học trong bài. Các đường link quan trọng cần nắm được để khai thác tư liệu phục vụ cho việc dạy học hai văn bản *Xuý Vân giả dại, Huyện đường*:

***++*** [***https://w***](http://www.youtube.com/watch?v=8YsHTvxrwVw)***ww.y***[***outub***](http://www.youtube.com/watch?v=8YsHTvxrwVw)***e.c***[***om/watch?v=8YsHTvxrwVw***](http://www.youtube.com/watch?v=8YsHTvxrwVw)

***++*** [***https://w***](http://www.youtube.com/watch?v=jDmn1LiuIXU)***ww.y***[***outub***](http://www.youtube.com/watch?v=jDmn1LiuIXU)***e.c***[***om/watch?v=jDmn1LiuIXU***](http://www.youtube.com/watch?v=jDmn1LiuIXU)

***++*** [***https://w***](http://www.youtube.com/watch?v=-cA8e0zaBoY)***ww.y***[***outub***](http://www.youtube.com/watch?v=-cA8e0zaBoY)***e.c***[***om/watch?v=-cA8e0zaBoY***](http://www.youtube.com/watch?v=-cA8e0zaBoY)

++ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

++ Bảng kiểm đánh giá.

++ Rubric đánh giá.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **yêu cầu, định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

**D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Thị Bích Trâm.0988206202- Thpt Lê quý đôn -Quảng Ngãi**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết …. Văn bản 1: XUÝ VÂN GIẢ DẠI**

**(Trích chèo *Kim Nham*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- Biết nhận xét nội dung bao quát của trích đoạn văn bản chèo “Xuý Vân giả dại” (Trích chèo *Kim Nham*); biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà trích đoạn văn bản chèo “Xuý Vân giả dại” (Trích chèo *Kim Nham*) muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.

***Đọc hiểu hình thức***

– HS nắm được một số nét đặc trưng của nghệ thuật chèo truyền thống thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại (tính vô danh và phương thức lưu truyền đã được nhắc đến trong phần Tri thức ngữ văn).

– HS hiểu được văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện là yếu tố quan trọng nhất làm nền cho toàn bộ hoạt động biểu diễn của một vở chèo.

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

***Đọc mở rộng***

- HS biết đọc các văn bản chèo có độ dài tương đương với văn bản đã học.

**2. Phẩm chất**

– HS đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xuý Vân

- Trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, thang đo, rubric đánh giá.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

Phan Thị Thúy Hằng - GV Trường THPT Lê Lợi, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, sđt 0386983618

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**PP trò chơi: Ô chữ bí mật**

* Có 4 miếng ghép tương ứng với 4 câu hỏi. Mở mỗi miếng ghép, HS sẽ biết được 1 chữ cái trong ô chữ bí mật. (HS được chọn bất kì miếng ghép nào, không cần theo thứ tự 1 – 4).
* Đồng thời, lật mỗi miếng ghép HS sẽ mở được 1 phần của bức tranh liên quan đến nội dung bài học.

HS nào đoán đúng nội dung bức tranh và đoán đúng ô chữ bí mật sẽ giành được 1 phần thưởng từ GV.

**\*Hệ thống câu hỏi và ô chữ bí mật:**

**Câu 1:** Người anh hùng trong thần thoại Hy Lạp đã cứu thần Prô-mê-tê khỏi xiềng xích?

**Câu 2**: Thành ngữ chỉ nỗi oan không giãi bày được?

**Câu 3**: Vai diễn trên sân khấu gây tiếng cười?

**Câu 4:** Điền chữ còn thiếu vào dấu “…” trong câu thơ sau của Nguyễn Khuyến:

*“Lá vàng trước gió khẽ đưa*…”

**Đáp án:**

Câu 1: HÊ-RA-CLÉT

Câu 2: OAN THỊ KÍNH

Câu 3: VAI HỀ

Câu 4: VÈO

* Ô chữ bí mật: **CHÈO**
* Bức tranh: Thị Kính cùng chồng là Thiện Sĩ (đoạn trích *Nỗi oan hại chồng* – trích chèo *Quan Âm Thị Kính*). Đây là đoạn trích chèo mà HS đã học trong chương trình lớp dưới (lớp 9 – chương trình cũ).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS chọn miếng ghép, nghe câu hỏi, suy nghĩ và trả lời.
* GV động viên, khuyến khích HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:**

Chèo là một thể loại đặc sắc của nghệ thuật sân khấu dân gian cổ truyền Việt Nam, được hình thành từ khá sớm, gắn bó với cuộc sống lao động, sinh hoạt của nhân dân lao động. Xưa kia cứ vào dịp mùa xuân, khi lúa đã bén chân tạo nên màu xanh rờn trên các cánh đồng, những lá cờ hội bay phấp phới trên các mái đình cũng là lúc các phường chèo gồng gánh hòm đồ lên đường đi xin đám (đi biểu diễn). Tiếng trống chèo rung lên náo nức mời gọi nam nữ thanh niên, già trẻ, gái trai đến sân đình vui buồn, cười khóc với diễn viên chèo.

Ngày nay, tuy chèo không còn được biểu diễn rộng rãi nơi các địa phương như trước đây nhưng loại hình sân khấu này vẫn là một món ăn tinh thần vô giá trong kho tàng văn hoá dân tộc.

Trong tiết học hôm nay, các em sẽ có dịp tìm hiểu thể loại sân khấu này qua kịch bản chèo *Kim Nham* với đoạn trích *“Xuý Vân giả dại”.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu Tri thức ngữ văn và văn bản “Xuý Vân giả dại”**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về thể loại chèo cổ và vở chèo *Kim Nham*, văn bản “Xuý Vân giả dại”.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về chèo cổ và vở chèo *Kim Nham*, văn bản “Xuý Vân giả dại”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, PHT

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV kiểm tra việc hoàn thành các Phiếu học tập 01, 02 ở nhà của HS:

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu thể loại chèo cổ (Chuẩn bị ở nhà)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu chung về Chèo** | |
| **1. Thế nào là chèo cổ?** | ........................................................................................... |
| **2. Nguồn gốc** | ........................................................................................... |
| **3. Đặc trưng của nghệ thuật chèo cổ** | ........................................................................................... |
| **4. Những vở chèo cổ đặc sắc** | ........................................................................................... |
| **5. Tích trò** | ........................................................................................... |
| **6. Nhân vật của chèo** | ........................................................................................... |

**Phiếu học tập 02:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu khái quát văn bản "Xuý Vân giả dại”**  **Đọc văn bản " Xuý Vân giả dại" và trả lời các câu hỏi sau:** | |
| **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** |
| **- Nêu bối cảnh của đoạn trích.** | ................................................................................ |
| **- Văn bản kể lại sự việc gì và diễn biến của sự việc đó như thế nào?** | ................................................................................  ................................................................................ |
| **- Nhân vật chính trong văn bản là ai? Nhân vật được thể hiện qua những phương tiện gì?** | ................................................................................  ................................................................................ |
| **- Nhan đề đoạn trích và hình ảnh vai diễn gợi cho em ấn tượng thế nào về nhân vật Xuý Vân?** | ................................................................................  ................................................................................ |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu chung về Chèo**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Em đã từng xem biểu diễn chèo cổ chưa? Đó là vở chèo cổ nào? Em xem trực tiếp hay xem qua TV/Youtobe?.  Chia sẻ một số ấn tượng của em về vở chèo cổ em đã xem.  - Chỉ ra ít nhất 02 nét khác biệt của nghệ thuật chèo cổ với các bộ môn nghệ thuật khác mà em nhận thấy khi xem (ví dụ về sân khấu biểu diễn; trang phục và động tác, lời hát của diễn viên trên sân khấu,...)  - Thế nào là chèo cổ? Nguồn gốc của chèo?  – Tại sao có thể nói chèo là một nghệ thuật mang tính tổng hợp?  – Những yếu tố nào góp phần làm nên một vở diễn chèo trọn vẹn? Trong đó, yếu tố nào đóng vai trò điểm tựa?  – Theo em, sự sáng tạo của diễn viên chèo thường được thể hiện trên những phương diện nào?  – Em có những hiểu biết gì về tính dị bản của kịch bản chèo dân gian? Tính dị bản có mối quan hệ như thế nào với tính vô danh, tính tập thể?  – Theo tìm hiểu riêng của em, có thể nói thêm điều gì về chèo ngoài những điều được trình bày ở phần Tri thức ngữ văn?  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 01: Tìm hiểu thể loại chèo cổ**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - HS thảo luận cặp đôi PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  **Mở rộng**:  GV cần nhấn mạnh thêm cho HS biết: văn bản chèo cổ mà HS được tiếp cận trong SGK chỉ là kịch bản (phần lời), còn nghệ thuật chèo cổ là sự tổng hợp của cả ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, tạo hình…. Đây là loại kịch hát, kể chuyện bằng sân khấu, khi biểu diễn có sử dụng biện pháp ước lệ, tượng trưng ở điệu bộ, động tác, trang phục nhân vật, đạo cụ sân khấu,… | **I. Tìm hiểu Tri thức ngữ văn và văn bản “Xuý Vân giả dại”**  **1. Tìm hiểu chung về Chèo**   |  |  | | --- | --- | | **1. Thế nào là chèo cổ?** | - Chèo cổ (chèo sân đình/chèo truyền thống) nguyên là một loại hình kịch hát, múa dân gian, kể chuyện, diễn kịch bằng hình thức sân khấu. | | **2. Nguồn gốc** | Hình thức sơ khai của chèo với tư cách là nghệ thuật biểu diễn đã xuất hiện từ khoảng thế kỉ X, ở vùng châu thổ Bắc Bộ, Việt Nam – cái nôi của nền văn minh lúa nước. | | **3. Đặc trưng của nghệ thuật chèo cổ** | **- Về nội dung tư tưởng:**  + Phản ánh đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm của con người trong xã hội phong kiến.  + Ca ngợi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người.  + Phê phán các thói hư tật xấu trong xã hội.  + Thể hiện sâu sắc tinh thần nhân văn.  **- Về hình thức:** Đây là bộ môn nghệ thuật mang tính tổng hợp, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự hỗ trợ của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo, trên cơ sở một tích trò có sẵn. | | **4. Những vở chèo cổ đặc sắc** | *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình – Dương Lễ, Kim Nham, Trương Viên, Từ Thức*,… | | **5. Tích trò** | - Là yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất của vở chèo, làm điểm tựa cho toàn bộ hoạt động biểu diễn, tuy có tính ổn định nhưng vẫn để ngỏ khả năng thêm thắt, bổ sung cho diễn viên. Vì thế một tích trò có nhiều dị bản là một sáng tạo mang tính tập thể.  - Tích trò của chèo dân gian (tích chèo) thường được xây dựng dựa vào truyện cổ tích hay truyện thơ Nôm, thể hiện các đề tài sinh hoạt, đạo đức gần gũi với khán giả bình dân. | | **6. Nhân vật của chèo** | - Không xa lạ với đời sống thường ngày của người dân lao động xưa, gồm nhiều hạng người trong xã hội: có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau.  - Xét theo tính cách, nhân vật chèo được phân thành hai loại chính: *vai chín* (tích cực) và *vai lệch* (tiêu cực). Mỗi loại nhân vật thường tự biểu hiện mình bằng một số làn điệu hát và động tác múa đặc trưng. Gây được ấn tượng mạnh nhất trong các vở chèo thường là những *vai nữ*, *vai hề*. | |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **\*Tìm hiểu về vở chèo *Kim Nham***  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về vở chèo *Kim Nham*.  - Đọc phần tóm tắt vở chèo ở SGK tr.127  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **2. Vở chèo *Kim Nham***  **a. Vị trí**  ***Kim Nham*** là một trong số các vở [chèo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A8o) cổ kinh điển của nghệ thuật sân khấu chèo [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hội tụ được những tinh hoa của nghệ thuật chèo, vừa giàu tính bi kịch, vừa đầy tiếng cười hài hước, có những lớp, những màn hết sức đặc sắc, gắn liền với tài năng biểu diễn của các nghệ sĩ qua nhiều thời.  b. Nội dung chính  - Nêu cao bài học đạo lí khi thể hiện quan hệ gia đình, vợ chồng.  - Đồng thời cũng bộc lộ sự cảm thông với thân phận người phụ nữ trong xã hội nam quyền xưa.  **c. Tóm tắt** (SGK/Tr127)  Kim Nham là một nho sinh, trọ học ở Tràng An. Sau khi kết duyên với Xúy Vân, chàng tiếp tục lên kinh miệt mài đèn sách đợi khoa thi, để Xúy Vân sống trong cảnh cô đơn, buồn bã. Ở quê, Xúy Vân bị gã Trần Phương tán tỉnh, hứa hẹn ngon ngọt. Nàng giả điên với hi vọng thoát khỏi Kim Nham để theo Trần Phương. Sau những cố gắng chạy chữa cho vợ không thành, Kim Nham đành phải để cho nàng được tự do. Xúy Vân tìm đến Trần Phương nhưng bị hắn trở mặt, quay lưng. Từ chỗ giả điên, Xúy Vân đã hóa điên thật. |
| **\*Tìm hiểu về văn bản “Xuý Vân giả dại”**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý các chỉ dẫn sân khấu in nghiêng trong các dấu ngoặc đơn và ngôn ngữ nhân vật để hình dung hành động, tâm trạng và cảm xúc của nhân vật.  - GV phân công đọc phân vai:  + 01 HS đọc các chỉ dẫn in nghiêng trong dấu ngoặc đơn.  + 01 HS đọc lời của Xuý Vân.  + Các HS còn lại đọc lời (Đế)  ***-*** GV đọc mẫu 1 đoạn trong lời của Xuý Vân rồi mời các HS đọc phân vai.  **-** *Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về văn bản. Chia sẻ các từ mà lần đầu đọc văn bản em thấy khó hiểu và kết quả tìm hiểu của em về các từ ngữ đó.*  **\*Tìm hiểu khái quát văn bản:**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi hoàn thành nội dung **phiếu học tập 02.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ thông tin theo HT cặp đôi  - HS khác nghe, phản hồi, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng | **3. Văn bản “Xuý Vân giả dại”**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích, từ khó**  **-** Đọc: chú ý các chỉ dẫn in nghiêng trong ngoặc đơn.  - Chú thích: HS theo dõi các chú thích ở SGK tr.127-131  - Giải thích các từ khó.  **b. Tìm hiểu khái quát văn bản**  **Phiếu học tập 02:**   |  |  | | --- | --- | | **Tìm hiểu khái quát văn bản "Xuý Vân giả dại”**  **Đọc văn bản " Xuý Vân giả dại" và trả lời các câu hỏi sau:** | | | **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** | | * **Nêu bối cảnh của đoạn trích.** | Xuý Vân có cuộc sống hôn nhân sắp đặt bởi cha mẹ. Sống bên người chồng là Kim Nham chỉ mải mê đèn sách, Xuý Vân không tìm thấy hạnh phúc. Khi chồng xa nhà ôn thi, nàng bị Trần Phương dụ dỗ. Nghe lời nhân tình, Xuý Vân giả điên dại để Kim Nham buộc phải trả nàng về nhà, để có thể đi theo Trần Phương. | | **- Văn bản kể lại sự việc gì và diễn biến của sự việc đó như thế nào?** | - Văn bản kể lại sự việc Xúy Vân giả dại (bị Trần Phương lừa gạt, xui giả điên để từ bỏ chồng).  - Diễn biến: Xuý Vân gọi chờ đò - xưng danh - hát điệu con gà rừng - Xuý Vân than thân - Xuý Vân hát ngược. | | **- Nhân vật chính trong văn bản là ai? Nhân vật được thể hiện qua những phương tiện gì?** | - Nhân vật chính trong văn bản là: Xúy Vân  - Được thể hiện qua các chi tiết ngôn ngữ, hành động, tâm trạng:  + Ngôn ngữ: qua tiếng gọi đò, lời hát điệu con gà rừng, trong lời than, lời hát ngược.  + Hành động: múa, hát, xưng danh, vừa múa hát vừa cười điên dại.  + Tâm trạng: đan xen nhiều cung bậc: đau khổ trước tình duyên bẽ bàng; thấy lạc lõng, cô đơn, uất ức không thể chia sẻ cùng ai khi ở gia đình chồng; đối lập giữa ước mơ về hạnh phúc giản dị với thực tại bị chồng sao nhãng, bỏ bê khi mải đèn sách; chịu áp lực từ nhiều phía,… | | **- Nhan đề đoạn trích và hình ảnh vai diễn gợi cho em ấn tượng thế nào về nhân vật Xuý Vân?** | - Nhan đề đoạn trích và hình ảnh vai diễn trên gợi cho em ấn tượng ban đầu về Xúy Vân là vốn là một người bình thường, xinh đẹp, nết na mà lại đi giả dại.  - Gợi cho người đọc tò mò, băn khoăn về lí do vì sao Xuý Vân phải giả điên giả dại. |   **b. Giá trị văn bản**  “Xuý Vân giả dại” là lớp chèo thuộc loại đỉnh cao không chỉ của riêng vở *Kim Nham* mà còn của cả nền chèo cổ Việt Nam gắn với tên tuổi nhiều diễn viên tài năng xuất chúng như: Dịu Hương, Diễm Lộc, Thúy Ngần,... |

**Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của trích đoạn văn bản chèo “Xuý Vân giả dại” (Trích chèo *Kim Nham*):

+ Hiểu được tình cảnh đáng thương và diễn biến tâm trạng của nhân vật Xuý Vân trong màn giả dại.

+ Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá thể hiện trong kịch bản chèo.

+ Nhận biết được các yếu tố nghệ thuật chèo đặc sắc.

* Trân trọng phẩm chất tốt đẹp, đồng cảm với số phận bi kịch và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật đoạn trích.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**PHIẾU HỌC TẬP 03:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Xuý Vân trong đoạn trích**  **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:** | | | |
| **Nhóm** | **Nhiệm vụ** | **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| **1** | **Tâm trạng Xuý Vân qua lời nói lệch, vỉa** | * *Xuý Vân cất tiếng than với ai?* * *Lời gọi đò của Xuý Vân thể hiện tâm trạng gì ?* | ………………….  …………………. |
| **2** | **Tâm trạng Xuý Vân qua lời hát quá giang** | * *Ở lời hát quá giang Xuý Vân đã bộc lộ tâm sự gì ?* * *Lời van xin đó cho thấy nỗi niềm gì của nhân vật ?* * *Xuý Vân muốn chỉ ai là "người trăng gió" và muốn nhắc nhở ai "giữ lấy đạo hằng" ?* | ………………….  …………………. |
| **3** | **Tâm trạng Xuý Vân qua lời hát điệu con gà rừng** | *Đoạn lời thoại được thể hiện theo điệu “con gà rừng” cho biết những điều gì*  *về cảnh ngộ đời sống cũng như niềm mong ước của Xuý Vân?* | ………………….  …………………. |
| **4** | **Tâm trạng Xuý Vân trong lời hát sắp** | *Chỉ ra hình ảnh ẩn dụ trong lời hát sắp của Xuý Vân. Qua đó, Xuý Vân muốn than về điều gì?* | ………………….  …………………. |
| **Tâm trạng Xuý Vân trong lời hát ngược** | *Xuý Vân gửi gắm những điều gì qua những câu hát ngược ?* | ………………….  …………………. |
| **Câu hỏi chung** | **Em có nhận xét gì về những yếu tố của nghệ thuật chèo dùng để miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật trong đoạn trích?** | | ………………….  …………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xuý Vân**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Em hãy cho biết đâu là nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xuý Vân?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tìm hiểu nguyên nhân dựa vào phần tóm tắt SGK và một số lời thoại của Xúy Vân trong văn bản  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi HS trả lời  HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **\* Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Xuý Vân trong đoạn trích**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận theo cặp trong bàn:**  *- Tác giả dân gian đã sử dụng các lối nói, làn điệu, vũ điệu, chỉ dẫn sân khấu nào để thể hiện tâm trạng của Xuý Vân khi giả dại?*  *- Theo em, trong lời nói, lời hát giả dại của Xuý Vân, có phải tất cả đều là lời điên dại không?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trao đổi theo cặp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi đại diện 1 số cặp trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Thảo luận nhóm:**  **Kĩ thuật Khăn trải bàn**  Những kỹ thuật dạy học tích cực dành cho thầy cô (part 1) -  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Các nhóm hoàn thành **phiếu HT số 03** về diễn biến tâm trạng của Xuý Vân trong đoạn trích:  GV chia lớp thành 04 nhóm:  **- Nhóm 1:** Tìm hiểu tâm trạng của Xuý Vân qua lời nói lệch, vỉa.  **- Nhóm 2:** Tìm hiểu tâm trạng của Xuý Vân qua lời hát quá giang.  **- Nhóm 3:** Tìm hiểu tâm trạng của Xuý Vân qua lời hát điệu con gà rừng.  **- Nhóm 4:** Tìm hiểu tâm trạng của Xuý Vân qua lời hát sắp, hát ngược.  - Các nhóm cùng rút ra nhận xét về những yếu tố của nghệ thuật chèo dùng để miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật trong đoạn trích.  **Thời gian làm việc nhóm: 05 phút**  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.** (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. | **II. Đọc – hiểu chi tiết**  **1. Nguyên nhân dẫn đến hành động giả dại của Xuý Vân**  - Nguyên nhân trực tiếp: lời xúi giục và hứa hẹn ngon ngọt của Trần Phương – gã người tình trăng hoa và đểu cáng (nguyên nhân này có thể được nhận biết một phần qua những chi tiết ngoài văn bản, ở đoạn tóm tắt tác phẩm và một phần qua chính đoạn xưng danh của Xuý Vân trong văn bản).  - Nguyên nhân sâu xa: nỗi buồn chán, cô đơn khi phải sống xa chồng và niềm khát khao cảnh sống êm đềm, hạnh phúc của Xuý Vân (cũng như trên, nguyên nhân này có thể được nhận biết qua những thông tin cả trong lẫn ngoài văn bản)  **2. Diễn biến tâm trạng của Xuý Vân**  **\*Tâm trạng của Xuý Vân được bộc lộ qua các lối nói, làn điệu, vũ điệu, chỉ dẫn sân khấu:**  - Lối nói: *nói lệch, vỉa, nói điệu sử rầu, nói.*  - Làn điệu: *quá giang, con gà rừng, sắp, sa lệch, hát ngược.*  - Vũ điệu: Múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi.  - Chỉ dẫn sân khấu khác:  *+ Đế*  *+ Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuý Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi. Múa xong, Xuý Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệch.*  *+ Xuý Vân vào, vừa đi vừa cười điên dại.*  => Lời nói, lời hát khi giả dại: Những câu điên dại không nhiều mà ngược lại rất tỉnh táo lúc bóng gió lúc xa xôi 🡪 tâm trang thật.  \***Diễn biến tâm trạng của Xuý Vân**: được bộc lộ phong phú, đa dạng:  **a. Qua lời nói lệch, vỉa (tiếng gọi chờ đò)**  **-** Cất tiếng thở than cùng bà Nguyệt - người se duyên vợ chồng.  - Tiếng gọi đò tha thiết:  + hình ảnh ẩn dụ: chuyến đò nhân duyên  + hình ảnh cô gái càng chờ đợi, con đò càng không tới đã cụ thể hoá sự bẽ bàng, lỡ dở của Xuý Vân.  🡺*Tâm trạng đau khổ vì mối tơ duyên, thiết tha với hạnh phúc nhưng vô vọng.*  **b. Qua lời hát quá giang**  - Tự thấy mình vô nghĩa, lạc lõng trong gia đình Kim Nham:  *Chả nên gia thất thì về,*  *Ở làm chi mãi cho chúng chê, bạn cười.*  =>Xuý Vân như muốn "phá phách", muốn tự giải phóng.  - Mượn cụm từ " trăng gió" để tự thanh minh cho mình: Tâm trạng Xuý Vân luôn cảm thấy day dứt không yên về mối quan hệ của mình với Trần Phương nhưng nàng vẫn muốn khẳng định :  + Tấm lòng ngay thẳng của mình "tôi không trăng gió"– do hoàn cảnh.  + Sự bất biến trong đạo làm người của mình "giữ lấy đạo hằng".  Lời khẳng định lại được mở đầu bằng lời van xin tội nghiệp : " *Tôi chắp tay lạy bạn đừng cười"*  🡪 Thể hiện tâm trạng đầy mâu thuẫn, bối rối của Xuý Vân:  + + muốn bỏ Kim Nham để đi theo tình cảm riêng nhưng lại sợ mọi người chê cười.  ++ đi theo Trần Phương nhưng lại khuyên người ta giữ lấy đạo hằng.  => Mâu thuẫn giữa tình cảm thực, khát vọng được giải phóng với ý thức về đạo đức của người phụ nữ trong XHPK.  **c. Qua lời hát điệu con gà rừng**  **-** Đoạn lời thoại được thể hiện theo điệu “con gà rừng” cho thấy nỗi đắng cay, tấm tức của Xuý Vân khi bị đặt vào một hoàn cảnh không được như ý, có cái gì như là sự cọccạch, bất tương xứng, chẳng khác tình trạng “Con gà rừng ăn lẫn với công”. Nỗi niềm nàykhông thể được tỏ bày “láng giềng ai hay?”, bởi làm sao có thể nói về một điều do “xuân huyên”(cha mẹ) sắp đặt.  - Sâu trong lòng, nàng chỉ ao ước được sống trong cảnh vợ chồng sum họp,hoà thuận: “Chờ cho bông lúa chín vàng,/ Để anh đi gặt, để nàng mang cơm”.  - Nếu việc lặp lạihai dòng “Bông bông dắt, bông bông díu,/ Xa xa lắc, xa xa líu” nhằm diễn tả cảm giác vui vầy,ríu rít của đôi vợ chồng được cùng làm lụng bên nhau, giúp đỡ nhau (theo tưởng tượng,ước mong hơn là theo thực tế), thì việc lặp lại dòng “Láng giềng ai hay, ức bởi xuân huyên” (cách quãng, dòng đặt giữa đoạn, dòng đặt cuối đoạn) lại nhằm biểu đạt nỗi ấm ức, bất bình trước thực tại, cố nén xuống bao nhiêu lại dội lên bấy nhiêu. Từ “ức” là tiếng đệm trong câu hát, vừa mô phỏng tiếng kêu của con gà nghẹn thóc, vừa mang nghĩa bất bình, uất ức.  => Nói chung, sự xen kẽ giữa niềm vui và nỗi buồn trong tâm trạng Xuý Vân đã thể hiện rất rõ khát khao hạnh phúc của nhân vật. Đó là điều cần được cảm thông.  **-** Mâu thuẫn giữa ước mơ và thực tế:  + Xuý Vân ước mơ gia đình đầm ấm trong giản dị:  *"Chờ cho bông lúa chín vàng*  *Để anh đi gặt để nàng mang cơm"*  **+** Còn Kim Nham ước mơ hạnh phúc bằng con đường công danh, sự nghiệp**.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ước mơ**  Có một gia đình đầm ấm, cùng nhau lao động, sẻ chia ngọt bùi | **><**  **Đối lập** | **Thực tế**  Kim Nham mải mê giấc mộng công danh, để nàng trong cô đơn. |   **-** Lời hát lặp lại *"xa xa lắc, xa xa líu"*  =>Hạnh phúc sum vầy xa lắc xa lơ, mãi mãi chỉ là khát khao.  **d. Qua lời hát sắp (lời than)**  *Con cá rô nằm vũng chân trâu*  *Để cho năm bảy cần câu châu vào!*  *-* Gợi bóng gió về không gian cạn, hẹp ("vũng chân trâu") lại đầy bất trắc ("năm, bảy cần câu châu vào") – Biểu tượng cho xã hội phong kiến với những luật tục trói buộc người phụ nữ.  🡪 Lời hát thể hiện tâm trạng bế tắc, cô đơn.  **e. Qua lời hát ngược**  - Những điều ngược đời, phi thực tế trong câu hát của Xuý Vân gợi hình ảnh ngược đời trớ trêu, điên đảo, đúng sai, thực giả mà cô chứng kiến trong cuộc đời.  - Thể hiện sự bế tắc, mất phương hướng của nhân vật.  **\*Nghệ thuật diễn tả tâm trạng nhân vật trong đoạn trích chèo:**  - Diễn tả hoàn cảnh lỡ làng, bẽ bàng của Xuý Vân bằng tiếng gọi đò tha thiết + lời than thở ở đầu tác phẩm.  - Những câu hát giàu hình ảnh, nhiều ngụ ý, thể hiện tâm trạng đầy bối rối, mâu thuẫn.  - Sự đan cài giữa những câu hát tỉnh và những câu hát dại, đặc biệt là những câu hát ngược.  => Chân dung Xuý Vân đau khổ, bi kịch. |
| **\*Thảo luận theo nhóm nhỏ, có thể tổ chức thảo luận 2 bàn/nhóm:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Theo em, vì sao Xuý Vân lại nguyện đi theo Trần Phương. Hành động bỏ chồng để đi theo Trần Phương cho thấy Xuý Vân là người như thế nào?*  *- Khi đi theo Trần Phương, Xuý Vân phải chịu bi kịch tiếp theo là gì?*  *- Theo em, nhân vật Xuý Vân đáng thương hay đáng trách?*  *- Theo em, nguyên nhân nào gián tiếp gây nên bi kịch cho cuộc đời Xuý Vân? Tác giả dân gian gửi gắm tình cảm gì dành cho nhân vật Xuý Vân đằng sau vở chèo?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trao đổi theo nhóm nhỏ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * HS thoải mái chia sẻ quan điểm bản thân. * GV quan sát, khuyến khích các em mạnh dạn bày tỏ quan điểm.   **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3. Tình cảnh đáng thương của Xuý Vân**  **a. Bi kịch của Xuý Vân**  - Cuộc hôn nhân của Thúy Vân và Kim Nham là do cha mẹ sắp đặt vội vàng không hoàn toàn có tình yêu.  + Khi nàng mới về nhà chồng cũng là một người vợ tốt, người phụ nữ đảm đang, khéo léo, đẹp người đẹp nết.  + Nàng có ước mơ giản dị, chính đáng. Nhưng ước mơ đó lại không cùng lí tưởng với Kim Nham và gia đình chàng => Xuý Vân rơi vào tình cảnh lạc lõng, cô đơn trong gia đình chồng.  + Trong lúc lạc lõng nhất thì nàng gặp Trần Phương, cái người mà cô coi như tri kỉ, tri âm, người cảm thông với mình.  => Hành động đi theo Trần Phương cho thấy Xuý Vân đã dám vượt qua rào cản của lễ giáo phong kiến. Có thể coi đây là hành động dũng cảm dám chạy theo tình yêu tự do.  + Bi kịch tiếp theo của Xuý Vân là "*phụ Kim Nham say đắm Trần* *Phương"* nhưng lại bị Trần Phương phụ bạc.  => Hậu quả: *"Nên đến nỗi điên cuồng rồ dại" - Cuối cùng phải chết một cách đáng thương.*  **b. Nguyên nhân bi kịch của Xuý Vân**  Tình trạng đau khổ, bế tắc, bi kịch của Xuý Vân có nguyên nhân từ xã hội:  + Chế độ hôn nhân: “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”.  + Quan niệm “tam tòng”, không có chỗ cho một Xuý Vân tự do “tháo cũi sổ lồng”, tự do yêu đương để được hưởng hạnh phúc.  **c. Cái nhìn nhân đạo của tác giả dân gian**  **-** Thái độ của tác giả dân gian: Cảm thông với đau khổ và bế tắc của nhân vật.  => Cách nhìn nhận, đánh giá con người mang tính nhân đạo sâu sắc. |
| **\*Thảo luận theo nhóm nhỏ, có thể tổ chức thảo luận 2 bàn/nhóm:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua lớp chèo này, em hiểu thêm được những điều gì về đời sống văn hoá làng xã Việt Nam thuở xưa?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trao đổi theo nhóm nhỏ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * HS chia sẻ quan điểm bản thân. * GV quan sát, khuyến khích các em mạnh dạn bày tỏ quan điểm.   **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **4. Bức tranh đời sống văn hóa** **làng xã Việt Nam thuở xưa qua lớp chèo “Xúy Vân giả dại”**  Qua lớp chèo, có thể thấy được phần nào không gian quen thuộc của nông thôn Việt Nam xưa với các hình ảnh như con sông, bến đò,… những cảnh sinh hoạt như gặt lúa, mang cơm,... Ta cũng có thể nhận ra sự tồn tại của những thiết chế tinh thần ràng buộc đời sống con người như quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” và dư luận xã hội (rõ ràng ở Xuý Vân luôn có một nỗi ám ảnh về tình trạng “chúng chê, bạn cười”)… Đặc biệt, ta còn cảm nhận được sự đồng vọng thắm thiết giữa những tấm lòng trong cộng đồng làng xã mỗi khi các từ xưng hô như “chị em”*,* “bạn” vang lên. |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản”Xuý Vân giả dại”, rút ra cách đọc hiểu văn bản chèo.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS tóm tắt những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản “Xuý Vân giả dại”.  - Từ đó em rút ra để đọc hiểu một văn bản chèo, chúng ta cần lưu ý điều gì?  (Nêu được ít nhất 03 điều trong đọc hiểu văn bản chèo).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, sinh động với lời nói, lời hát,…  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, đặc biệt là qua diễn biến tâm trạng.  - Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế.  - Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu.  **2. Nội dung**  *-* Dựng lên chân dung nhân vật Xúy Vân đầy bi kịch, qua đó phản ánh số phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Lên án xã hội phong kiến xưa, đồng thời đòi quyền được hưởng hạnh phúc cho người phụ nữ.  **3. Cách đọc hiểu văn bản chèo**  - Cốt truyện (tích chèo): văn bản kể lại sự việc gì và diễn biến của sự việc đó như thế nào?  **-** Nhân vật:Nhân vật chính là ai? Nhân vật được thể hiện qua các chi tiết ngôn ngữ, hành động, tâm trạng,… như thế nao?  - Xác định được những chỉ dẫn sân khấu, các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,… được sử dụng để tái hiện bối cảnh, hành động, tâm trạng,… của nhân vật.  - Rút ra nội dung tư tưởng của vở chèo: Vở chèo phản ánh nội dung gì? Thể hiện tình cảm gì của tác giả dân gian?  **-**  Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Viết tích cực

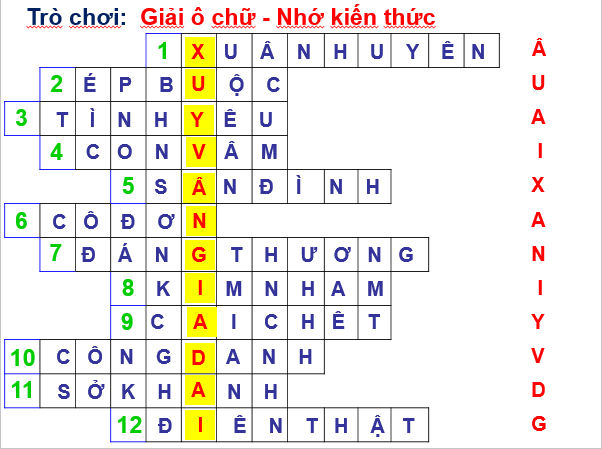
**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1: Trò chơi Giải ô chữ**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

* GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi giải ô chữ để khắc sâu, củng cố thêm kiến thức bài học.
* GV chia 4 tổ. Lần lượt đại diện của tổ chọn ô hàng ngang, tổ sẽ có 15s để thống nhất, đưa ra đáp án ô hàng ngang. Nếu tổ đó trả lời sai hoặc không có câu trả lời thì 1 trong 3 đội còn lại sẽ giành được quyền trả lời.
* Trả lời đúng mỗi ô hàng ngang được 10 điểm.
* Trả lời đúng ô hàng dọc được 50 điểm.
* Nếu trả lời sai ô hàng dọc thì đội chơi không còn quyền chơi tiếp mà cơ hội giành cho các đội còn lại.

****

**Ô hàng ngang 1**: *Gồm 9 chữ cái* - Trong điệu hát con gà rừng từ *cha mẹ* được diễn đạt bằng từ gì ?

**Ô hàng ngang 2**: *Gồm 6 chữ cái* - Cuộc hôn nhân giữa Xúy Vân và Kim Nham là cuộc hôn nhân do?

**Ô hàng ngang 3:** *Gồm 7 chữ cái* - Xúy Vân rời bỏ Kim Nham để chạy theo Trần Phương là chạy theo tiếng gọi của ?

**Ô hàng ngang 4**: *Gồm 6 chữ cái* - Trong *lời hát ngược,* con gì ấp trứng ba ba?

**Ô hàng ngang 5**: *Gồm 7 chữ cái* - Chèo cổ còn có cách gọi khác là gì ?

**Ô hàng ngang 6***: Gồm 5 chữ cái -* Từ khi lấy chồng Xúy Vân phải sống trong tình cảnh như thế nào ?

**Ô hàng ngang 7**: *Gồm 10 chữ cái* - Hoàn cảnh của Xúy Vân đáng thương hay đáng trách?

**Ô hàng ngang 8:** *Gồm 8 chữ cái -* Trích đoạn Xúy Vân giả dại nằm trong vở chèo nào?

**Ô hàng ngang 9:** *Gồm 7 chữ cái* - Xúy Vân giải quyết bi kịch đời mình bằng cách nào ?

**Ô hàng ngang 10:** *Gồm 8 chữ cái* - Ước mơ, lí tưởng của Kim Nham là gì ?

**Ô hàng ngang 11:** Gồm 7 chữ cái - Nhân vật Trần Phương có tính cách giống nhân vật nào trong Truyện Kiều ?

**Ô hàng ngang 12:** *Gồm 7 chữ cái -* Từ chỗ giả điên Xúy Vân đã rơi vào tình trạng gì ?

**Ô hàng dọc: XUÝ VÂN GIẢ DẠI**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực tham gia trò chơi.
* GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

**\*Nhiệm vụ 2: Viết tích cực**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Yêu cầu HS:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của em về nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân được thể hiện qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.
* Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn.
* Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

* Giáo viên cung cấp thang đo cho HS tự đánh giá.
* Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

**THANG ĐO KĨ NĂNG VỀ QUÁ TRÌNH TẠO LẬP ĐOẠN VĂN**

**NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Học sinh……………………………………………… Lớp……………………………**

(*Chú thích về các mức độ trong thang đo kĩ năng về quá trình tạo lập văn bản nghị luận văn học )*

Mức độ 1. Không chú ý

Mức độ 2. Thỉnh thoảng hoặc còn qua loa, sơ sài

Mức độ 3. Nắm được các yêu cầu và trình bày ở mức độ vừa phải, chưa sâu sắc

Mức độ 4: Nắm chắc yêu cầu, trình bày cụ thể khoa học, logic, thuyết phục

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | **I. Tìm hiểu đề** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | A. Đọc đề bài, tìm hiểu các từ ngữ quan trọng của đề |
| 1 | 2 | 3 | 4 | B. Tìm ra vấn đề và phương diện thể hiện vấn đề |
| 1 | 2 | 3 | 4 | C. Xác định đúng kiểu bài, cách trình bày văn bản  (Viết đoạn văn cảm nhận văn học) |
|  | | | | **II. Tìm ý và lập dàn ý** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | A. Xác định các nội dung cơ bản cần có của bài viết. |
| 1 | 2 | 3 | 4 | B. Nêu được cảm nhận khái quát |
| 1 | 2 | 3 | 4 | C. Biểu hiện của vấn đề về nội dung, nghệ thuật |
| 1 | 2 | 3 | 4 | D. Quan tâm đến lựa chọn dẫn chứng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | Đ. Chú ý việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong khi viết đoạn văn |
| 1 | 2 | 3 | 4 | F. Quan tâm cách trình bày, diễn đạt |
| 1 | 2 | 3 | 4 | G. Bài học và liên hệ bản thân |
|  | | | | **III.Viết bài** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | A. Hình thức : đoạn văn, dùng từ, chữ viết… |
| 1 | 2 | 3 | 4 | B . Sắp xếp các ý lớn, ý nhỏ của văn bản |
| 1 | 2 | 3 | 4 | C. Cách diễn đạt nêu cảm nhận, dẫn chứng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | D. Tính thuyết phục và cá tính trong quá trình tạo lập văn bản |
|  |  |  |  | **IV. Đọc lại và sửa lỗi** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | A. Đọc lại đoạn văn bản sau khi đã tạo lập xong, sửa chữa lại những nội dung, từ ngữ chưa hợp lý, bổ sung thêm các nội dung, các ý tưởng vừa phát hiện |
| 1 | 2 | 3 | 4 | B. Rút kinh nghiệm cho các bài viết tiếp theo |

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn | **0** |
| **Nội dung** | - Nêu được cảm nhận chung về nỗi niềm của Xuý Vân | **0,5** |
| * Nêu được dẫn chứng làm rõ cho nỗi niềm của Xuý Vân:   + Qua tiếng gọi chờ đò  + Qua điệu hát con gà rừng  + Qua lời hát sắp, hát ngược | **3** |
| * Nêu được đặc sắc nghệ thuật và biểu hiện làm rõ:   + Ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, sinh động với lời nói, lời hát,…  + Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế: qua hành động, ngôn ngữ,… | **3** |
| Khẳng định cảm xúc, nhận thức của người viết | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... .........................................................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa, cần bổ sung những ý nào?

.............................................................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................................................

4. Bài viết đã đánh giá được nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân qua trích đoạn *Xuý Vân giả dại* theo cảm nhận của riêng em chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

*Nếu nhân vật Xuý Vân sống ở thời hiện đại, theo em, nàng có thể chọn cách giải thoát bi kịch của bản thân như thế nào?*

**Kĩ thuật Think – Pair – Share**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Think (Nghĩ):** HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.  **B2: Pair (Bắt cặp):** HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.  **B3:** **Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp. | (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.
* GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm.
* Nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

**Gợi ý trả lời:**

**- HS cần c**hú ý đến sự khác biệt giữa thời đại, chuẩn mực xã hội và hoàn cảnh sống của nhân vật giữa hai thời đại phong kiến – hiện đại để lí giải quan điểm.

- Ví dụ:  Nếu nhân vật Xúy Vân trong vở chèo *Kim Nham* sống ở thời điểm hiện đại có thể giải thoát bi kịch của bản thân theo cách tích cực hơn, chứ không phải chọn con đường cùng là cái chết.

+ Trong cuộc hôn nhân với Kim Nham, khi không tìm thấy tiếng nói chung, khi sống không hạnh phúc thì Xuý Vân có thể nói chuyện thẳng thắn về mong muốn của mình với chồng để mong chồng hiểu được tâm trạng, mong muốn của bản thân nàng.

+ Nếu 2 người không thể tìm thấy tiếng nói chung thì có thể chia tay trong hoà bình để mỗi người đi tìm hạnh phúc riêng chứ nàng không cần phải giả điên để chồng ruồng rẫy.

+ Hơn nữa, trước khi muốn kết thúc mối quan hệ vợ chồng với Kim Nham để chạy theo tình yêu của Trần Phương thì nàng phải tìm hiểu kĩ con người kia là như thế nào chứ không vì cảm xúc nhất thời mà buông bỏ mái ấm đang có.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Tìm đọc thêm các trích đoạn khác trong kịch bản chèo *Kim Nham.*

- Xem trọn vẹn vở chèo cổ *Kim Nham* trên Youtobe.

**- Chuẩn bị bài:** đọc, tìm hiểu về văn bản “Huyện đường” (Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Tiết**  ............

**VĂN BẢN 2: HUYỆN ĐƯỜNG**

**(Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuồng - Từ điển Wiki** | **Cải lương xưa Ngao Sò Ốc Hến 1982 (phần 03 hết) - Thanh Kim Huệ , Thanh  Điền, Giang Châu - video Dailymotion** |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- HS cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm của cảnh tuồng “Huyện đường”.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.

***Đọc hiểu hình thức***

- HS nắm được một số đặc điểm của tuồng dân gian thể hiện qua đoạn trích trên các

phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại (tính vô danh và phương thức lưu truyền đã được nhắc đến trong phần Tri thức ngữ văn).

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản văn học.

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

***Đọc mở rộng***

- HS biết đọc các văn bản tuồng có độ dài tương đương với văn bản đã học.

**2. Phẩm chất**

- Biết phê phán những thói hư tật xấu của con người.

- Hướng đến rèn luyện nhân cách, hoàn thiện bản thân.

- Có ý thức học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, tranh, ảnh, video liên quan, giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PP Vấn đáp**

* Em đã bao giờ xem một vở tuồng chưa?
* Giữa sự nở rộ của muôn vàn phương tiện nghe nhìn và những hình thức giải trí hấp dẫn khác, em nghĩ như thế nào nếu người khác đề nghị em bỏ một chút thời gian để xem một vở tuồng?

Chia sẻ suy nghĩ của em với các bạn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, trả lời**: HS suy nghĩ, chia sẻ.

**Bước 3: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:** Tuồng (còn gọi là hát bộ, hát bội) là một loại hình nghệ thuật sân khấu cân đối có tính cổ điển, bác học bậc nhất của Việt Nam. Trải qua những biến động lịch sử của đất nước, nghệ thuật tuồng cổ đang dần bị mai một, chính vì vậy, khôi phục và bảo tồn Tuồng cổ là nhiệm vụ đầy thách thức, nhất là trong bối cảnh văn hóa hội nhập ngày nay. Giữa sự nở rộ của muôn vàn phương tiện nghe nhìn và những hình thức giải trí hấp dẫn khác, nếu ai đó đề nghị mình bỏ một chút thời gian để xem một vở tuồng cũng thật thú vị, hôm nay chúng ta hãy chắt chiu chút thời gian đó để cùng nhau thử khám phá cảnh tuồng mang tên “Huyện đường” (trích tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”)

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Bổ sung tri thức nền và trải nghiệm văn bản**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về nghệ thuật tuồng, vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến” và trích đoạn tuồng “*Huyện đường*.”.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nghệ thuật tuồng, vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến” và trích đoạn tuồng “Huyện đường”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, Phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV kiểm tra việc hoàn thành các Phiếu học tập 01, 02 ở nhà của HS:

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu thể loại tuồng (Chuẩn bị ở nhà)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu chung về Tuồng** | |
| **1. Thế nào là tuồng?** | .............................................................................. |
| **2. Phân loại** | .............................................................................. |
| **3. Đặc trưng của nghệ thuật tuồng** | .............................................................................. |
| **4. Những vở tuồng đặc sắc** | .............................................................................. |
| **5. Tích tuồng dân gian** | .............................................................................. |

**Phiếu học tập 02: Tìm hiểu chung về văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bối cảnh đoạn trích** | .............................................................................. |
| **Nhân vật** | .............................................................................. |
| **Tóm tắt đoạn trích** | .............................................................................. |
| **Ý nghĩa đoạn trích** | .............................................................................. |
| **Bố cục của đoạn trích (màn tuồng)** | .............................................................................. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu về thể loại tuồng**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Em hiểu thế nào về thể loại tuồng?*  *- Nghệ thuật tuồng gồm những bộ phận sáng tác chủ yếu nào? Nêu tên những vở tuồng em biết hoặc đã xem diễn.*  *- Những điểm gì có thể làm căn cứ để nhận diện tuồng dân gian?*  *- Tích tuồng dân gian có những đặc điểm gì đáng chú ý về nội dung và hình thức?*  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 01**. **Tìm hiểu thể loại tuồng**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi về PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tìm hiểu về thể loại tuồng**   |  |  | | --- | --- | | **1. Thế nào là tuồng?** | - Tuồng là một loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn ở vùng Nam Trung Bộ. | | **2. Phân loại** | Tuồng được chia làm 2 loại:  + Tuồng cung đình  + Tuồng dân gian | | **3. Đặc trưng của nghệ thuật tuồng** | - Về nội dung tư tưởng:  + Tuồng cung đình: Ca ngợi đạo lí vua tôi, lòng yêu nước, khát vọng đánh giặc bảo vệ đất nước, bảo vệ triều đình.  + Tuồng dân gian: Phản ánh hiện thực xã hội gắn với cuộc sống sinh hoạt của nhân dân lao động, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội.  - Về hình thức: Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. | | **4. Những vở tuồng đặc sắc** | *-* Tuồng cung đình*: Sơn Hậu, Tam nữ đồ vương, Đào Tam Xuân,…*  *-* Tuồng dân gian*: Nghêu, Sò, Ốc, Hến; Trương Ngáo; Trương Đồ Nhục;…* | | **5. Tích tuồng dân gian** | - Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội.  - Một tích tuồng thường có nhiều dị bản, do nó được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền. | |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **\*Tìm hiểu về vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”.*  *- Đọc phần tóm tắt vở tuồng ở SGK và kể lại nội dung tác phẩm bằng lời của mình.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - Dành khoảng 1 phút cho tất cả HS tự đọc phần tóm tắt vở tuồng trong sách giáo khoa  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1-2 HS kể lại nội dung tác phẩm bằng lời của mình  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng | **2. Vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”**  **a. Thể loại: Tuồng hài (tuồng đồ)**  **b. Vị trí**  Là tác phẩm tiêu biểu trong di sản tuồng truyền thống và là vở tuồng hài (tuồng đồ) thuộc loại đặc sắc nhất.  **c. Nội dung chính**  Tác phẩm châm biếm sâu sắc nhiều thói tật trong xã hội và lật tẩy bộ mặt xấu xa của một số kẻ thuộc bộ máy cai trị ở địa phương trong xã hội xưa.  **d. Tóm tắt** (SGK/Tr 132) |
| **\*Tìm hiểu chung về văn bản “Huyện đường”**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**:  - Cho một số HS đọc văn bản theo hình thức phân vai (tất cả có thể đứng tại chỗ hoặc từng người tiến lên phía bục giảng khi đến lượt mình đọc phần lời thoại được phân công, riêng thành viên đọc lời dẫn có thể đứng nguyên vị trí ở dưới lớp).  - Đọc to, rõ ràng; chú ý các chỉ dẫn sân khấu in nghiêng trong các dấu ngoặc đơn để xác định ngôn ngữ và hành động của mỗi nhân vật.  **GV phân công đọc phân vai:**  + 01 HS đọc các chỉ dẫn in nghiêng trong dấu ngoặc đơn.  + 04 HS khác lần lượt đóng vai: Tri huyện, đề lại, lính lệ và Trùm Sò  Lưu ý về ngữ điệu, giọng điệu đọc: tuỳ theo nội dung lời thoại mà sử dụng ngữ điệu, giọng điệu phù hợp.  **-** Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về văn bản. Chia sẻ các từ mà lần đầu đọc văn bản em thấy khó hiểu và kết quả tìm hiểu của em về các từ ngữ đó.  **\*Tìm hiểu khái quát văn bản:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 02 bằng cách trả lời các câu hỏi:  - *Nêu bối cảnh đoạn trích tuồng.*  *- Đoạn trích kể lại sự việc gì? Có những nhân vật nào tham gia? Ý nghĩa, nội dung bố cục đoạn trích?*  *- Dựa vào tóm tắt vở tuồng, em hãy thử đoán xem âm mưu, toan tính của những kẻ đại diện cho công quyền (gồm tri huyện, đề lại và các lính lệ) là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  Thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 02  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ thông tin theo HT cặp đôi  - HS khác nghe, phản hồi, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng | **3. Văn bản “Huyện đường”**  **a. Đọc và tìm hiểu chú thích, từ khó**  **-** Đọc: chú ý các chỉ dẫn in nghiêng trong ngoặc đơn.  - Chú thích: HS theo dõi các chú thích ở SGK. tr.132-134  - Giải thích các từ khó.  **b. Tìm hiểu khái quát văn bản**  **- Bối cảnh đoạn trích:**  Một đêm nọ, Ốc (kẻ chuyên nghề "đào ngạch”) hợp tác với Nghêu (thầy bói) đột nhập nhà trùm Sò (địa chủ) để ăn trộm. Nghêu bị bắt giữ còn Ốc chạy thoát được. Đang khi Ốc đem đồ ăn trộm bán cho Thị Hến - một người goá chồng, làm nghề buôn bán - thì trùm Sò và lí trưởng dẫn người ập đến bắt quả tang. Lí trưởng lợi dụng chuyện này đòi Thị Hến đút lót. Việc không thành, tất cả dắt nhau lên huyện đường). Tại đây, Ốc bị phạt tù, Nghêu và lí trưởng bị đánh đòn. Riêng lí trưởng, trùm Sò còn phải chi tiền để hối lộ tri huyện). Nhờ có nhan sắc, Thị Hến không những không bị hạch tội, lại còn được tri huyện và đề lại) "chiếu cố” hẹn hò. Lũ háo sắc ấy (có thêm cả lí trưởng) rơi vào bẫy của Thị Hến khi giáp mặt nhau tại nhà chị ta và bị các bà vợ đến đánh ghen một trận tơi bời. Đoạn trích dưới đây kể lại một cảnh làm việc nơi huyện đường, vào thời điểm diễn ra cuộc kiện tụng giữa các nhân vật liên quan đến vụ trộm  - **Nhân vật:** Trùm Sò, tri huyện, đề lại và lính lệ  - **Bố cục của đoạn trích (màn tuồng).** Có thể chia đoạn trích thành các phần như sau:  + Phần 1: Tri huyện xưng danh (từ “Quyền trọng” đến “chuyên cần”).  + Phần 2: Tri huyện và đề lại tính kế bóp nặn người thưa kiện (tiếp đó đến “Lệ đâu?”).  + Phần 3: Lính lệ bắt đầu thực thi kế hoạch của “quan” (đoạn còn lại).  - **Tóm tắt đoạn trích:**  *Huyện đường* là đoạn trích trong tác phẩm *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* kể lại một cảnh làm việc nơi huyện đường, vào thời điểm diễn ra cuộc kiện tụng liên quan đến vụ trộm của Thị Hến. Tri huyện, đề lại và lính lệ đang suy tính bàn cãi tính kế xử kiện như thế nào để có thể lấy được nhiều tiền nhất từ những kẻ có liên quan như Sò, Ốc và Nghêu. Cuối cùng, chúng quyết định xử Ốc năm năm tù, phạt Nghêu đòn năm mươi trượng và phạt lí trưởng năm mươi quan tiền.  **- Ý nghĩa đoạn trích:** Đoạn trích kể về các âm mưu, toan tính của những kẻ đại diện cho công quyền (gồm tri huyện, đề lại và các lính lệ) nhằm “tróc tiền” của những người thưa kiện (gồm lí trưởng và trùm Sò).  **- Bố cục của đoạn trích (màn tuồng):**  + Phần 1: Tri huyện xưng danh (từ “Quyền trọng” đến “chuyên cần”).  + Phần 2: Tri huyện và đề lại tính kế bóp nặn người thưa kiện (tiếp đó đến “Lệ đâu?”).  + Phần 3: Lính lệ bắt đầu thực thi kế hoạch của “quan” (đoạn còn lại). |

**Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của trích đoạn văn bản tuồng “Huyện đường.”:

+ Phê phán, châm biếm các thói hư tật xấu, đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội, đặc biệt là những kẻ trong bộ máy cai trị của xã hội xưa.

.+ Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá thể hiện trong kịch bản tuồng.

+ Nhận biết được các yếu tố nghệ thuật tuồng đặc sắc, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng nhân vật trào phúng và nghệ thuật dùng từ của tác giả dân gian

- Biết phê phán những thói hư tật xấu của con người.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật đoạn trích.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**PHIẾU HỌC TẬP 01: Tìm hiểu bối cảnh, tình huống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trao đổi cặp (03 phút): Xác định bối cảnh (không gian, thời gian) và tình huống của đoạn trích** | |
| 1. Không gian | ......................................................................................... |
| 1. Thời gian | ......................................................................................... |
| 1. Nhân vật | .......................................................................................... |
| 1. Tình huống đoạn trích | **..........................................................................................** |

**PHIẾU HỌC TẬP 02: Bảng lời thoại của các nhân vật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tri huyện (Nhóm 1)** | | **Đề lại (Nhóm 2)** | **Lính lệ (Nhóm 3)** |
| **Lời xưng danh** | ........................................................  ........................................................ | **...............................**  **...............................**  **...............................**  **...............................** | .............................  .............................  .............................  .............................  ............................. |
| **Lời thoại chính** | ........................................................  ........................................................ |

**PHIẾU HỌC TẬP 03: Bản chất bộ máy công quyền**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bản chất các nhân vật** | **Tri huyện (Nhóm 1)** | **Đề lại (Nhóm 2)** | **Lính lệ (Nhóm 3)** |
| **Nhận xét về lời thoại của nhân vật** | - Trong lời xưng danh: Lời tự giới thiệu (qua hình thức nói lối) của nhân vật tri huyện cho thấy ..............................................................................................................  - Cần đặc biệt chú ý đoạn độc thoại sau đây: “Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần”. Hai từ “thú vị” và “chuyên cần” cho thấy...................  ..............................................................................................................  - Theo cách nhìn của tác giả dân gian, trong xã hội xưa, ..................  ....................................................... |  |  |
| Tất cả những lời thoại nêu trên cho thấy..................................  ................................................................................................. | | |
| **Sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa tri huyện và đề lại** | Việc tri huyện và đề lại “cởi mở” với nhau là việc hoàn toàn tự nhiên, dễ hiểu vì hai nhân vật này có sự tương đồng về bản chất ..........................................................................................  .................................................................................................................................................................................................... | | |
| **Thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan (Nhóm 4)** | ...................................................................................................................................................................................... | | |
| .................................................................................................................................................................................................... | | |

**PHIẾU HỌC TẬP 04: Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật của văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thảo luận theo cặp (05 phút)** | |
| **Nội dung cần tìm hiểu** | **Thể hiện trong đoạn trích** |
| 1. Chỉ ra và nêu tác dụng của các chỉ dẫn sân khấu | .................................................................  .................................................................. |
| 2. Tình huống câu chuyện | .................................................................. |
| 3. Lời thoại và hành động nhân vật | .................................................................. |
| 4. Thủ pháp gây cười (*xây dựng nhân vật trào phúng, ngôn ngữ đa nghĩa, kích thích trí tuệ, gây tiếng cười...)* | .................................................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu bối cảnh câu chuyện và tình huống của đoạn trích**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Thảo luận theo cặp trong bàn. Hoàn thành **phiếu học tập 01** trong thời gian 03 phút:  *+ Xác định bối cảnh (không gian, thời gian) của câu chuyện.*  *+ Xác định tình huống của đoạn trích.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  Suy nghĩ, thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số cặp báo cáo kết quả thảo luận.  - HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **II. Đọc – hiểu chi tiết**  **1. Bối cảnh câu chuyện và tình huống của đoạn trích**  - Không gian: Tại công môn  - Thời gian: Trước buổi xử kiện của tri huyện  - Nhân vật: Tri huyện, đề lại, lính lệ và Trùm Sò  - Tình huống: Kể lại một cảnh làm việc nơi huyện đường, vào thời điểm diễn ra cuộc kiện tụng giữa các nhân vật liên quan đến vụ trộm. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu bản chất bộ máy công quyền qua những lời thoại**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm:  - Nhóm 1: Quan tri huyện  - Nhóm 2: Đề lại  - Nhóm 3: Lính lệ  - Nhóm 4: Nhân dân  Các nhóm thảo luận: tìm lời thoại, nhận diện bản chất nhân vật qua lời thoại, hoàn thành các phiếu học tập  **Nhiệm vụ 1:**  Nhóm 1, 2, 3 điền các lời thoại vào bảng lời thoại các nhân vật  **Nhiệm vụ 2:**  Để tiếp tục, GV có thể hướng dẫn HS tưởng tượng phần tiếp theo của vở tuồng: Nhân dân bất mãn với cách xử kiện của bộ máy công quyền cấp huyện, một hôm có ông quan triều đình đóng giả thường dân ngang qua, ông biết chuyện liền lập phiên tòa xử tội tham nhũng của bộ máy công quyền cấp huyện  ***Phiên tòa được mở ra với tên gọi Tiếng trống nơi công đường, gồm những thành phần tham gia:***  ***-*** Quan triều đình - MC  - Quan tri huyện  - Đề lại  - Lính lệ  - Nhân dân  **GV tư vấn HS thiết kế bộ câu hỏi cho phiên tòa:**  **Câu hỏi dành cho tri huyện:**  *- Ông có hài lòng với cuộc sống của một quan tri huyện?*  *- Làm tri huyện ông được gì?*  *- Cách thức bóp nặn nhân dân của ông là gì?*  **Câu hỏi dành cho đề lại:**   * *Ông có đồng tình với tri huyện không?* * *Ông được gì khi đồng tình với tri huyện?*   **Câu hỏi dành cho lính lệ:**  *- Chúng bay sao dám đè đầu cưỡi cổ nhân dân?*  *- Chúng bay được gì khi làm những việc đó?*  **Câu hỏi dành cho nhân dân:**  *- Bà con hãy vạch trần tội trạng của bè lũ tham nhũng trước công đường?*  **MC:**  - Kết luận tội trạng của bộ máy công quyền cấp huyện (tham nhũng, ăn chặn, tìm cách bóc lột nhân dân đến tận xương tủy)  - Xử tội:  + Tri huyện: Tịch thu tài sản, mũ áo, đánh 100 trượng, đẩy xuống làm thường dân  + Đề lại: Nộp phạt 50 vạn, đánh 50 trượng, đẩy xuống làm thường dân  + Lính lệ: Nộp phạt mỗi tên 10 vạn, đánh 20 trượng, đẩy xuống làm thường dân  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS bầu nhóm trưởng, thư kí, thảo luận * Đại diện nhóm chuẩn bị lên tham gia phiên tòa * GV quan sát, hướng dẫn học sinh.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * Đại diện nhóm lên tham gia phiên tòa, cố gắng làm tròn vai và thể hiện được tinh thần bài học qua việc trả lời các câu hỏi của MC   - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2.Hình ảnh những kẻ đại diện cho bộ máy công quyền**  **a. Xác định lời thoại của các nhân vật**  **PHIẾU HỌC TẬP 02: Bảng lời thoại của các nhân vật**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tri huyện (Nhóm 1)** | | **Đề lại (Nhóm 2)** | **Lính lệ (Nhóm 3)** | | **Lời xưng danh** | Quyền trọng trấn nha môn  Bản chức xưng tri huyện  Đỉnh chung đà đủ miếng  Hoa nguyệt cũng quen mùi  Lấy của cậy ngọn roi  Làm quan nhờ lỗ khẩu  Sự lí thường phân ẩu  Được thua tự đồng tiên  Dân xã nếu không kiêng  Bỏ xuống lao giam kĩ  (một lát, cười)  Quan chức nghĩ nên thú vị  Vào ra cũng phải chuyên cần | Những lời thoại của đề lại: *“*Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong*,* bọn này toàn đầu trọc cả*”;* “Bẩm quan xử thật sâu sắc”; “Vâng ạ, quan xử hay lắm”. | Lời thoại của lính lệ: “Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đấy”. | | **Lời thoại chính** | Những lời thoại chính của tri huyện cần được kể đến: “Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền”; “Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được”; “Phải, nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”; “…lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào lại chả được”. |   **b. Bản chất bộ máy công quyền**  **PHIẾU HỌC TẬP 03: Bản chất bộ máy công quyền**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Bản chất các nhân vật** | **Tri huyện (Nhóm 1)** | **Đề lại (Nhóm 2)** | | **Lính lệ (Nhóm 3)** | | | **Nhận xét về lời thoại của nhân vật** | - Trong lời xưng danh: Lời tự giới thiệu (qua hình thức nói lối) của nhân vật tri huyện cho thấy ông ta là một kẻ thuộc loại “ăn trên ngồi trốc”, hưởng đủ mùi phú quý và quen sống phóng đãng “Đỉnh chung đà đủ miếng/ Hoa nguyệt cũng quen mùi”. Nhưng điều đáng nói là ông ta đã thực hiện chức phận một cách tồi tệ, cây quyền cậy thế để tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vơ vét được nhiều: “Lấy của cậy ngọn roi/ Làm quan nhờ lỗ khẩu/ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền/ Dân xã nếu không kiêng/ Bỏ xuống lao giam kĩ”.  - Cần đặc biệt chú ý đoạn độc thoại sau đây: “Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần”. Hai từ “thú vị” và “chuyên cần” cho thấy tri huyện đã hài lòng biết bao với cuộc sống của mình. Ông ta càng “chuyên cần” thì dân đen càng khốn đốn.  - Theo cách nhìn của tác giả dân gian, trong xã hội xưa, đây là đặc điểm chung của tầng lớp thống trị chứ không phải đặc điểm của một nhân vật cá biệt nào. | Những lời thoại của đề lại: *“*Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong*,* bọn này toàn đầu trọc cả*”;* “Bẩm quan xử thật sâu sắc”; “Vâng ạ, quan xử hay lắm”. | | Lời thoại của lính lệ: “Nhắc lại ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đấy”. | | | Tất cả những lời thoại nêu trên cho thấy mọi mối bận tâm của tri huyện, đề lại và lính lệ đều chỉ xoay quanh một chữ “tiền”. Phải nói rằng tác giả dân gian đã xây dựng được hệ thống lời thoại hết sức tinh tế, hàm súc. Trong mỗi lời nhân vật thốt ra dường như có sẵn một mũi dao chĩa ngược về chính người nói. | | | | | | **Sự hô ứng nhịp nhàng trong lời thoại giữa tri huyện và đề lại** | Việc tri huyện và đề lại “cởi mở” với nhau là việc hoàn toàn tự nhiên, dễ hiểu vì hai nhân vật này có sự tương đồng về bản chất (như trên đã nói), lại có quá trình cấu kết với nhau lâu dài trong việc tróc nã, chiếm đoạt tiền bạc từ người thưa kiện. Tri huyện vừa phàn nàn về nỗi “Nha lại vắng bẩm thân,/ Dân xã không đấu cáo” thì đề lại xác nhận ngay: “Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả”. Rõ ràng các quan chỉ mong có chuyện kiện cáo để kiếm chác. Nói chung, mỗi lời tri huyện nói ra đều được đáp lại bằng tiếng “Vâng” và ngược lại, lời thưa của đề lại có thể nhanh chóng được xác nhận bằng tiếng “Phải”.  => Đoạn trích cho thấy tri huyện và đề lại không cần phải giữ ý với nhau. Lời thoại giữa 2 nhân vật này có sự hô ứng nhịp nhàng  => Giúp người xem có cái nhìn sâu vào bản chất của các nhân vật chủ chốt ở huyện đường, đồng thời bước đầu thấy được chức năng của lời thoại trên sân khấu nói chung, đó là: gợi ra hành động và kết nối các hành động thành chuỗi liên tục. | | | | | | **Thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan (Nhóm 4)** | Trong lời xưng danh:  Ông ta càng “chuyên cần” thì dân đen càng khốn đốn. Để cho ông ta thốt ra những từ ấy, tác giả dân gian đã thể hiện một thái độ châm biếm sâu cay. | |  | |  | | Tục ngữ Việt Nam có câu: “Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ”. Chính câu tục ngữ này đã cho thấy sự đánh giá tổng quát của tầng lớp bị trị xưa về chốn công quyền hoặc chốn “cửa quan”. Rõ ràng, đây là một đánh giá tiêu cực, hàm chứa sự mỉa mai, khinh bỉ, đả kích. Những điều thể hiện trong màn tuồng “Huyện đường” hoàn toàn thống nhất với cách đánh giá đó. Nói chung, người dân xưa chỉ thấy “cửa quan” là chốn ô trọc, lúc nhúc nhưng kẻ đục khoét đầy mưu mô, luôn tìm cơ hội vơ vét “cho đầy túi tham” và làm hại những người “thấp cổ bé họng”, kể cả thành phần bất hảo nhưng ở thế yếu hơn (như lí trưởng, Trùm Sò). Cần phải thấy đây là một cách nhìn nhận có tính lịch sử mà việc khắc phục nó phải gắn liền với những đổi thay cơ bản của thể chế. Hiện nay, định kiến dai dẳng này đã dần được xoá bỏ khi xã hội đã phát triển theo chiều hướng văn minh, tiến bộ. | | | | | |
| **\*Tìm hiểu nghệ thuật tạo tiếng cười của đoạn trích**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Thảo luận theo cặp: Hoàn thành **Phiếu học tập số 04** trong thời gian 05 phút   * Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích. * Chỉ ra một số yếu tố tạo nên tiếng cười trong đoạn trích: *tình huống; ngôn ngữ và hành động của các nhân vật; thủ pháp gây cười;…*   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số cặp đôi trả lời câu hỏi  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Đặc sắc nghệ thuật**  **- Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu** giúp người đọc hình dung ra bối cảnh câu chuyện, hình dung ra hành động của các nhân vật. 🡪 các chỉ dẫn giúp câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn, góp phần tạo nên tiếng cười sảng khoái.  - Tính ước lệ của đoạn lời thoại mang tính chất xưng danh: Thông thường, trong đời sống, khi tự giới thiệu, không ai muốn nói ra những cái xấu của bản thân. Nhưng ở đây, nhân vật tri huyện đã làm điều ấy. Rõ ràng, lời thoại không phải là ngôn ngữ tự nhiên của nhân vật mà ngôn ngữ của nghệ thuật, đảm nhiệm các chức năng vừa thể hiện hành động theo tích trò đã xác định, vừa định hướng suy nghĩ, cảm nhận của khán giả, độc giả về chính sự việc đang diễn ra.  **- Một số yếu tố tạo tiếng cười:**  + Xây dựng chân dung trào phúng: Không phải bộ mặt của một cá nhân nào mà là cả hệ thống quan lại, (trong đó điển hình là quan tri huyện)  + Tình huống hài hước: một vụ xử kiện – một vụ bóp nặn người thưa kiện  + Lời thoại và hành động nhân vật: hài hước, sinh động  + Ngôn ngữ: đa nghĩa, kích thích trí tuệ, gây tiếng cười trào phúng sâu cay (những từ “thú vị”, “chuyên cần” trong lời xưng danh của quan tri huyện; “xử kiện sâu sắc”, “xử hay” trong lời nịnh nọt của đề lại, “quan bận lắm” trong lời lính lệ) |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hoạt động cá nhân  ? Dựa trên những phân tích ở trên, em hãy khái quát lại những đặc sắc về nghệ thuật và rút ra ý nghĩa của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ cá nhân 2’ và phát biểu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn hoá kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Tạo tình huống gây cười  - Xây dựng những chân dung nhân vật qua lời thoại và hành động sinh động.  - Ngôn ngữ đa nghĩa gây cười  - Sử dụng một số thủ pháp gây cười nhằm tạo tiếng cười châm biếm, phê phán.  **2**. **Ý nghĩa của đoạn trích**  - Tạo ra tiếng cười nhằm châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu, bản chất tham quan ô lại của bộ máy cai trị phong kiến. Qua đó, đoạn trích phần nào cho thấy diện mạo của chế độ phong kiến buổi suy tàn.  - Ca ngợi trí tuệ của nhân dân lao động. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

1. Em ấn tượng nhất với chi tiết, hình ảnh nào trong đoạn trích? Vì sao?

2. Kỹ thuật “Viết tích cực”: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua một chi tiết mà em thấy ấn tượng nhất.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi 1 số HS trình bày sản phẩm học tập.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

GV cung cấp rubrics đánh giá đoạn văn.

**\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **1,0** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn | **0,0** |
| **Nội dung** | - Xác định đúng yêu cầu của đề bài: Suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua một chi tiết mà em thấy ấn tượng nhất. | **0,5** |
| * Làm sáng tỏ vấn đề nghị luận bằng lí lẽ và dẫn chứng:   + Tiếng cười của tác giả dân gian trong lời xưng danh của tri huyện?  + Tác giả dân gian sử dụng nghệ thuật gì để tạo nên tiếng cười châm biếm?  + Ý nghĩa của tiếng cười châm biếm trong xã hội xưa và nay? | **6,0** |
| Rút ra nhận thức của người viết | **1,0** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

**Đoạn văn tham khảo:**

Lời tự giới thiệu của nhân vật tri huyện giúp người đọc hình dung ông ta là một kẻ thuộc loại “ăn trên ngồi trốc”, hưởng đủ mùi phú quý và quen sống phóng đãng “Đỉnh chung đà đủ miếng/ Hoa nguyệt cũng quen mùi”. Điều đáng nói về nhân vật này ở chỗ ông ta đã thực hiện chức phận một cách tồi tệ, cậy quyền cậy thế để tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vơ vét được nhiều: “Lấy của cậy ngọn roi/ Làm quan nhờ lỗ khẩu/ Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền/ Dân xã nếu không kiêng/ Bỏ xuống lao giam kĩ”. Những lời độc thoại của tri huyện: “Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần” khiến người đọc phải ngẫm nghĩ về 2 từ “thú vị” và “chuyên cần”. Rõ ràng, tri huyện đã hài lòng biết bao với cuộc sống của mình. Theo cách nhìn của tác giả dân gian, trong xã hội xưa, đây là đặc điểm chung của tầng lớp thống trị chứ không phải đặc điểm của một nhân vật cá biệt nào. Nét độc đáo của chi tiết này chính là tính ước lệ của đoạn lời thoại mang tính chất xưng danh: Thông thường, trong đời sống, khi tự giới thiệu, không ai muốn nói ra những cái xấu của bản thân. Nhưng ở đây, nhân vật tri huyện đã làm điều ấy. Rõ ràng, lời thoại không phải là ngôn ngữ tự nhiên của nhân vật mà ngôn ngữ của nghệ thuật, đảm nhiệm các chức năng vừa thể hiện hành động theo tích trò đã xác định, vừa định hướng suy nghĩ, cảm nhận của khán giả, độc giả về chính sự việc đang diễn ra. Đó chính là điểm hấp dẫn của thể loại tuồng dân gian mà cho tới nay sức sống của nó vẫn còn vẹn nguyên.

**4.** **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1. GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**:

**- Dãy 1:** Nếu được dựng lại lớp kịch *Huyện đường* trên sân khấu, em sẽ lưu ý gì về diễn xuất của diễn viên? Vì sao?

* **Dãy 2**: Tiếng cười ở đoạn trích *Huyện đường* còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không? Vì sao?

**Kĩ thuật Think – Pair – Share**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Think (Nghĩ)**: HS trong mỗi nhóm suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.  **B2: Pair (Bắt cặp):** HS trong nhóm được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.  **B3:** **Share (Chia sẻ):** HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn; sau đó chia sẻ trước lớp. | (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.

GV quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Dự kiến câu trả lời của HS:**

**\*Vấn đề 1: Những lưu ý về diễn xuất của các diễn viên:**

- Cần chú trọng vào cử chỉ, hành động, ngữ điệu trong lời nói theo phù hợp với các chỉ dẫn của kịch bản tuồng.

- Có thể linh hoạt trong lời thoại để phù hợp với thời đại ngày nay hơn (hạn chế dùng các từ cổ)

**\*Vấn đề 2:** Tiếng cười ở đoạn trích *Huyện đường* sẽ luôn còn ý nghĩa với cuộc sống hôm nay khi mà lòng tham của con người vẫn còn tồn tại trong suy nghĩ của nhiều người, nhất là những kẻ có chức có quyền. Tiếng cười châm biếm thói xấu xa trong xã hội cần để tống khứ nó đi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm xem trọn vẹn vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến” trên Youtube.

- Chuẩn bị bài: đọc và tìm hiểu văn bản 3: *Múa rối nước hiện đại soi bóng tiền nhân* (Phạm Thùy Dung)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **Tiết …**  **VĂN BẢN 3: MÚA RỐI NƯỚC HIỆN ĐẠI SOI BÓNG TIỀN NHÂN**  **Phạm Thuỳ Dung** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Kết quả hình ảnh cho Múa rối nước – hiện đại soi bóng tiền nhân Phạm Thuỳ Dung |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- HS hiểu được đặc sắc của rối nước – một loại hình nghệ thuật biểu diễn đã cùng với chèo, tuồng làm nên những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam.

***Đọc hiểu hình thức***

- HS củng cố được kiến thức về đặc điểm của văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng.

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

***Đọc mở rộng***

- Biết cách đọc văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng có độ dài tương đương với văn bản đã học.

**2. Phẩm chất**

Trân trọng những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Bảng KWLH, phiếu học tập, bảng kiểm…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về văn bản thông tin có nội dung thuyết minh

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem video và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**- GV hướng dẫn HS** xem Clip Rối Nước: Lê Lợi Trả Gươm

<https://www.youtube.com/watch?v=a0cjuwvZb1U> **(01:15 – 02:00)**

**và Clip** Truyền Thuyết Gươm Thần - Cuộc Khởi Nghĩa Lam Sơn

<https://www.youtube.com/watch?v=M-V-k-if9ck> (30:43 – 31:36)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* GV hướng dẫn HS xem Clip rồi điền vào phiếu trả lời nhanh
* GV quan sát, động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS suy nghĩ cá nhân điền vào phiếu

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về từ bị khuyết

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Phiếu 1: Trả lời nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| Vấn đề được thể hiện trong 2 Clip trên? |  |
| Hình thức thể hiện của 2 Clip? |  |
| Em hiểu gì về 2 Clip trên (thời gian cổ - hiện đại, hình thức thủ công – công nghệ hiện đại, mức độ phổ biến,…? |  |
| Em thích Clip nào trong 2 Clip trên? |  |
| Em có sẵn sàng tham gia xem một buổi biểu diễn múa rối nước không? |  |
| Ý kiến cá nhân của em về múa rối nước? |  |

**🡺GV dẫn vào bài:** Dùng mặt nước làm sân khấu, phông che làm nền cảnh, xung quanh trang trí cờ, quạt, voi, lọng, cổng hàng mã..., lại thêm phụ trợ của cái rộn rã tiếng trống, tiếng pháo, những con rối (được làm bằng gỗ) tưởng vô tri mà bỗng nhiên sống dậy linh động, hấp dẫn tuyệt vời nhờ sự điều khiển của những người phía sau phông thông qua hệ thống sào, dây... Từ một nghệ thuật mang yếu tố dân gian, múa rối nước đã trở thành một nghệ thuật truyền thống, một sáng tạo đặc biệt của người Việt.

**GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)**

**Phiếu 2: Bảng KWLH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| K  Khi nghe cụm từ “con rối”, điều đầu tiên em nghĩ tới là gì? Vì sao như vậy? | W  Hãy nêu những điều em còn thắc mắc và muốn tìm hiểu sâu thêm vê loại hình nghệ thuật này. | L  Em đã có những hiểu biết gì về rối nước? | H  Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu về loại hình nghệ thuật này như thế nào? |
| ..........................  ..........................  ......................... | ……...................  ..........................  .......................... | …............................  …….......................  ................................ | ….......................  …......................  …...................... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu**:

- Giúp HS cách đọc, tìm hiểu thông tin về văn bản “Múa rối nước hiện đại soi bóng tiền nhân”

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác giả** |  |
| **Xuất xứ văn bản** |  |
| **Thể loại** |  |
| **Phương thức biểu đạt chính** |  |
| **Bố cục văn bản** |  |
| **Tóm tắt những thông tin chính của văn bản.** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu chung về văn bản “Múa rối nước – hiện đại soi bóng tiền nhân”**  **\* GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS đọc văn bản:** GV yêu cầu một số HS đọc văn bản (đọc thành tiếng trước lớp), nhắc các em chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ xen vào bên phải.  **Thao tác 1: Đọc**  Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những chỗ ngắt đoạn, những phần sử dụng phương thức biểu cảm  **Thao tác 2: Tìm hiểu nhanh**  + HS tìm hiểu chú thích SGK  + HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS đọc văn bản theo yêu cầu.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét cách đọc của HS.  GV có thể đặt câu hỏi gợi mở sau khi HS đọc xong văn bản: Thay vì được xem một bộ phim tài liệu, em lại được đọc một văn bản thông tin về rối nước. Theo em, trong giới hạn của một văn bản in, tác giả phải làm gì khi muốn đưa đến cho người đọc những thông tin sống động, ấn tượng nhất? (Lưu ý: Câu hỏi này tạo cơ hội cho GV nhắc lại cách đọc một văn bản thông tin, từ đó giúp HS xác định được tiêu chí đánh giá phù hợp đối với văn bản theo đặc trưng thể loại).  **\* GV hướng dẫn tìm hiểu chung văn bản: “Múa rối nước *–* hiện đại soi bóng tiền nhân”**  **Thao tác 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**  (Các câu hỏi gợi ý:  - Tác giả  - Xuất xứ văn bản  - Thể loại văn bản  - Phương thức biểu đạt chính?  - Bố cục văn bản và tóm tắt những thông tin chính của văn bản.  HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS hoàn thành phiếu học tập  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV đánh giá phần trình bày của HS | **I. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc văn bản  - Chú thích SGK  **2. Tìm hiểu chung văn bản: “Múa rối nước *–* hiện đại soi bóng tiền nhân”**  **Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Phạm Thùy Dung | | **Xuất xứ văn bản** | Theo tạp chí Heritage, số ra tháng 7/2019, tr. 116 — 118 | | **Thể loại** | Văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng. | | **Phương thức biểu đạt chính** | Thuyết minh | | **Bố cục văn bản** | + Phần 1 (sa-pô): Rối nước – ấn tượng nổi bật đầu tiên.  + Phần 2 (đoạn 1, 2, 3): Nguồn gốc, thời gian, không gian biểu diễn rối nước.  + Phần 3 (đoạn 4): Con rối trong trò rối nước.  + Phần 4 (đoạn 5, 6): Vấn đề bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước. | | **Tóm tắt những thông tin chính của văn bản.** | - Nguồn gốc của rối nước;  - Thời gian, không gian biểu diễn rối nước;  - Đặc điểm của con rối (cách chế tác và điều khiển);  - Nghệ thuật rối nước trước bài toán bảo tồn và phát triển. | |

**Bảng kiểm kĩ năng đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo đọc đúng chính tả |  |
| **2** | Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được đặc trưng của văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng. |  |
| **3** | Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét đặc trưng của văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng. |  |
| **4** | Giúp người nghe hiểu những thông tin của tác giả về loại hình nghệ thuật rối nước cổ truyền của dân tộc. |  |

**Hoạt động 2.2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS biết cách đọc văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ.

- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản thuyết minh

**Nội dung:** Đưa tới cho người đọc thông tin về:

+ Nguồn gốc của rối nước;

+ Thời gian, không gian biểu diễn rối nước;

+ Đặc điểm của con rối (cách chế tác và điều khiển);

+ Nghệ thuật rối nước trước bài toán bảo tồn và phát triển

**Nghệ thuật:**

+ Ngôn từ chắt lọc, được lựa chọn kĩ càng, có sức thuyết phục cao

+ Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic

+ Văn phong tự nhiên, ngắn gọn, cô đúc, dễ tiếp nhận

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**\*Các phiếu học tập:**

**Phiếu 4:** **Đặc điểm của nghệ thuật rối nước**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian ra đời của trò rối nước ở Việt Nam** |  |
| **Không gian biểu diễn đặc trưng của múa rối nước** |  |
| **Cách chế tác và điều khiển con rối trong trò rối nước** |  |
| **Một số nét đặc trưng của rối nước** |  |
| **Nhận xét về nghệ thuật rối nước** |  |

**Phiếu 5: Đời sống của sân khấu rối nước – hôm qua và hôm nay.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự khác biệt rối nước xưa và nay** |  |
| **Việc bảo tồn, phát triển rối nước có điểm gì chung với bảo tồn, phát triển các loại hình nghệ thuật cổ truyền khác của dân tộc?** |  |

**Phiếu 6: Đánh giá mức độ thuyết phục của văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhận xét về phần sa-pô của văn bản** |  |
| **Mức độ thuyết phục của cách triển khai thông tin trong văn bản** |  |
| **Nhận xét về nội dung cốt lõi của một vở rối nước được đề cập tới trong văn bản** |  |
| **Cảm xúc, suy nghĩ của em về rối nước nói riêng và nghệ thuật cổ truyền của dân tộc nói chung** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản “Múa rối nướchiện đại soi bóng tiền nhân”**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS tìm hiểu về văn bản qua việc hoàn thành các **phiếu học tập 4, 5, 6** (hình thức: trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn, phỏng vấn, tổ chức trò chơi hoặc các nhóm tự tìm hình thức thể hiện phù hợp với năng lực  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Nếu chọn hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn:**  GV chia HS thành 3 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  Hoàn thành **Phiếu học tập 4, 5, 6** theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  **- Nhóm 1:** Đặc điểm của nghệ thuật rối nước  **- Nhóm 2:** Đời sống của sân khấu rối nước – hôm qua và hôm nay.  **- Nhóm 3:** Đánh giá mức độ thuyết phục của văn bản  GV phát PHT riêng cho từng nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.  - Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.  **Nếu chọn tổ chức trò chơi:** **GV giúp HS tổ chức chương trình Hành trình văn hóa**  ***Chuyên mục:*** Múa rối nước *–* hiện đại soi bóng tiền nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Nếu chọn hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn:**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  **Thao tác 1: Đặc điểm của nghệ thuật rối nước**  Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập.  Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện.  Các nhóm nhận xét, bổ sung  **Thao tác 2: Đời sống của sân khấu rối nước – hôm qua và hôm nay.**  Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập.  Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện.  Các nhóm nhận xét, bổ sung  **Thao tác 3: Đánh giá mức độ thuyết phục của văn bản** Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.  Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện.  Các nhóm nhận xét, bổ sung  **Nếu chọn tổ chức trò chơi:**  **GV tư vấn thiết kế bộ câu hỏi:**  HS chia làm 3 đội chơi: Đội nghệ nhân, Đội nhà nghiên cứu và Đội phản biện ngôn ngữ  ***Bộ câu hỏi phỏng vấn:***  ***Phần câu hỏi dành cho việc chế tác và biểu diễn rối nước:***   * Trò rối nước ở Việt Nam ra đời từ bao giờ? * Không gian đặc trưng của múa rối nước? * Trong trò rối nước, con rối đã được chế tác và điều khiển thế nào?   - Tại sao ta có thể khẳng định múa rối nước là “môn nghệ thuật thấm đẫm tinh thần Việt”.  ***Phần câu hỏi dành cho việc bảo tồn và phát triển rối nước trong thời hiện đại:***  - Sự khác biệt giữa rối nước xưa và nay trên một số bình diện?  - Việc bảo tồn, phát triển rối nước có điểm gì chung với bảo tồn, phát triển các loại hình nghệ thuật khác của dân tộc?  - Một số phương án bảo tồn, phát triển nghệ thuật múa rối nước trong thời kì hiện đại?  ***Phần câu hỏi dành cho việc phản biện ngôn ngữ:***  - Bạn đã từng được đọc, được học những văn bản thông tin nào có sa-pô? Bạn còn nhớ được gì về đặc điểm của bộ phận cấu tạo này trong văn bản? Thế nào là một sa-pô hấp dẫn?  - Nêu nhận xét về phần sa-pô của văn bản “Múa rối nước hiện đại soi bóng tiền nhân”?  - Cách triển khai thông tin trong văn bản có đặc điểm gì? Cách triển khai ấy có thuyết phục không?  - Một vở diễn cần phải có tích trò, dù đơn giản. Vậy tích trò của các buổi biểu diễn rối nước là gì? Điều này đã được tác giả chú ý thích đáng chưa?   * Nếu được phép bổ sung vào văn bản những thông tin về các câu chuyện được kể trên sân khấu rối nước, bạn có thể nói điều gì? * Từ văn bản được học, hãy nêu cảm xúc, suy nghĩ của bạn về rối nước nói riêng và nghệ thuật cổ truyền của dân tộc nói chung.   **Nếu HS tự chọn hình thức thể hiện:** HS đánh giá theo bảng kiểm đánh giá sản phẩm trình bày nội dung thảo luận các nhóm | **II. Đọc - hiểu chi tiết văn bản (Suy ngẫm và phản hồi)**  **1.** **Đặc điểm của nghệ thuật rối nước**  **Phiếu trả lời dự kiến 4**  **(bảng bên dưới)**  **2. Đời sống của sân khấu rối nước – hôm qua và hôm nay.**  **Phiếu trả lời dự kiến 5 (bảng bên dưới)**  **3. Đánh giá mức độ thuyết phục của văn bản Phiếu trả lời dự kiến 6**  **(bảng bên dưới)** |

**Phiếu 4: Đặc điểm của nghệ thuật rối nước**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trò rối nước ở Việt Nam ra đời từ bao giờ?** | -Trò múa rối nước ở Việt Nam không có thời gian ra đời chính xác.  - Tương truyền, múa rối nước được hình thành từ thế kỉ XI – XII. |
| **Không gian biểu diễn đặc trưng của múa rối nước** | Trên mặt nước |
| **Trong trò rối nước, con rối đã được chế tác và điều khiển như thế nào?** | - Chế tác: Những con rối được đẽo gọt từ gỗ sung, được tạo hình ngộ nghĩnh với màu sắc rực rỡ, tươi vui và dân dã.  - Điều khiển: người điều khiển sử dụng hệ thống sào kết hợp với dây được gắn ở phần thân dưới để điều khiển con rối |
| **Một số nét đặc trưng của rối nước** | - Nghệ thuật múa rối là sự kết hợp độc đáo giữa nghệ thuật tạo hình và kĩ thuật biểu diễn.  - Diễn nơi thủy đình  - Lối điều khiển độc đáo:  + Điều khiển bằng sào, dây  + Yêu cầu: kĩ năng thuần thục, các cử động của rối nhịp nhàng và phù hợp với lời thoại, âm nhạc => từ đó lột tả được thân thái nhân vật.  - Phương tiện hỗ trợ: âm thanh và ánh sáng, tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống mỡ, tiếng kèn sáo và cả những tiếng pháo |
| **Nhận xét về nghệ thuật rối nước** | - Nghệ thuật múa rối nước là “môn nghệ thuật thấm đẫm tinh thần Việt”:  + Về nguồn gốc: rối nước là loại hình nghệ thuật có nguồn gốc bản địa  + Về mối quan hệ giữa nghệ thuật rối nước và đời sống sinh hoạt của người Việt Nam: bắt đầu nảy mầm, len lỏi trong lòng các xóm làng chiêm trũng rồi lớn dần lên giữa những sinh hoạt nhỏ bé đời thường => hài hoà giữa nghệ thuật rối nước và đời sống sinh hoạt của người Việt Nam  + Về vật liệu chế tác: vật liệu dùng để chế tác con rối có thể tìm được rất dễ dàng trong môi trường sống của người Việt  + Về không gian biểu diễn: lấy không gian mặt nước làm sân khấu là không gian hoàn toàn quen thuộc ở nông thôn Việt Nam. |

**Phiếu 5: Đời sống của sân khấu rối nước – hôm qua và hôm nay.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự khác biệt rối nước xưa và nay** | - Không gian:  + Múa rối nước trước kia được biểu diễn trên thủy đình, dựng trên mặt ao làng với lối kiến trúc mái chùa cong cùng mành tre, cờ phướn, võng lọng, cổng hàng mã,… + Ngày nay, thủy đình được dựng ngay trong các nhà hát và trong các khu du lịch sinh thái, sân khấu là hồ nhân tạo  - Khán giả:  + Khán giả làng đứng ngôi xúm xít quanh ao xem rối giữa hây hây gió trời  + Khán giả phố ngồi ghế ngay hàng thẳng lối xem rối giữa mát mẻ điều hoà. |
| **Việc bảo tồn, phát triển rối nước có điểm gì chung với bảo tồn, phát triển các loại hình nghệ thuật cổ truyền khác của dân tộc?** | Việc bảo tồn, phát triển rối nước với bảo tồn, phát triển các loại hình nghệ thuật cổ truyền khác của dân tộc đều có điểm chung là đang gặp khó khăn trong việc đến với khán giả vì hiện nay có rất nhiều loại hình nghệ thuật mới ra đời, du nhập từ nước ngoài như Kpop, hiphop,… hấp dẫn hơn, thu hút và bắt mắt hơn. Rõ ràng, đứng trong bối cảnh của xã hội hiện đại, múa rối nước không thể cạnh tranh với những bộ môn đó. |

**Phiếu 6: Đánh giá mức độ thuyết phục của văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhận xét về phần sa-pô của văn bản** | Sa-pô của văn bản Múa rối nước hiện đại soi bóng tiền nhân khá gây ấn tượng, gần như đưa rối nước vào góc nhìn của một người thuộc về nền văn hoá khác để “lẩy” ra những điểm lạ đáng chú ý của nghệ thuật này (văn bản được in trong tạp chí Heritage của Vietnam Airlines). Người đọc hẳn sẽ khó bỏ qua một văn bản có sa-pô hấp dẫn như thế. Nói chung, khi viết văn bản thông tin, việc đầu tư cho sa-pô luôn có ý nghĩa quan trọng, nhất là trong môi trường thông tin cực kì phong phú, đa dạng hiện nay. Một sa-pô phải thể hiện được thần thái và thông tin quan trọng nhất của văn bản, với cách dẫn dắt khéo léo, gây cho độc giả sự chú ý ngay từ “cái nhìn đầu tiên”. |
| **Mức độ thuyết phục của cách triển khai thông tin trong văn bản** | Nêu những đặc điểm “độc”, “lạ” của nghệ thuật rối nước để gây tò mò => Giải đáp những câu hỏi có thể nảy sinh ở độc giả khi đọc phần sa-pô (Rối nước có nguồn gốc và quá trình hình thành, phát triển như thế nào? Thời gian và không gian biểu diễn của rối nước có gì đặc biệt? Những yếu tố nào cấu thành nghệ thuật rối nước?...) => Nêu “bài toán khó” giữa bảo tồn và phát triển nghệ thuật rối nước. Cách triển khai thông tin này có thể quy về mô hình: lần lượt trình bày về từng vấn đề hoặc nhóm vấn đề. Rõ ràng, đây là cách triển khai phù hợp, giúp người đọc có được sự hình dung tương đối toàn diện về nghệ thuật rối nước. Điều đáng chú ý nữa là khi nói về từng vấn đề, tác giả luôn làm rõ mối tương quan giữa truyền thống và hiện đại (điều đã được báo trước ở nhan đề văn bản). |
| **Nhận xét về nội dung cốt lõi của một vở rối nước được đề cập tới trong văn bản** | - Tác giả chưa dành sự chú ý thích đáng cho phần nội dung của một vở rối nước  - Một vở diễn cần phải có tích trò, dù đơn giản. Một buổi biểu diễn rối nước có thể có nhiều tiết mục, mỗi tiết mục diễn cảnh một hoạt động quen thuộc như cấy lúa, bừa ruộng, câu ếch, múa rồng, đấu vật, múa võ, cáo bắt vịt, chọi trâu,… hoặc làm sống dậy một số tình tiết nào đó trong các truyện cổ như *Tấm Cám, Thạch Sanh, Sự tích Hồ Gươm*,… Có thể hình dung mỗi tiết mục là một hoạt cảnh, nếu có cốt truyện thì đó là loại cốt truyện đơn sơ, tối giản. |
| **Cảm xúc, suy nghĩ của em về rối nước nói riêng và nghệ thuật cổ truyền của dân tộc nói chung** | - HS thể hiện được cái nhìn quán xuyến không chỉ về văn bản đang học mà còn về cả những lớp chèo hoặc cảnh tuồng được học trước đó nữa.  - HS phát biểu ý kiến một cách tự do, có thể sẽ gặp luồng ý kiến cho thấy nhiều bộ môn nghệ thuật cổ truyền của dân tộc không dễ tìm được con đường đến với khán giả hiện đại và không phải HS nào cũng tỏ thái độ yêu thích đối với rối nước, chèo hoặc tuồng. |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CÁC NHÓM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Xuất hiện** | **Không xuất hiện** |
| **1** | Thể hiện được đúng đủ nội dung |  |  |
| **2** | Cách thể hiện phong phú không đơn điệu |  |  |
| **3** | Thiết kế phần trình bày thành chương trình/tiết mục sinh động, hấp dẫn |  |  |
| **4** | Thể hiện được sâu sắc nội dung |  |  |
| **5** | Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn |  |  |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ.

- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và thẻ học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  ? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật triển khai của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS hoàn thành thẻ học tập  - Cặp đôi chia sẻ trước lớp  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  - Đặc điểm của nghệ thuật và đời sống của sân khấu rối nước trong mối tương quan giữa truyền thống và hiện đại  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Sa-pô hấp dẫn, cách triển khai phù hợp, giúp người đọc có được sự hình dung tương đối toàn diện về nghệ thuật rối nước  - Ngôn từ chắt lọc, được lựa chọn kĩ càng, có sức thuyết phục cao  - Văn phong tự nhiên, ngắn gọn, cô đúc, dễ tiếp nhận |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Viết đoạn văn theo yêu cầu..

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân**

**\*Nhiệm vụ : Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: Múa rối nước - món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

GV nhắc HS chú ý tới định hướng chứa đựng trong cụm từ “món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam”. Theo định hướng đó, cần làm nổi bật được vấn đề: rối nước là sản phẩm của nền văn minh lúa nước và tất cả những tinh hoa của nó đều phản chiếu sinh động đời sống người cần lao Việt Nam thuở xưa.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: **Múa rối nước - món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam.** |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

* GV nhận xét và cho điểm HS
* GV có thể thu bài viết của HS làm tư liệu và nhận xét nhanh về một sản phẩm được chọn ngẫu nhiên.

**Đoạn văn tham khảo:**

Múa rối có ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhưng múa rối nước thì chỉ duy nhất có ở Việt Nam. Chứng cứ bằng văn tự đầu tiên ghi chép về múa rối nước Việt Nam mà chúng ta đọc được là bia tháp Sùng Thiện Diên Linh, dựng năm 1121, trong đó những lời tụng ca cho múa rối nước khác nào thú tiêu dao chốn tiên cảnh. Thế nhưng, m[úa rối nước](https://www.vietnamplus.vn/tags/M%c3%baa-r%e1%bb%91i-n%c6%b0%e1%bb%9bc.vnp) thực chất lại là một sáng tạo độc đáo của cư dân vùng châu thổ sông Hồng, được manh nha từ công cuộc chế ngự, cải tạo nước. Rối nước thường được diễn vào những ngày nông nhàn, ngày xuân, trong các lễ hội. Thông qua các câu chuyện được nghệ sỹ rối nước thể hiện, người xem sẽ cảm nhận được sắc thái của hội làng, gửi gắm vào đó những mơ ước bình dị cho cuộc sống. Giữa thiên nhiên thơ mộng, khán giả có cơ hội chiêm ngưỡng một loại hình nghệ thuật trong đó có đất, nước, cây xanh, mây, gió, có lửa, có khói mờ vương tỏa, có cả mái đình với những hàng ngói đỏ. Thật sự là một sự hòa hợp độc đáo của nghệ thuật, thiên nhiên và con người. Trước khi chính thức trở thành nghệ thuật sân khấu, múa rối nước là hoạt động nằm trong các phường hội dân gian rải rác khắp thôn xóm, được "nuôi lớn" bằng nhiệt huyết của người dân. Ngâm bùn lội nước để làm nghệ thuật không phải là một công việc bình thường thích thú với mọi người. Nếu không phải là người sống ân tình với nước tới mức "Sống ngâm da, chết ngâm sương" như cư dân trồng lúa nước, thì khó có được sự truyền cảm nồng nhiệt vào hành động của nhân vật rối nước. Múa rối nước quả thực là món quà kì diệu từ đồng ruộng Việt Nam.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\*Nhiệm vụ 1: Anh (chị) hãy mô tả quy trình chế tác hoặc biểu diễn một loại hình nghệ thuật cổ truyền**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Dự kiến:**

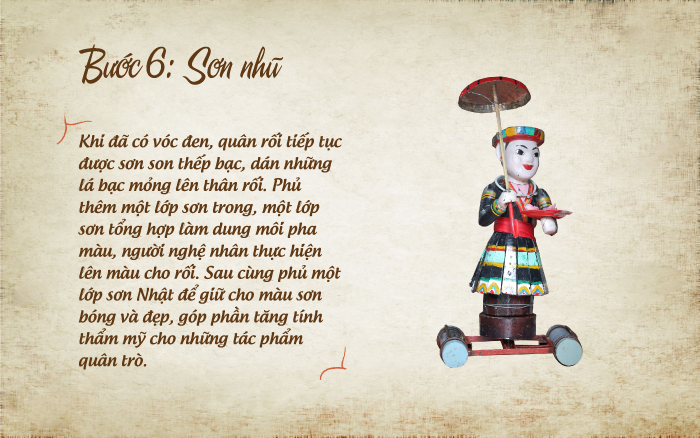
**QUY TRÌNH CHẾ TÁC QUÂN RỐI**

****

****

****

****

****

****

**\*Nhiệm vụ 2: Bài viết của Phạm Thùy Dung đã giúp em hiểu thêm gì về vai trò của mỗi cá nhân trong việc lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống?**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận trong bàn hoặc nhóm nhỏ 2 bàn quay lại nhau

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm.

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

**Dự kiến:**

- Mỗi cá nhân đều là một thành viên trong cộng đồng và được thừa hưởng những giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng đó

- Bởi vậy, mỗi cá nhân đều có vai trò, trách nhiệm trong việc lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng mình

- Nhận thức được ý nghĩa của những giá trị văn hóa truyền thống với chính mình, với thế hệ tương lai của mình, mỗi chúng ta sẽ càng thêm trân trọng và sẽ tìm cách lưu giữ bảo tồn và làm nó sống mãi trong cộng đồng

**\*Nhiệm vụ 3: Bài tập dự án**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập theo dự án**

* **Nhóm Phê bình:** Tập viết những bài tập nhỏ (tiểu luận) đánh giá vẻ đẹp của một số loại hình nghệ thuật cổ truyền
* **Nhóm Nghệ nhân:** Tập sưu tầm hoặc chế tác hoặc biểu diễn một số thể loại nghệ thuật dân gian chơi Tò he, pháo đất, ô ăn quan, đu quay, thả diều, hát chầu văn, biểu diễn tuồng, chèo, múa rối, rối nước,…)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập dự án.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

- Thời gian: 1 tuần

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần, vào tiết học chiều.

- HS các nhóm báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**Bảng kiểm đánh giá sản phẩm phê bình nghệ thuật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức bài phê bình với dung lượng vừa phải |  |
| **2** | Bài viết đúng chủ đề: **đánh giá vẻ đẹp của một số loại hình nghệ thuật cổ truyền** |  |
| **3** | Bài viết đảm bảo tính liên kết giữa các câu, các đoạn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp. |  |
| **4** | Bài viết đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |
| **5** | Bài viết thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Bảng kiểm đánh giá sản phẩm sưu tầm, chế tác hoặc biểu diễn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đúng thể loại nghệ thuật dân gian |  |  |
| **2** | Nội dung sinh động, hấp dẫn, thu hút |  |  |
| **3** | Mang đến ý nghĩa nhân văn sâu sắc |  |  |
| **4** | Thể hiện sống động, tinh thần hợp tác cao |  |  |
| **5** | Sản phẩm hay về ý, hấp dẫn về nghệ thuật lại được thể hiện sinh động, hấp dẫn |  |  |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Tìm các ví dụ minh họa cho quan điểm của người viết: *Những người yêu nghệ thuật rối nước, những nghệ nhân múa rối nước và tạo tác con rối vẫn luôn trăn trở để gìn giữ môn nghệ thuật truyền thống thấm đẫm tinh thần Việt.*

- Tìm một số giải pháp bảo tồn và phát huy những nét văn hóa cổ truyền

- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin có độ dài và chủ đề tương tự.

- **Chuẩn bị bài:** “Hồn thiêng đưa đường” (Trích tuồng “Sơn Hậu”)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**RÚT KINH NGHIỆM**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**THỰC HÀNH ĐỌC**

**Tiết ….**

**HỒN THIÊNG ĐƯA ĐƯỜNG**

**(Trích tuồng *Sơn Hậu*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuồng - Từ điển Wiki** | **Dựng tuồng “Sơn Hậu hồi 2” cho người trẻ - Hànộimới** | **Cảm nghĩ nhân vật Đổng trong vở tuồng Sơn Hậu** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy thực hành **Đọc**

***Đọc hiểu nội dung***

- Học sinh nhận xét chất bi hùng của sự kiện và nghĩa vua tôi, tình huynh đệ được thể hiện trong đoạn trích – một trong những điều tạo nên sức hấp dẫn mê hoặc của tuồng đối với khán giả thời trước

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản.

***Đọc hiểu hình thức***

- HS nắm được một số đặc điểm của tuồng dân gian thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại (tính vô danh và phương thức lưu truyền đã được nhắc đến trong phần Tri thức ngữ văn).

***Liên hệ, so sánh, kết nối***

**- Học sinh nêu** được sự khác biệt về ngôn ngữ giữa đoạn trích tuồng Sơn Hậu (tuồng cung đình) với đoạn trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến (tuồng dân gian) đã học trước đó.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

***Đọc mở rộng***

- HS biết đọc các văn bản tuồng có độ dài tương đương với văn bản đã học.

**2. Phẩm chất**

Qua bài học, học sinh được khơi gợi tinh thần dũng cảm, trượng nghĩa,cảm nhận vẻ đẹp của tình nghĩa huynh đệ, anh em được thể hiện trong đoạn trích tuồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem video, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Cách 1: PP Vấn đáp**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV hướng dẫn HS chia lớp thành 2 đội chơi để thực hiện trò chơi: Đuổi video, bắt tuồng, chèo

Video 1: www.youtube.com/watch?v=8YsHTvxrwVw

Video 2: www.youtube.com/watch?v=jDmn1LiuIXU

Video 3: [www.youtube.com/watch?v=-cA8e0zaBoY](http://www.youtube.com/watch?v=-cA8e0zaBoY)

Video 4: [www.youtube.com/watch?v=ExRbnhQQW20](http://www.youtube.com/watch?v=ExRbnhQQW20)

Video 5: <https://www.youtube.com/watch?v=5zGKZwGkLeU>

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video để đoán được thể loại sân khấu, gọi tên được vở chèo, vở tuồng, nêu được ngắn gọn nội dung tích trò

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS thực hiện trò chơi

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Dự kiến câu trả lời:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Video** | **Thể loại, Tên tác phẩm** |
| Video 1 | Chèo “Xúy Vân” |
| Video 2 | Chèo “Xúy Vân” |
| Video 3 | Chèo: “Nghêu, Sò, Ốc, Hến” |
| Video 4 | Chèo: “Quan Âm Thị Kính” |
| Video 5 | Chèo: “Lưu Bình Dương Lễ” |

**🡺GV dẫn vào bài:**

Có phải thị hiếu của giới trẻ Việt Nam đang dần xa rời các loại hình sân khấu dân gian của dân tộc? Chèo, tuồng, bài chòi, múa rối nước... có phải đã trở nên xa lạ và dường như không còn hợp khẩu vị với nhu cầu thưởng thức của giới trẻ? Lịch sử xây dựng và phát triển của dân tộc đã chứng minh rằng đây là lĩnh vực đặc biệt tinh tế của văn hóa, là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân - thiện - mỹ của con người; đồng thời là một trong những động lực trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người. Với tích trò hấp dẫn, sự công phu trong nghệ thuật tạo hình, sự điêu luyện trong cách thức điều khiển đạo cụ,..., nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam trải qua hàng nghìn năm hình thành, phát triển và chưa bao giờ mất đi vị thế là “đặc sản” tinh thần độc đáo của văn hóa dân tộc. Mỗi thể loại trong mâm cỗ đặc sản đó lại là một món ngon khó cưỡng với tâm hồn mỗi chúng ta bất cứ thời đại nào

**GV đưa bảng KWLH, HS điền 2 cột K và W, các cột còn lại hoàn thiện sau khi học để kích thích khả năng tìm hiểu bài học (tùy thuộc vào năng lực cá nhân của mỗi HS)**

**Phiếu 1: Bảng KWLH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| K  Em hiểu gì về tuồng cung đình Việt Nam? Tuồng Sơn Hậu? | W  Em muốn biết thêm điều gì về tuồng cung đình Việt Nam? Tuồng Sơn Hậu? | L  Điều em đã học được về tuồng cung đình Việt Nam? Tuồng Sơn Hậu? | H  Em sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu tuồng cung đình Việt Nam theo cách nào? |
| ..........................  ..........................  ......................... | ……...................  ..........................  .......................... | …............................  …….......................  ................................ | ….......................  …......................  …...................... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung tác phẩm**

**a. Mục tiêu**:

- Học sinh hiểu được những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm để đọc hiểu văn bản

**b. Nội dung hoạt động:**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu văn bản

- HS hoạt động cặp đôi điền phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập số 2

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung tác phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Xuất xứ tác phẩm** |  |
| **Thể loại** |  |
| **Phương thức biểu đạt chính** |  |
| **Bố cục tác phẩm** |  |
| **Tóm tắt tác phẩm** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS nghiên cứu phần chú SGK tr.152  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác phẩm bằng cách yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 2  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi các yêu cầu GV giao. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS tìm bạn tạo cặp đôi mới để trao đổi thảo luận * Đại diện cặp đôi trình bày * Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung tác phẩm (bảng dự kiến bên dưới, phiếu số 2)**  - Xuất xứ tác phẩm  - Thể loại  - Phương thức biểu đạt chính  - Bố cục tác phẩm  - Tóm tắt tác phẩm |

**Dự kiến sản phẩm của học sinh: Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung tác phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Xuất xứ tác phẩm** | - San Hậu hay Sơn Hậu là tên một vở tuồng (hát bội) cổ khuyết danh của Việt Nam (có ý kiến cho là của Đào Duy Từ viết), hiện không còn bản gốc, ra đời vào khoảng nửa cuối thế kỉ 18, sau được Đào Tấn chỉnh lý. |
| **Thể loại** | **Tuồng cổ cung đình** |
| **Phương thức biểu đạt chính** | **Trữ tình (biểu cảm) trong tự sự** |
| **Bố cục tác phẩm** | Tuồng hát này có 3 hồi, mỗi hồi hát độ 4 giờ; mỗi hồi không có tựa riêng, gọi chung là tuồng San Hậu.  + Hồi thứ nhất nói về Phàn Viên Ngoại tống cung ái nữ.  + Hồi thứ nhì nói về Phàn Công chém sứ giả.  + Hồi thứ ba nói về Tạ Nguyệt Kiểu đi tu. |
| **Tóm tắt tác phẩm** | Vua Tề già yếu, sắp qua đời, thái sư Tạ Thiên Lăng cùng anh em âm mưu chiếm ngôi, tống giam Phàn thứ hậu đang có mang. Họ giết lão quan Lý Khắc Thường, trong khi đó võ tướng Khương Linh Tá giả hàng thái sư nhưng tìm cách cứu thái hậu. Bà Nguyệt Hạo (Nguyệt Kiểu) là chị ba của các anh em họ Tạ, vốn cũng là một thứ hậu của vua Tề, đau đớn vì các em mình phản bội, đã cùng thái giám Tử Trình, Đổng Kim Lân và Khương Linh Tá lập mưu cứu thứ hậu và hoàng tử mới sinh thoát khỏi ngục tối. Chuyện bại lộ, Tạ Thiên Lăng cho quân đuổi theo, Khương Linh Tá ở lại cản đường để Đổng Kim Lân đưa thứ phi và hoàng tử mới sinh chạy trốn. Linh Tá chống không nổi quân Thiên Lăng và bị chém đứt đầu. Kim Lân bị lạc trong rừng, Linh Tá hiện lên thành ngọn đuốc đưa đường cho Kim Lân dẫn hoàng tử và thứ phi về được đến thành San Hậu. Đổng Kim Lân củng cố lực lượng và tiếp tục chiến đấu chống Tạ Thiên Lăng. Cánh thái sư cố thủ trong thành, Tạ Thiên Lăng bắt mẹ của Đổng Kim Lân làm con tin, nếu Kim Lân phá thành chúng sẽ giết mẹ ông. Nhờ sự giúp đỡ của Nguyệt Hạo (lúc này đang tu trong chùa), quân của Đổng Kim Lân đã đưa bà đổi lấy mẹ Kim Lân. Cuối cùng, quân Kim Lân chiến thắng. Tạ Ôn Đình, em trai Tạ Thiên Lăng bị hồn Khương Linh Tá hiện về chém chết, còn Thiên Lăng bị đuổi về quê. Hoàng tử lên ngôi vua. |

**Hoạt động 2.2: Đọc và tìm hiểu chung về đoạn trích**

**a. Mục tiêu**:

- HS biết cách đọc một văn bản tuồng cổ, trong đó phương thức trữ tình lồng trong phương thức tự sự

- Học sinh nắm được những thông tin chung về đoạn trích tuồng “Hồn thiêng đưa đường”

**b. Nội dung hoạt động:**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập để tìm hiểu văn bản

- HS hoạt động cá nhân kết hợp thảo luận nhóm bàn điền phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập số 3

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về đoạn trích**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vị trí** | |  |
| **Bố cục** | |  |
| **Nhân vật** | **Giống nhau** |  |
| **Khác biệt** |  |
| **Sự kiện chính** | |  |
| **Cảm nhận chung về đoạn trích** | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Đọc và tìm hiểu chung về đoạn trích**  **TT 1. Đọc đoạn trích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc đoạn trích SGK:  + GV yêu cầu giọng đọc: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, đúng giọng điệu, chú ý phân biệt lời các nhân vật (cùng là trung thần nhưng người chốn dương gian, người là linh hồn hiện hữu)  + GV phân vai, đọc văn bản.  Yêu cầu HS đọc bằng mắt phần chú thích.  - GV gọi một số HS chia sẻ các kết quả đọc theo các các câu hỏi:  + Cảm nhận chung của em về không khí đoạn trích?  + Em thích nhân vật nào nhất trong đoạn trích? Vì sao?  + Em ấn tượng với tuồng ở điều gì?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn các yêu cầu GV giao. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS lần lượt trả lời các câu hỏi. * Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **TT2. Tìm hiểu chung về đoạn trích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về đoạn trích bằng cách yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 3, từ đó hiểu được vị trí, nhân vật, nội dung khái quát và bố cục của đoạn trích.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận theo từng cặp bàn các yêu cầu GV giao. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**   * Đại diện các nhóm trình bày * Các HS chia sẻ, lắng nghe, nhận xét và bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Đọc và tìm hiểu chung về đoạn trích**  **1. Đọc đoạn trích**  **Cần chú ý:**  - Giọng của trung thần lẫm liệt  - Giọng của linh hồn và nguời phàm trần  **2. Tìm hiểu chung về đoạn trích (bảng dự kiến phiếu 3 bên dưới)**  - Vị trí   * Bố cục * Nhân vật * Sự kiện chính * Cảm nhận chung về đoạn trích |

**Dự kiến sản phẩm của học sinh: Phiếu 3: Bảng tìm hiểu chung về đoạn trích**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí** | | | Phần cuối tác phẩm |
| **Bố cục** | | | - Phần 1 từ đầu đến (Hồn Linh Tá báo đèn hiệu): Kim Lân hộ tống thứ phi và hoàng tử về Sơn Hậu giữa đường gặp hồn Linh tá  - Phần 2 tiếp theo đến (Chân trời đã hây hây): Hồn Linh Tá hóa thành ngọn đuốc soi đường cho Kim Lân đến Sơn Hậu an toàn  - Phần 3: Còn lại: Anh em từ tạ nhau |
| **Nhân vật** | **Đổng Kim Lân và**  **Hồn Linh Tá** | **Giống nhau** | Đều là những trung thần, sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn |
| **Khác biệt** | - Một người đang sống trên dương gian, một người đã không còn thân xác  - Mỗi người chọn cho mình cách riêng để chứng minh lòng trung nghĩa |
| **Sự kiện chính** | | | - Kim Lân gặp lại hồn Linh Tá  - Hồn Linh Tá hóa thành ngọn đuốc và trò chuyện dẫn lối cho Kim Lân  - Hai anh em từ biệt |
| **Cảm nhận chung về đoạn trích** | | | HS bày tỏ suy nghĩ riêng của cá nhân.... |

**Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi (Khám phá văn bản)**

1. **Mục tiêu:**

- Làm sáng tỏ những đặc điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật của tuồng cung đình trong sự so sánh với tuồng dân gian (Nghêu, Sò, Ốc, Hến)

- Học sinh nhận xét chất bi hùng của sự kiện và nghĩa vua tôi, tình huynh đệ được thể hiện trong đoạn trích – một trong những điều tạo nên sức hấp dẫn mê hoặc của tuồng đối với khán giả thời trước

- Rút ra được ý nghĩa, thông điệp bài học qua đoạn trích.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của đoạn trích tuồng.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Phiếu học tập 4:Tìm hiểu bối cảnh xuất hiện của nhân vật tuồng cung đình (Hoàn cảnh éo le của Kim Lân lúc bấy giờ )**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Những bối cảnh cụ thể** | **Ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, biện pháp tu từ** | **Nhận xét** |
| **Đổng Kim Lân** |  |  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Hồn Linh Tá** |  | | |

**Phiếu học tập 5 :Tìm hiểu đặc trưng trong tuồng cung đình (chữ trung, chữ nghĩa)**

**(Sự xuất hiện của hồn Linh Tá và tình nghĩa huynh đệ Linh Tá – Kim Lân)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Gặp gỡ** | **Linh Tá** |  |
| **Kim Lân** |  |
| **Tình nghĩa huynh đệ** | **Kim Lân** |  |
| **Linh Tá** |  |
| **Từ biệt** | **Kim Lân** |  |
| **Linh Tá** |  |

**Phiếu học tập 6: Tìm hiểu ngôn ngữ tuồng cung đình (Sơn Hậu) trong so sánh với tuồng dân gian (Nghêu, Sò, Ốc, Hến)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuồng cung đình  **(Sơn Hậu)** | Tuồng dân gian  **(Nghêu, Sò, Ốc, Hến)** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Tìm hiểu chi tiết đoạn trích tuồng Sơn Hậu**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn (hoặc tự lựa chọn hình thức)  - Hoàn thành **phiếu học tập 4, 5, 6** trong thời gian 05 phút:  **+ Nhóm 1: Tìm hiểu bối cảnh xuất hiện của nhân vật tuồng cung đình**  **Hoàn thành phiếu học tập 4**  + **Nhóm 2: Tìm hiểu đặc trưng tuồng cung đình (chữ trung, chữ nghĩa)**  **Hoàn thành phiếu học tập 5**  + **Nhóm 3: Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ tuồng cung đình**  **Hoàn thành phiếu học tập 6:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Cách 1: Kĩ thuật Khăn trải bàn:**    - HS bầu nhóm trưởng, thư kí.  - HS trong từng nhóm ghi lại câu trả lời của mình vào xung quanh bảng phụ, sau đó, nhóm thống nhất ‎ý kiến và ghi vào chính giữa.  - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  Cách 2: Các nhóm tự chọn hình thức thể hiện (thuyết trình, trò chơi,…)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Cách 1:**  -  HS từng nhóm cử đại diện trả lời, treo bảng phụ của nhóm mình lên.  - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Cách 2:**   * GV giúp HS thiết kế một buổi tiệc mừng công, trong đó, Kim Lân và Linh Tá được ban khen và ban thưởng. Qua đó, Kim Lân dẫn giải lại sự tình:   + Hoàng Thái Hậu: Bổn cung muốn ngươi kể rõ sự tình cho cả triều đình được tỏ về tấm gương trung thần lẫm liệt  + Hoàng Thái Hậu: Hoàn cảnh lúc đó ra sao?  + Hoàng Thái Hậu: Linh Tá xuất hiện như thế nào?  + Kim Lân trình bày rõ hoàn cảnh éo le  + Hoàng Thái Hậu: Tại sao hồn Linh Tá lại xuất hiện?  + Kim Lân nghẹn ngào nói về tình nghĩa huynh đệ giữa mình và Linh Tá, cảm thán cho số mệnh ngắn ngủi của Linh Tá đồng thời tự hào trước tấm lòng trung hiếu của người huynh đệ  Hoàng Thái Hậu:  + Cảm động trước tình cảm giữa Kim Lân và Linh Tá.  + Ca ngợi lòng trung của 2 trung thần  + Ban khen, ban thưởng  (GV lưu ý HS chú ý cách xưng hô cho phù hợp)  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  Lưu ý: Thực hiện theo cách 2, GV chỉ giúp HS hình thành được 2 đơn vị kiến thức, đơn vị kiến thức còn lại, GV hướng dẫn HS treo sản phẩm rồi thuyết trình | **III. Tìm hiểu chi tiết đoạn trích tuồng Sơn Hậu**  **1. Tìm hiểu bối cảnh xuất hiện của nhân vật tuồng cung đình (Hoàn cảnh éo le của Kim Lân lúc bấy giờ )**  **Dự kiến phiếu học tập 4 (bên dưới)**  **2. Tìm hiểu đặc trưng tuồng cung đình (chữ trung, chữ nghĩa) - Sự xuất hiện của hồn Linh Tá và tình nghĩa huynh đệ Linh Tá – Kim Lân**  **Dự kiến phiếu học tập 5 (bên dưới)**  **3. Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ tuồng cung đình - So sánh ngôn ngữ tuồng cung đình với tuồng dân gian (Nghêu, Sò, Ốc, Hến)**  **Dự kiến phiếu học tập 6 (bên dưới)** |

**Dự kiến phiếu học tập 4:Tìm hiểu bối cảnh xuất hiện của nhân vật tuồng cung đình (Hoàn cảnh éo le của Kim Lân lúc bấy giờ )**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Những bối cảnh cụ thể** | **Ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, biện pháp tu từ** | **Nhận xét** |
| **Đổng Kim Lân** | Tình thế nguy cấp vì bị bao vây phải phá muôn vòng quân sĩ | *Kiếm Thứ phi kiếm chẳng thấy tin/Thương tử hoàng còn nhỏ/Khát sữa lại đói cơm/ Cắn máu tay thấm giọt nhi long/Nhất thời trợ miễn ư cơ khát* | * Hoàn cảnh hết sức éo le:   + Vừa giết giặc  + Vừa bảo toàn tính mạng cho hoàng tử và thứ phi,  + Vừa chạy trốn quân địch đến vùng Sơn Hậu.  - Xung quanh chỉ có núi non, trong rừng không có cả ánh sáng, ngẫm lại chuyện xưa chỉ hi vọng có ánh sáng soi đường chỉ lối |
| **Bối cảnh xung quanh góp phần đẩy nhân vật vào thế cùng đường** | - Không gian: *Sau lưng không tiếng nhạc/Trước mắt thấy đầu non/ Lạc vào chốn sơn trung/Đã không dời nước bước/* - Thời gian: *Đêm tối* |
| **Chỉ có thể trông chờ điều không tưởng** | *Xưa Hán Minh giúp nước/ Mặt trời xuất tan canh* |
| **Hồn Linh Tá** | * Vì cứu chúa, cứu bạn, Linh Tá một mình ở lại ngăn quân giặc để bạn mình là Kim Lân bồng ấu chúa lánh nạn. Nhưng vì thế cô, lực mỏng Linh Tá bị giặc chém rơi đầu, chàng đã nhặt đầu lên hóa thành ngọn đuốc để đưa bạn qua đèo lánh nạn trong đêm tối. Ánh sáng từ ngọn đuốc Linh Tá chính là ánh sáng của nghĩa, của trung, của hi sinh quên mình phò tá quân vương * Hồn Linh Tá xuất hiện vào đúng lúc tưởng như các nhân vật khác rơi vào cùng đường, tuyệt lộ. Tình tiết lúc này được đẩy đến đỉnh điểm. Hồn Linh Tá xuất hiện chính là chìa khóa tháo gỡ mọi nút thắt * [Sân khấu](https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/cong-nu-anio-se-len-san-khau-nhac-kich-viet-nam-681730) truyền thống lấy tính “giáo huấn” làm trung tâm và nghệ thuật tuồng lấy chữ “trung” làm đầu. Thông qua tích truyện, trò diễn để chuyển tải tới người xem bài học về những tấm gương trung thần lẫm liệt | | |

**Dự kiến Phiếu học tập 5 :Tìm hiểu đặc trưng trong tuồng cung đình (chữ trung, chữ nghĩa) - Sự xuất hiện của hồn Linh Tá và tình nghĩa huynh đệ Linh Tá – Kim Lân)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Gặp gỡ** | **Linh Tá** | Hồn Linh Tá xuất hiện vì lời thề ban xưa “*Xưa có lời đoan thệ/Nay phải đến báo tin/Cậy anh phù Hoàng tử Thứ phi/Khá gắng sức nghiệp Tề đem lại*”. |
| **Kim Lân** | Kim Lân vô cùng ngạc nhiên “*Ta Linh Tá! Ta Linh Tá/Mệnh dĩ vong! Mệnh dĩ vong!/ Thủ cấp lưu tại thử/ Công hà nhật tấn công*” – lo cho việc mai táng của em mình không chu tất |
| **Tình nghĩa huynh đệ** | **Kim Lân** | * Kim Lân biểu đạt cảm xúc đau đớn, xót xa trước tình nghĩa huynh đệ lâu năm, đau đớn khi không thể cùng huynh đệ đồng cam cộng khổ, cứu nước cứu vua “*Thống thiết các can tràng đoạn đoạn/ Sầu đê mê ngọc lệ sái uông uông/Thùy tri nhất đán biệt Sâm Thương/ Thùy tri nhất đán biệt Sâm Thương*” * Đồng thời tiếc nuối cho phận anh hùng không ai phù trợ để lập nghĩa lớn cho quốc gia *“Tiếc bấy anh hùng/Lầm tay phản tặc/Lấy ai phù bật/Vây cánh cho nhau?/Vị quốc gia chi đại nghĩa/ Hoài cơ nghiệp tận kì trung*” |
| **Linh Tá** | - Trong khi Kim Lân đau xót gánh vác trách nhiệm phò hoàng tử và thứ phi thì Linh Tá giúp đánh tan kẻ địch “*Ngăn tặc binh sở cậy nhà ngươi”*  - Linh Tá hóa ngọn đèn hồng soi đường chỉ lối và phù trợ cho Kim Lân cứu thứ phi và hoàng tử |
| **Từ biệt** | **Kim Lân** | Kim Lân nói lời từ tạ “*Hồn thương hồn tiếc hây hây/ Âm dương một phút từ nay xa vời*” |
| **Linh Tá** | Kim Lân vừa đến thành Sơn Hậu ngọn đèn liền phụt tắt |
| **Nhận xét** | | **Nhận xét tình nghĩa huynh đệ của Linh Tá và Kim Lân:** Yêu thương, gắn bó, nguyện hi sinh vì nhau, hỗ trợ lẫn nhau, trọng tình trọng nghĩa. Đặc biệt là luôn vì trách nhiệm với vua với nước, với nghĩa lớn của quốc gia đại sự.  **Nhận xét chất bi hùng của sự việc:** Giải vòng vây quân địch, hộ tống thứ phi và hoàng tử tới nơi an toàn => Công việc đại sự, trọng đại của quốc gia dân tộc |

**Dự kiến Phiếu học tập 6: Tìm hiểu đặc trưng ngôn ngữ tuồng cung đình (Sơn Hậu) trong so sánh với tuồng dân gian (Nghêu, Sò, Ốc, Hến)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuồng cung đình  **(Sơn Hậu)** | Tuồng dân gian  **(Nghêu, Sò, Ốc, Hến)** |
| * Nhấn mạnh vào các tình cảm cao đẹp, đạo nghĩa trung quân ái quốc, * Nhiều từ ngữ cổ điển, nhiều tích và ngôn ngữ trang trọng, diễn đạt có vần điệu. | * Nhấn mạnh vào thế sự, nhân tình thế thái, những sự việc diễn ra trong đời sống nhân dân, * Ngôn ngữ dân dã, đời thường, các từ ngữ dễ hiểu và ngắn gọn. |

**Hoạt động 2.4: Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của đoạn trích tuồng *Sơn Hậu*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật đoạn trích.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ cá nhân 2’ và phát biểu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1-2 HS trả lời  - HS khác nghe, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chuẩn hoá kiến thức. | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**   * Thế giới thực ảo đan xen * Trữ tình lồng trong vỏ tự sự vừa đem lại những tình tiết li kì huyền ảo gắn với những hình tượng nhân vật đầy màu sắc biểu tượng vừa gợi dậy những xúc cảm sâu xa trong giai điệu da diết   - Ngôn ngữ: Là tuồng cung đình nên hệ thống Hán ngữ, điển tích, điển cố được huy động tối đa  **2. Nội dung:** Trích đoạn đã thể hiện được chủ nghĩa nhân văn của dân tộc Việt Nam: cốt cách anh hùng phi thường, lòng trung nghĩa sắt son, và những sự hi sinh vô cùng cao cả, tình huynh đẹp đẹp đẽ và cao quý. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ.  **Câu 1: Làm sáng tỏ một đặc điểm nổi bật của thể loại tuồng cung đình qua trích đoạn *Sơn Hậu* “Hồn thiêng đưa đường”**  **Câu 2**: Thông điệp em rút ra sau khi học xong **trích đoạn tuồng *Sơn Hậu***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ, viết vào vở ghi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1-2 HS trình bày kết quả  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, gợi ý cách trả lời | **Câu 1:**  HS có thể kể đến một số đặc điểm nổi bật:  Đoạn trích mang âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của đoạn trích này. Lực lượng chính nghĩa, trong những tình huống gian khổ, hiểm nguy, đã chiến đấu vô cùng dũng cảm với một tín niệm sắt đá, thủy chung, với một khát vọng rất lớn. Họ chiến đấu cho một lý tưởng tuyệt đối (phục nghiệp cho dòng vua cũ) và bằng một lòng trung thành vô hạn độ. Cuộc chiến đấu của họ đã diễn ra đầy khí thế hào hùng, gây xúc cảm thẩm mỹ mạnh mẽ. Có thể nói, đây chính là sân khấu của những người anh hùng. Trong hoàn cảnh đầy mâu thuẫn và xung đột bạo liệt bi ai, Kim Lân, Linh Tá đã vươn lên thoát khỏi sự chế ngự của hoàn cảnh, hành động một cách dũng cảm, anh hùng, trở thành tấm gương chói ngời về lòng trung hiếu và nghĩa huynh đệ  **Câu 2**. Những thông điệp:  - Dù ở thế giới nào thì những giá trị đạo đức tốt đẹp vẫn luôn tỏa sáng  - Trọng chữ trung, chữ nghĩa  ... |

**4.** **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để lí giải một số điểm gần gũi và khác biệt giữa các thể loại sân khấu khác nhau, hoặc vận dụng để đưa tuồng đến gần hơn với đời sống trẻ

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Bài tập 1 :**

**Thảo luận nhóm:** Chỉ ra điểm khác biệt giữa tuồng và chèo

**Bài tập 2:**

**Bài tập dự án :** Sân khấu hóa trích đoạn tuồng *Sơn Hậu*: HS biên kịch, chọn vai, phân vai, chuẩn bị trang phục, đạo cụ đưa đoạn trích lên sân khấu lớp

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

**Bài tập 1 :** HS suy nghĩ và thảo luận theo nhóm.

**Bài tập 2:**

- HS có 01 tuần để thực hiện dự án

- GV cung cấp bảng kiểm:

**Bảng tự đánh giá làm việc nhóm của cá nhân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Họ tên:  Vị trí công việc:  Nhóm / Bộ phận: | | | |
| Tiêu chí | Hiếm khi | Đôi khi | Thường xuyên |
| Đóng góp những ý kiến, sáng kiến hay |  |  |  |
| Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác |  |  |  |
| Phối hợp, hợp tác cùng các thành viên khác |  |  |  |
| Thực hiện các sáng kiến, hành động của nhóm khi cần thiết |  |  |  |
| Tham gia các buổi thảo luận của nhóm |  |  |  |
| Kết nối, giao tiếp hiệu quả với các thành viên |  |  |  |
| Chia sẻ với nhóm về công việc đang thực hiện |  |  |  |
| Cá nhân tự đánh giá:  Điểm mạnh nhất của tôi khi làm việc nhóm:  ................................................................................................................................................  Điểm hạn chế nhất của tôi khi làm việc nhóm:  ...............................................................................................................................................  Các kỹ năng, hướng cải thiện công việc tôi dự định tiến hành trong thời gian tới:  ............................................................................................................................................... | | | |

- GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập.
* HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Dự kiến câu trả lời thảo luận:**

Chèo là loại hình sân khấu dân gian, ngày càng được chuyên nghiệp hóa. Còn tuồng là loại hình sân khấu quí tộc, ngày càng được bình dân hóa. Ta có thể  nêu ra những khác biệt chính sau đây:

**1. Về nguồn gốc:** Tuồng có nguồn gốc từ sân khấu Trung Quốc, du nhập vào nước ta dưới thời nhà Lý, do Lý Nguyên Cát hướng dẫn. Còn chèo hình thành từ nông thôn miền Bắc Việt Nam.

**2. Về kịch bản:** Tuồng có kịch bản hoàn chỉnh. Chèo cũng có kịch bản nhưng diễn viên phải ứng diễn nhiều hơn.

**3. Về nhân vật:** Nhân vật chính của tuồng thuộc tầng lớp thượng lưu như vua chúa. Nhân vật cao nhất trong chèo chỉ là tri huyện, thuộc tầng lớp thấp.

**4. Về trang phục:** Đạo cụ, trang phục của tuồng rất nhiều còn đạo cụ, trang phục của chèo ít ỏi, giản dị.

**5. Về tính chất:** Tuồng thiên về bi còn chèo thiên về hài.

**6. Về khán giả:** Chèo được khán giả miền Bắc say mê còn tuồng được khán giả Nam Trung bộ và Nam bộ ưa thích hơn nên tuồng phát triển mạnh ở vùng đất phía Nam.

**Bài tập dự án :**

**Rubric thiết kế kịch bản và diễn xuất**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế một kịch bản (sân khấu hóa) về đoạn trích tuồng *Sơn Hậu* (Hồn thiêng đưa đường)  **(10 điểm)** | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, hóa trang, đạo cụ, diễn viên chưa nhập vai tốt.  ( 5 – 6 điểm) | Kịch bản đủ nội dung, hóa trang, đạo cụ tốt nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu.  (7 – 8 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung, hóa trang, đạo cụ tốt và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (9 - 10 điểm) |

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Viết bài cảm nhận sau khi xem tuồng *Sơn Hậu*

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc trọn vẹn tuồng *Sơn Hậu*

- Sưu tầm một số sản phẩm văn hóa ảnh hưởng từ tuồng chèo dân gian Việt Nam

- Chuẩn bị bài: Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**A**

**VIẾT**

|  |
| --- |
| **Tiết …**  **VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU**  **(Về một vấn đề** **văn hóa truyền thống Việt Nam)** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Viết**

***Quy trình viết***

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

***Thực hành viết***

– HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.

- Viết được một bài báo cáo với đầy đủ các bước:

+ Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo.

+ Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực.

+ Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.

+ Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

**2. Phẩm chất**

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.

- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.

- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.

- Trân trọng những sản phẩm nghiên cứu khoa học, biết tiếp thu và vận dụng, đóng góp những sản phẩm, công trình có ích cho cộng đồng, xã hội,...

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem clip trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV hướng dẫn HS xem hậu trường một cảnh cổ trang:**

<https://www.youtube.com/watch?v=JYACZGR2yGc&t=185s> (Từ 03:03 – 03:30)

**Từ đó trả lời nhanh các câu hỏi:**

**Phiếu trả lời nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Clip trên diễn tả điều gì? |  |
| 1. Cảnh trong Clip có thật không? Tại sao? |  |
| 1. Nhận xét của em về đạo cụ, trang phục trong sân khấu cổ? |  |
| 1. Em có tò mò, có muốn tìm hiểu về nghệ thuật cổ truyền không? |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chia sẻ những điều thu nhận được sau khi xem video

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* Một số HS trình bày ý kiến cá nhân
* Các HS khác quan sát, thảo luận, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Dự kiến:**

1. Clip là hậu trường diễn tả cảnh bắn tên và đỡ tên trong sân khấu cổ trang

2. Cảnh trong Clip không thật, chỉ là đóng giả vì đó là những cảnh từ thời xa xưa mà trong thời hiện đại hiếm khi xuất hiện

3. Đạo cụ, trang phục trong clip được thiết kế theo kiểu phục cổ phù hợp với thời quá khứ xa xôi

4. HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân

**GV từ câu trả lời của HS nhận xét và dẫn vào nội dung bài học.**

🡺 **GV dẫn vào bài:** Nhiều thế kỷ đã trôi qua, những loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đã đồng hành cùng dân tộc, dù rất khiêm tốn, nhưng bằng tất cả ý thức về sứ mệnh của nghệ thuật trong tiến trình phát triển lịch sử, phát triển văn hóa dân tộc, những loại hình nghệ thuật này đã cống hiến không chỉ bằng tài năng lao động sáng tạo nghệ thuật mà còn có cả máu xương và nước mắt của biết bao nhiêu thế hệ nghệ sĩ. Họ đã nối tiếp nhau sáng tạo hàng trăm vở diễn chứa đựng nội dung tư tưởng sâu sắc và giá trị thẩm mỹ nghệ thuật cao, góp phần không nhỏ vào việc bồi dưỡng thế giới tâm hồn và nhân cách cho những con người cách mạng, cũng như quần chúng lao động bình thường. Để rồi từ đó, ta cảm nhận được tầm cao của lý tưởng, vẻ đẹp của nghệ thuật, hồn sắc của đất nước quê hương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước cũng như trong cuộc sống hòa bình xây dựng Tổ quốc Việt Nam.

Đó chính là lí do thôi thúc chúng ta muốn đi tìm tòi, nghiên cứu và khám phá những điều sâu xa ẩn sau ánh đèn sân khấu cổ truyền

**GV đặt vấn đề bằng một số câu hỏi:**

*- Cái gọi là “ý nghĩa của vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam được chọn nghiên cứu” nên được hiểu như thế nào?*

*- Đâu là điểm chung giữa một bài văn nghị luận thông thường và một bài báo cáo nghiên cứu?*

*- Điểm riêng cần được nhấn mạnh ở bài báo cáo nghiên cứu là gì?*

*- “Ngôn ngữ khách quan, khoa học” có những đặc điểm nào cần đặc biệt chú ý?*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về viết báo cáo nghiên cứu** **về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**

**a. Mục tiêu**:

- HS củng cố được những hiểu biết về một báo cáo nghiên cứu với những yêu cầu đặc thù về nội dung và hình thức (đã học ở bài 4).

- HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Phân tích ví dụ SGK**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc bài viết SGK – trang 140 -145  - GV cho HS đọc bài viết tham khảo, chú ý đến những thẻ chỉ dẫn bên phải của văn bản.  - GV đặt các câu hỏi để giúp HS nhận diện cấu trúc và cách trình bày các thông tin trong bài viết:  1. Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho biết điều gì về nội dung và phạm vi nghiên cứu? (GV nhắc các em ý thức được tầm quan trọng của việc đặt nhan đề cho báo cáo nghiên cứu)  2. Báo cáo nghiên cứu có những luận điểm chính nào? (GV giúp HS thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống luận điểm)  3. Tác giả đã sử dụng cứ liệu như thế nào để làm sáng tỏ các luận điểm? (GV lưu ý HS mọi luận điểm nêu lên đều cần phải được chứng minh bằng những cứ liệu cụ thể)  4. Phần cuối của báo cáo nghiên cứu đã nêu những thông tin gì? (GV nhấn mạnh: HS cần hiểu rõ tầm quan trọng của việc sử dụng tài liệu tham khảo trong hoạt động nghiên cứu cũng như sự cần thiết của việc lập danh mục Tài liệu tham khảo đặt cuối báo cáo nghiên cứu)  - HS sơ đồ hóa ý triển khai của bài  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức  **Thao tác 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Để viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đềvăn hóa truyền thống Việt Nam, các em cần thực hiện các yêu cầu gì?  - HS có thể so sánh yêu cầu cần đạt của kiểu bài báo cáo nghiên cứu với kiểu bài nghị luận đã học ở các bài trước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo SGK:**  **\* Nhan đề của báo cáo nghiên cứu:**  Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho thấy nội dung và phạm vi nghiên cứu là về loại hình sân khấu chèo và ngôn ngữ đối thoại của chèo.  **\* Những luận điểm chính của bản báo cáo:**  - Ngôn ngữ sân khấu chèo ở đoạn này có thể là những câu thơ chữ Hán đầy điển cố, khó hiểu, đến đoạn khác lại gần như là một câu ca dao nuột nà, phơi phới tình người.  - Một câu đối thoại hay là một câu nói vừa giải thích được những đặc điểm riêng của nhân vật đồng thời lại là sự thể hiện của nhân vật đó.  - Ngôn ngữ trong vở chèo mang tính tư tưởng, là sức sống bên trong của nhân vật, đồng thời là chiếc xe chở tư tưởng của tác giả.  - Trong khi viết ngôn ngữ cho nhân vật, các tác giả xưa rất chú ý đến nhịp điệu và âm luật câu văn.  - Ở một số vở chèo xưa, có những nhân vật không hề có tiếng nói của bản thân họ mà nói bằng một loại ngôn ngữ nâng cao.  - Một đặc điểm nữa trong ngôn ngữ đối thoại trong chèo là tính ước lệ.  - Về mặt hình thái văn học, ngôn ngữ trong chèo được trình bày dưới ba dạng: nói thường, nói có tuyền luật và hát.  **\* Những cứ liệu sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm:**    Tác giả đã sử dụng những cứ liệu là những thông tin, nghiên cứu đã có trước đấy về chèo; ngôn ngữ trong các kịch bản chèo phổ biến và thông tin chọn lọc từ một số cuốn sách viết về chèo,…  **\* Thông tin trong phần cuối của báo cáo nghiên cứu:**  - Tổng kết lại những thông tin thu thập được khi nghiên cứu ngôn ngữ trong chèo,  - Nhắc đến những vấn đề nghiên cứu chèo chưa được giải quyết,  - Cuối cùng là thông tin về những tài liệu tham khảo dùng trong nghiên cứu.  Phần cuối không có danh mục tài liệu tham khảo, từ đó cho thấy người viết báo cáo này có kiến thức rất tốt về chèo và chủ động, tích cực, không dựa dẫm vào các nguồn tài liệu có sẵn.  **Sơ đồ triển khai ý của bài tham khảo:**   |  | | --- | | **Ngôn ngữ đối thoại trong chèo** |  |  | | --- | | **Đặt vấn đề:**  Nêu vấn đề nghiên cứu: vai trò quan trọngcủa ngôn ngữ đối thoại trong chèo |  |  | | --- | | **Giải quyết vân đề** |      |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Định hướng, phương pháp và kết quả nghiên cứu | Phân tích sâu và triển khai thêm luận điểm | | | | | | * Nêu định hướng nghiên cứu: nghiên cứu từ những thành tựu văn học cụ thể của chèo, rút ra những quy tắc riêng biệt của nó * Trình bày việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu: xem xét văn học trong chèo cổ với ý nghĩa là ngôn ngữ sân khấu, lấy diễn xuất và lấy hiệu quả truyền cảm của chúng trong diễn xuất là tiêu chuẩn * Trình bày kết quả nghiên cứu * Nêu luận điểm – kết quả nghiên cứu * Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm | Luận điểm 1: Ngôn ngữ đối thoại mang tính tư tưởng:  + Nêu luận điểm -kết quả nghiên cứu  + Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm | Luận điểm 2: Ngôn ngữ đối thoại có nhịp điệu và âm luật:  + Nêu luận điểm -kết quả nghiên cứu  + Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm | Luận điểm 3: Ngôn ngữ đối thoại là loại ngôn ngữ nâng cao:  + Nêu luận điểm-kết quả nghiên cứu | Luận điểm 4: Ngôn ngữ đối thoại mang tính ước lệ:  + Nêu luận điểm-kết quả nghiên cứu | Luận điểm 5: Các dạng ngôn ngữ đối thoại:  + Nêu luận điểm-kết quả nghiên cứu |  |  | | --- | | **Kết luận, nêu ý nghĩa**  **của vấn đề nghiên cứu** |  |  | | --- | | **Tài liệu tham khảo** |   **2. Yêu cầu đối với bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề** **văn hóa truyền thống Việt Nam**  - Nêu được vấn đề muốn nghiên cứu về văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Biết sử dụng những phương pháp nghiên cứu phù hợp.  - Xây dựng được hệ thống luận điểm sáng rõ; làm nổi bật được các kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh hoạ cụ thể, sát hợp.  - Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện quan điểm đánh giá riêng.  - Khái quát được ý nghĩa của vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam đã chọn nghiên cứu.  - Thể hiện được thái độ trung thực khi kế thừa kết quả nghiên cứu của những người khác. |

**Hoạt động 2.2: Lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài** **viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách lựa chọn đề tài, lập đề cương cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đềvăn hóa truyền thống Việt Nam

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS cách lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương** **cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **\* Lựa chọn đề tài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Mỗi HS chọn cho mình một một tác phẩm văn học hay một tài liệu mà mình tâm đắc  - GV gợi ý cho HS bằng một số câu hỏi:  + Điều gì còn khiến em băn khoăn tìm lời đáp, từng gây cho em ít nhiều khó khăn khi em muốn đến với các loại hình sân khấu dân gian?  + Em đã từng trao đổi với bạn bè hoặc người khác về việc thích hoặc không thích các loại hình sân khấu dân gian?  **Lưu ý:** Đề tài càng có tính xác định cao thì việc triển khai bài viết càng thuận lợi, không nên đặt ra và giải quyết một vấn đề quá lớn hoặc nhiều vấn đề cùng một lúc. Chỉ nên chọn đề tài nào mà với nó, em có thể nêu được những cảm nhận, phát hiện mới hay cách đánh giá mới của mình, dù ít ỏi.  **\* Một số câu hỏi cho tác phẩm cụ thể để HS định hướng:**  + Em ấn tượng về nhân vật nào trong các tác phẩm chèo, tuồng đã học?  + Ngôn ngữ chèo, tuồng tác động tới em như thế nào?  + Em hiểu gì về tích trò trong chèo, tuồng và múa rối nước?  + Đạo cụ, vũ điệu của chèo, tuồng, múa rối nước có hấp dẫn em không?  + Ngôn ngữ trong chèo, tuồng, múa rối nước gây ấn tượng đặc biệt gì với em?  …  **\* Trong số những ý tưởng đã được phác thảo ở phần trên, hãy chọn một ý tưởng mà em tâm đắc nhất để làm đề tài cho bài viết của mình.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ, làm việc cá nhân  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số nhóm trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Thu thập thông tin**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi về cách thức thu thập thông tin và những yêu cầu khi xử lí thông tin thu thập được.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Các cặp đôi trao đổi, thảo luận  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Xây dựng đề cương**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu những HS lựa chọn cùng đề tài vào cùng một nhóm, các nhóm tập hợp tài liệu thu thập được thảo luận các câu hỏi sau:**  **Ví dụ 1: Đề cương cho đề tài Ngôn ngữ đối thoại trong chèo**  + Vấn đề được chọn nghiên cứu có ý nghĩa gì?  + Cần xác định hướng nghiên cứu như thế nào? Phương pháp tiếp cận nào cần được lựa chọn?  + Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung phân tích?  + Những cứ liệu minh hoạ nào có thể huy động ?  + Thái độ nên có trước các đối tượng được đề cập là gì?  **Ví dụ 2: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”: vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo**  + Việc nghiên cứu lời thoại của Xuý Vân trong lớp chèo có thể giúp ta hiểu được gì về đặc điểm của lời thoại trong chèo nói chung?  + Bài viết tham khảo trong SGK có thể gợi ý được điều gì cho việc nghiên cứu vấn đề này?  + Các khía cạnh nào cần được làm rõ khi nghiên cứu đặc điểm lời thoại của nhân vật?  + Có thể nghiên cứu lần lượt từ khía cạnh nội dung đến khía cạnh hình thức không?  + Khi nghiên cứu về khía cạnh nội dung, cần chú ý như thế nào về hoàn cảnh khách quan cũng như tâm tư sâu kín của nhân vật được tiết lộ qua lời thoại?  + Khi nghiên cứu về khía cạnh hình thức, cần chú ý những điều gì ở sự luân phiên các điệu hát hay việc vận dụng ca dao ở lời thoại?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Các cặp đôi trao đổi, thảo luận  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Lưu ý:** HS cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng một một sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển ý tưởng trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng, để làm sáng tỏ các ý.  **\* Dàn ý chung của bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS đọc hd dàn ý chung SGK tr. 147**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS đọc, trao đổi, thảo luận  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV hd HS cách lập dàn ý chung trước khi viết | **II. Chuẩn bị viết: Lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **1. Lựa chọn đề tài**  **Một số đề tài tham khảo:**  - Nghiên cứu về hình tượng Xuý Vân qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại” (Ví dụ: *Sắc thái nữ quyền trong nhân vật "Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở chèo cổ “Kim Nham”; Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”*)  - Nghiên cứu về hình tượng nhân vật tri huyện qua cảnh tuồng “Huyện đường” (Ví dụ: *Nghệ thuật thể hiện tính cách nhân vật trong cảnh tuồng “Huyện đường”*)  - Nội dung thường gặp trong các tích chèo, tuồng, múa rối nước;  - Một hình tượng nhân vật hay một lớp, màn nổi bật trong chèo, tuồng;  - Đạo cụ của chèo, tuồng, múa rối nước;  - Vũ điệu trong chèo, tuồng;  - Chiếc quạt trong chèo;  - Mặt nạ tuồng;  - Hình thức xưng danh của nhân vật,  - Cách bài trí sân khấu chèo, tuồng;  - Trống và các loại nhạc cụ khác của chèo, tuồng;  - Việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo;...  **2. Thu thập thông tin**  **\* Cách thức thu thập thông tin:**  Để có được những ý tưởng và luận điểm cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, cần:  + Tìm đọc/xem các tài liệu, sách, báo, các phương tiện thông tin và truyền thông.... có liên quan để nắm được những ý kiến bàn luận đã có.  + Cũng có thể gặp trực tiếp các nghệ nhân, diễn viên để học hỏi, tham khảo ý kiến.  **3. Xây dựng đề cương:**  **Ví dụ 1: Đề cương cho đề tài Ngôn ngữ đối thoại trong chèo**  **Hệ thống luận điểm:**  **-** Nêu vấn đề nghiên cứu: ngôn ngữ đối thoại luôn giữ vai trò quan trọng nhất.  -Xác định hướng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận:  + Nghiên cứu từ những thành tựu văn học cụ thể của chèo, rút ra những quy tắc riêng biệt của nó  + Xem xét văn học trong chèo cổ với ý nghĩa là ngôn ngữ sân khấu, lấy diễn xuất và lấy hiệu quả truyền cảm của chúng trong diễn xuất là tiêu chuẩn  **-** Những khía cạnh nào của vấn đề được tập trung phân tích:  + Ngôn ngữ đối thoại mang tính tư tưởng  + Ngôn ngữ đối thoại có nhịp điệu và âm luật  + Ngôn ngữ đối thoại là loại ngôn ngữ nâng cao:  + Ngôn ngữ đối thoại mang tính ước lệ  + Các dạng ngôn ngữ đối thoại  - Thái độ nên có trước đối tượng được đề cập: Thái độ yêu mến, trân trọng đối với giá trị văn hóa dân gian đồng thời thể hiện thái độ cầu thị trong quá trình nghiên cứu  **Ví dụ 2: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”: vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo**  **Hệ thống luận điểm:**  - Đặc điểm của lời thoại trong chèo nói chung qua việc nghiên cứu lời thoại của Xuý Vân trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”  - Định hướng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận được gợi ý từ bài viết tham khảo trong SGK  - Các khía cạnh cần được làm rõ khi nghiên cứu đặc điểm lời thoại của nhân vật:  + Khía cạnh nội dung (hoàn cảnh khách quan cũng như tâm tư sâu kín của nhân vật được tiết lộ qua lời thoại)  + Khía cạnh hình thức (Sự luân phiên các điệu hát hay việc vận dụng ca dao ở lời thoại,...)  **4. Dàn ý chung của bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **\* Đặt vấn đề:** nêu động cơ, niềm hứng thú, sự thôi thúc ở người viết khi quyết định chọn đề tài để nghiên cứu (bao hàm trong đó việc gọi tên vấn đề).  **\* Giải quyết vấn đề:** lần lượt đánh giá hay trình bày quan điểm về từng khía cạnh của vấn đề (đánh giá bao quát, phân tích từng mặt của đối tượng, tranh luận với các quan điểm đánh giá khác, nêu khuyến nghị,... ).  **\* Kết luận:** khái quát ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và kết quả nghiên cứu đạt được.  **\* Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,... |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu.

**b. Nội dung**: HS chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phương án** **phân công công việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tập hợptài liệu thu thập được | | |  |
| Phân nhóm các tài liệu tìm được | | |  |
| Lựa chọn phương án sắp xếp luận điểm | | |  |
| Lựa chọn dẫn chứng cho từng luận điểm | | |  |
| Viết từng phần | Đặt vấn đề | |  |
| Giải quyết vấn đề | Luận điểm 1 |  |
| Luận điểm 2 |  |
| Luận điểm n |  |
| Kết luận | |  |
| Tài liệu tham khảo | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS thực hành viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị**  - GV hướng dẫn HS lựa chọnđề tài nghiên cứu  - HS thảo luận cặp đôi trong bàn:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **HS lựa chọn cùng đề tài được phân về cùng nhóm hoạt động**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng kĩ thuật công não:  + Về nội dung, đề tài báo cáo nghiên cứu về vấn đề gì?  + Vấn đề đó gồm những khía cạnh nào?  + Em dự định sắp xếp những luận điểm đó như thế nào trong bài viết?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, **Thao tác 2: Hướng dẫn HS thu thập thông tin, lập đề cương chi tiết cho bài nghiên cứu của nhóm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + HS điền vào phương án phân công công việc theo mẫu.  + HS lập đề cương chi tiết theo yêu cầu 3 phần của dàn ý chung  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, định hướng. | **III. Thực hành**  **1. Bước 1: Chuẩn bị viết**  **Một số đề tài nghiên cứu:**  - Nghiên cứu về hình tượng Xuý Vân qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại”,  - Nghiên cứu về hình tượng nhân vật tri huyện qua cảnh tuồng “Huyện đường”.  - Nội dung thường gặp trong các tích chèo, tuồng, múa rối nước;  - Một hình tượng nhân vật hay một lớp, màn nổi bật trong chèo, tuồng;  - Đạo cụ của chèo, tuồng, múa rối nước;  - Vũ điệu trong chèo, tuồng;  - Chiếc quạt trong chèo;  - Mặt nạ tuồng;  - Hình thức xưng danh của nhân vật,  - Cách bài trí sân khâu chèo, tuồng;  - Trống và các loại nhạc cụ khác của chèo, tuồng;  - Việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo;...  **2. Bước 2: Thu thập thông tin, xây dựng đề cương cho đề tài nghiên cứu**  **Ví dụ 1: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”: vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo**  **Đề cương chi tiết:**  **\* Đặt vấn đề**       Chèo là nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống xuất hiện từ lâu đời và mang bản sắc dân tộc đậm đà nhất của dân tộc Việt Nam. Việc vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của loại hình nghệ thuật sân khấu chèo.  **\* Giải quyết vấn đề**  **- Định hướng, phương pháp nghiên cứu:**  + Nghiên cứu dựa trên định hướng từ những thành tựu riêng của chèo về ca dao, tục ngữ được sử dụng trong lời thoại của các nhân vật chèo.  + Phương pháp nghiên cứu là phương pháp phân tích – tổng hợp qua các kịch bản mà rút ra nhận định; phương pháp thống kê để khảo sát, liệt kê những câu ca dao, tục ngữ được sử dụng trong chèo, …  **- Triển khai luận điểm chính:**  + Chèo đã sử dụng một cách tài tình tục ngữ, thành ngữ vốn là những kinh nghiệm được đúc kết từ trong lao động sản xuất, trong đời sống xã hội, … để đưa trực tiếp vào lời thoại của nhân vật. Chèo truyền thống cũng đã cải biến, thêm lời và đổi ý khi đưa những câu tục ngữ trong dân gian vào lời thoại nhân vật.  + Chèo thường đưa một số câu tục ngữ có khía cạnh đạo đức hay một số tục ngữ mang tính khẳng định triết lý, tư tưởng nào đó, … Không chỉ sử dụng các câu tục ngữ thuần Việt, các tác giả chèo truyền thống còn đưa các câu tục ngữ Hán Việt vào lời thoại của nhân vật.  + Ngoài vận dụng tục ngữ thì chèo truyền thống cũng đưa những câu ca dao vào lời thoại nhân vật, có thể dùng nguyên văn hoặc sửa đổi một số từ của câu ca dao khi đưa vào lời thoại.  **\* Kết luận**  **\* Tài liệu tham khảo**  **Ví dụ 2: Sắc thái nữ quyền trong nhân vật Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở chèo cổ “Kim Nham”**  **Đề cương chi tiết:**  **\* Đặt vấn đề:**  Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu: Sắc thái nữ quyền trong nhân vật Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở chèo cổ “Kim Nham”  **\* Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thống qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng:  - Đôi nét về Đào nữ trong các vở chèo cổ  - Xúy Vân trong vở chèo “Kim Nham”  + Người phụ nữ của lễ giáo phong kiến, cam chịu và chấp nhận thân phận  + Người phụ nữ đời thường, có khao khát yêu đương và biết xót xa cho số phận  - Xúy Vân và sắc thái nữ quyền trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”  + Người phụ nữ nhận thức được những đau đớn, xót xa trong chính số phận mình: càng theo đuổi hạnh phúc, hạnh phúc càng rời xa  + Người phụ nữ nhận thức được rằng khi mình sống với chính tình yêu, chính khao khát của mình thì lại bị xã hội lên án, xa lánh  + Tuy vậy, người phụ nữ không từ bỏ khao khát được sống với tình cảm cá nhân mình: khao khát yêu và được yêu  - Một số nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  **\* Kết luận:** Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những vấn đề mới  **\* Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,... |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh.  GV nêu giới hạn về dung lượng cho các báo cáo nghiên cứu. HS có thể viết dài hơn so với những bài viết thông thường nhưng cũng không nên quá dài, vì dù sao, “nghiên cứu” ở đây  vẫn chỉ là tập nghiên cứu, tập làm quen với một số thao tác nghiên cứu khoa học  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS viết bài theo dàn ý đã lập.  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi một vài HS trình bày bài viết  - HS khác lắng nghe, tóm tắt lại, dựa vào yêu cầu để phân tích và góp ý  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn. | **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  **Chú ý:**  - Bám sát đề cương đã lập đề viết. Ngay từ đầu, cần thể hiện thái độ trân trọng đối với kho báu truyền thống mà ông cha để lại.  - Mỗi luận điểm cần được triển khai thành một đoạn văn, trong đó có câu chủ đề, những ý nhỏ, các cứ liệu phù hợp (tức là bằng chứng về đối tượng được đề cập hay nhận định của những người nghiên cứu đi trước). Các cứ liệu được trích dẫn, phân tích phải đảm bảo độ chính xác tối đa, có xuất xứ rõ ràng.  - Cần chọn hình thức diễn đạt khách quan, cô đọng; tránh dùng các thán từ và lối kể lể lan man, không xoáy vào các luận điểm then chốt.  - Để làm tăng tính thuyết phục của báo cáo nghiên cứu cần chọn đưa vào một số sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... phù hợp |
| **Thao tác 4: GV hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS đọc lại bài luận đã viết. * Kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với **Viết** bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề | **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc lại báo cáo nghiên cứu, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và đề cương đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện trên các mặt chủ yếu sau:  + Sự tường minh của lí do chọn đề tài.  + Sự nhất quán trong cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề.  + Sự khách quan, chặt chẽ trong lập luận.  + Sự tinh gọn và đầy đủ của các cứ liệu, bằng chứng.  + Sự minh bạch trong việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú xuất xứ của các ý kiến được trích dẫn.  + Sự tuân thủ các quy tắc ngữ pháp và những quy định về chính tả, cách trình bày văn bản.  - **HS sử dụng Phiếu chỉnh sửa bài viết** để tự hoàn thiện bài |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Các phần** | **Yêu cầu cụ thể** | **Đạt/Chưa đạt** | |
| Bố cục ba phần | **Đặt vấn đề** | Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây được sự chú ý và hấp dẫn đối với người đọc. |  |  |
| **Giải quyết vấn đề** | Các luận điểm chính đã được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. |  |  |
| Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp. |  |  |
| Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài. |  |  |
| **Kết luận** | Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử |  |  |
| **Tài liệu tham khảo** | - Đã đảm bảo được tính chính xác, khoa học, khách quan của văn bản chưa?  - Các trích dẫn đã ghi rõ được nguồn gốc, bao gồm thông tin về tác giả, năm công bố, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản chưa? |  |  |
| Các lỗi còn mắc |  | Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu. |  |  |
| Đánh giá chung |  | - Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào?  - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? |  |  |

**Dự kiến:**

**Bài tham khảo số 1: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ:**

SẮC THÁI NỮ QUYỀN TRONG NHÂN VẬT XUÝ VÂN Ở LỚP CHÈO “XUÝ VÂN GIẢ DẠI”, VỞ CHÈO CỔ “KIM NHAM”

Chèo từ lâu đã là một loại hình nghệ thuật dân gian đại diện cho tiếng nói của những người dân bình thường trong xã hội xưa, là tấm gương phản chiếu cuộc sống con người dưới chế độ phong kiến. Khác với Tuồng – bộ môn nghệ thuật mà các tích truyện chủ yếu xoay quanh các bậc nam tử hán – Chèo lại vô cùng ưu ái khắc họa những người phụ nữ thời xưa – tầng lớp chịu nhiều khổ đau trong xã hội. Điều này là do khi Tuồng tập trung vào những đề tài tầm quốc gia đại sự – nơi dường như chỉ dành cho đàn ông theo quan niệm xưa – thì Chèo lại miêu tả cuộc sống làng xóm, gia đình nơi những người phụ nữ luôn hiện hữu trong xã hội cũ. Chính vì vậy, những vở Chèo kinh điển thường xoay quanh cuộc sống vất vả, bất công của người phụ nữ dưới xiềng xích của xã hội, nổi bật như vở ‘Quan Âm Thị Kính’, ‘Trương Viên’, ‘Kim Nham’… Ở Chèo, các nhân vật nữ được chia ra làm 3 nhóm chính như dưới đây:



Về kịch bản cơ bản của vở “Kim Nham”, ta có thể khái quát như sau:

Kim Nham là một người học trò có quê tại Nam Định. Với mong muốn theo nghiệp đèn sách, anh đã lên Tràng An (Hà Nội) xin trọ học, và được Huyện Tể gả con gái của mình là Xuý Vân cho. Xuý Vân là một cô gái thơm thảo, thuỳ mị và đảm đang với một ước mơ tha thiết về một hạnh phúc gia đình giản đơn “chồng cày vợ cấy”. Thế nhưng ngay sau khi kết tóc xe tơ, Xuý Vân bị nhà chồng thờ ơ và Kim Nham thì quay lại Tràng An để tiếp tục  “dùi mài kinh sử” suốt mấy năm liền, để lại nàng trong sự cô đơn tột cùng. Tuy lúc đầu Xuý Vân nhất quyết không từ bỏ lòng chung thuỷ, chống lại những cám dỗ và quyết tâm chờ đợi Kim Nham suốt mấy năm ròng, chàng chưa đỗ đạt được làm quan và tiếp tục học hành không trở về nhà. Sống trong cảnh “chăn đơn gối lẻ” kéo dài như vậy, Xuý Vân cảm thấy ước nguyện cả đời của nàng về một mái ấm gia đình dần dần biến mất và tuổi thanh xuân như bị phí hoài. Vậy nên khi Trần Phương – một gã nhà giàu nổi tiếng phong tình ở Đông Ngàn – gặp nàng và trao cho nàng lời hứa về hạnh phúc mà cô đã ao ước bao lâu nay, Xuý Vân đã theo lời hắn giả dại để thoát khỏi Kim Nham. Xúy Vân giả điên, Kim Nham chạy chữa không được đành phải trả tự do cho nàng. Thế nhưng rồi Trần Phương bội hứa khiến Xuý Vân trở nên đau khổ và tủi nhục đến mức không dám trở về nhà. Từ chỗ giả điên thì giờ nàng đã trở nên điên thật. Kim Nham mãi sau một thời gian dài mới đỗ đạt, được bổ làm quan. Nhận ra vợ cũ điên dại phải đi ăn xin, Kim Nham đã bỏ nén bạc vào nắm cơm sai người đem cho. Thấy trong nắm cơm có bạc, Xuý Vân đã ngộ ra về số phận trớ trêu của cô mà từ đó xấu hổ nhảy xuống sông tự vẫn.

Trước khi phân tích nhân vật Xuý Vân, ta phải nói đến khái niệm ‘nữ quyền’. Bài viết này dùng khái niệm ‘văn học nữ quyền’, với tiêu chí như nhà phê bình Trần Thiện Khanh đã từng đưa ra và Xuý Vân là nhân vật nữ trung tâm:

*“Chỉ khi nào nữ giới xuất hiện như một chủ thể ngôn từ, chủ thể thẩm mỹ, chủ thể trải nghiệm, chủ thể sáng tạo ra những giá trị văn học thì khi đó mới có văn học nữ. Và chỉ khi nào phụ nữ sáng tác như một chủ thể – tác nhân chống lại sự tỏa chiết của nam quyền, sự đặt định, kiến tạo của nam giới về tính nữ; phủ nhận kiểu diễn ngôn giả tạo, gán ghép và thiên kiến “đàn bà là…”, công khai chống lại sự nhào nặn hình ảnh người nữ trong nền văn minh của đàn ông; đòi hỏi phải đặt đàn ông thành một vấn đề cần được nhận thức lại và diễn giải lại… thì khi đó mới có văn học nữ quyền…*

*Văn học nữ quyền là thứ văn học kháng cự lại tình trạng mất tiếng nói của nữ giới (trước nhiều vấn đề bị cấm kỵ, trong đó có vấn đề tình dục một cách mạnh mẽ và quyết liệt. Nó cho thấy địa vị của nam giới không vững chãi và không thể cứ phủ mãi một lớp huyền thoại về nam tính; tính nữ không phải là cái gì tất định, tiên thiên, bất biến. Nó khẳng định nữ giới là một cá nhân tự mình, cần sống cho mình, tự công nhận mình như đàn ông đang sống, đang làm; thậm chí sống độc lập, tự chủ về mọi mặt và không cần đàn ông, chứ không phải sống vì người khác, cho người khác, theo người khác, phục vụ người khác, không thể sống mãi trong tư cách “là người đàn bà thực sự” như đàn ông đã kiến tạo, ấn định, tuyên truyền hoặc đợi đàn ông thừa nhận/ hợp thức hóa”*

Trong vở Kim Nham, ta có thể dễ dàng thấy Xuý Vân ban đầu là một người phụ nữ xinh đẹp với những tính cách được cho là ‘chuẩn mực’ của Nho giáo: đây là tư tưởng vốn trọng nam khinh nữ “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, ủng hộ sự gia trưởng trong gia đình nhưng trói buộc phụ nữ vào những quy định “tam tòng, tứ đức”, cho rằng “phận đàn bà” phải nhẫn nhịn và cam chịu, phải hy sinh vì chồng con, phải giữ gìn bản thân trong mọi hoàn cảnh. Một tư tưởng nữa bao trùm thời bấy giờ chính là “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử” (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con). Những chuẩn mực ấy đôi khi đã trói buộc người phụ nữ vào thế bị động, phụ thuộc khi họ không có quyền làm chủ số phận của mình. Khi được cha gả cho Kim Nham, Xuý Vân đã đáp:

*“Con biết đâu thắm đậm phai chừng*

*Cha đặt đâu, con xin ngồi đấy”*

Như vậy, ta có thể thấy trong Xuý Vân những nhận thức xưa về thân phận của người phụ nữ về hôn nhân – nàng tuân thủ theo những quy định mà xã hội bấy giờ đặt ra. Tuy nhiên, nhân vật hề cả Sứt – nhóm nhân vật vốn đại diện cho tư tưởng của người dân thường trong xã hội – đã đáp trả lại: “Cha đặt đâu, con xin ngồi đấy! Đặt vào chỗ êm đẹp thì chớ, nhỡ ông ấy đặt mày vào đống chông, đống gai, mày cũng ngồi thì liệu có thủng ruột mày ra không”, mang đến thông điệp người phụ nữ không thể cứ ngoan ngoãn theo sự sắp đặt của cha mẹ trong hôn nhân để rồi phải chịu khổ đau, ngầm ủng hộ sự giải phóng phụ nữ khỏi những hủ tục phong kiến.

Nàng cũng nhận ra rằng trong xã hội ấy, ‘là phận nữ nhi’ là phải khuyên nhủ, phục vụ, và tần tảo sớm khuya để chồng lập công danh.

*“Thiếp xin về tần tảo sớm khuya*  
*Trực phòng không là phận nữ nhi*  
*Khuyên chàng sẽ gắng công đèn sách”*

Thề thuỷ chung với Kim Nham trước khi chàng đi, Xúy Vân trong suốt 3 năm vắng chồng vẫn giữ lời hứa của mình: nàng khẳng định “Thiếp tôi nay là gái có chồng” khi bị dụ dỗ, nhăn mặt trước lời khuyên “tái giá” (kết hôn lại) của Mụ Quán, và nhất quyết “không có bụng dạ nào tính đến chuyện chia ly”. Qua đó, ta thấy được một vẻ đẹp vô cùng sáng ngời, đáng trân trọng của người con gái kể cả trong bể u uất cuộc đời. Ngay khi phải giãi bày nỗi buồn tột đỉnh của mình, người vợ Xuý Vân vẫn cam chịu chờ chồng quay về chứ không nghĩ đến chia cắt:

*“Buồn thì khóc cho vơi nước mắt*

*Cắn răng chờ cho năm tháng trôi qua”*

Tuy vậy, Kim Nham vẫn miệt mài đèn sách mà không quay về một lần. Xuý Vân suốt nhiều năm chịu cảnh phòng không gối chiếc, một mình gánh vác việc gia đình khiến nàng ngày chịu đựng trong nỗi buồn tủi, thất vọng sâu thẳm. Nàng mong muốn muốn cuộc sống giản dị “chồng cày vợ cấy” còn Kim Nham lại đam mê công danh. Hậu quả của cuộc hôn nhân không hoàn toàn xuất phát từ tình yêu hay sự cùng lý tưởng này là nỗi khổ của Xuý Vân. Ở trong vở Chèo, ta còn thấy được 2 sự đối lập giữa nam nữ trong xã hội xưa: Kim Nham theo đuổi đam mê vinh danh đến nỗi bỏ bê, thờ ờ với việc vợ lẻ bóng thì được xem là bình thường vì đấy là lý tưởng “làm trai”; Xuý Vân không thể tự do theo đuổi đam mê, hạnh phúc mà phải chịu đựng nỗi khổ do người đàn ông gây ra  vì quan niệm “làm gái”.

Khi gặp Mụ Quán nhắc đến việc có người “Muốn kết chỉ giao cầu”, cuộc sống của Xuý Vân như loé lên một tia sáng khiến khát vọng được yêu, được hạnh phúc rất bình thường, rất bản năng của người phụ nữ – biểu hiện mạnh mẽ của tính nữ – trong nàng trỗi dậy. Những lời háo hức của Xuý Vân như “Thực như lời chị nói – Em xin theo chân, cất bước sang chơi” cho thấy khát vọng tình yêu có thể khiến nàng vượt qua bao nỗi mệt nhọc để có thể lạc quan trở lại. Khi lắng nghe Xuý Vân than cảnh cô đơn, ta dễ cảm thông được cho nổi khổ đã tạo nên khát vọng tìm kiếm một bến bờ hạnh phúc cố định của nàng:

*“Một mình thiếp chăn đơn gối lẻ*

*Sự nguyệt hoa, không than thở cùng ai*

*Thiếp bây giờ như hươu đã mắc chà*

*Vào thời dễ, ra thời thậm khó.”*

Nhiều người có thể lên án Xuý Vân không chung thuỷ mà lẳng lơ, trăng hoa. Tuy nhiên, có một vài điểm cần được chú ý:

– Nàng luôn chung thuỷ và quyết tâm không từ bỏ Kim Nham từ đầu dù có bao cám dỗ nhưng không nhận được sự quan tâm, đáp lại thích đáng của chồng. Thay vào đó, Kim Nham đặt sự nghiệp bản thân lên trên cả vợ mình (Dự án không lên án Kim Nham mà công nhận lý tưởng đỗ đạt làm quan mà người xưa theo đuổi, nhưng điều này vô tình là nguồn gốc cho bi kịch của Xúy Vân). Nàng có nhận thức về bản thân, về giới, về ‘tuổi thanh xuân’ của mình dường như đang bị phí hoài (điều này cũng thể hiện hơi thở nữ quyền và sẽ được nói rõ hơn sau).

– Những lời nói ngon ngọt của Trần Phương cho Xuý Vân cảm giác được tôn trọng, nâng niu, và quan tâm – đây là một nhu cầu chính đáng của mỗi con người bất kể giới. Trần Phương bộc lộ lời yêu với Xuý Vân (khiến nàng như thấy được tương lai của cuộc hôn nhân bắt nguồn từ tình yêu chứ không phải do gia đình sắp đặt nữa). Hơn thế, Trần Phương còn nói lời thề bên Xuý Vân trọn đời vào lúc nàng khổ đau, cô đơn nhất. Việc làm của nàng có phần nhẹ dạ nhưng là hành động của người phụ nữ nắm bắt cơ hội có cuộc sống hạnh phúc thích đáng với phẩm hạnh của mình. Lúc này, nàng không hề hay biết về con người thật của Trần Phương.

Đặc biệt, nỗi khổ và cô đơn của nàng được thể hiện rõ nhất trong tích trò “Xuý Vân giả dại” kinh điển. Ở đây, Xuý Vân không dại mà chỉ “giả” – nàng vẫn tỉnh táo giãi bày nhưng tâm sự của nàng u uất quá nên nghe như nửa tỉnh nửa mê, đầy ám ảnh, đầy tích tụ trở thành u uẩn ức. Bị những chuẩn mực đạo đức xã hội “cầm tù” trong khổ đau, những dồn nén của nàng được bộc lộ ra cùng với những hồi tưởng đứt nối, những hình ảnh rời rạc, tiếng hét thất thanh và tiếng cười như điên dại:

*“Than ôi !*

*Tôi thương nhân ngãi, tôi nhớ nhân tình,*

*Đêm năm canh tôi thức cả vừa năm.*

*Than rằng nhân ngãi, cựu tình tôi đâu.”*

*“Đau thiết thiệt van*

*Than cùng bà Nguyệt*

*Đánh cho lê liệt,*

*Chết mệt con đồng”*

*“Bắt đò sang sông*

*Bớ đò, bớ đò…!*

*Tôi kêu đò, đò nọ không thưa*

*Tôi càng chờ càng đợi, càng trưa chuyến đò”*

*“Con cá rô nằm vũng chân trâu*

*Để cho năm bảy cái cần câu châu vào”*

Những hình ảnh ẩn dụ đầy chất gợi xoáy sâu vào sự tuyệt vọng về cuộc hôn nhân thiếu vắng tình yêu, sẻ chia của người con gái đáng thương. Đặc biệt, hình ảnh “con cá rô” thể hiện rõ nét cảnh bế tắc, tù đọng nhưng vô ích còn “năm bảy cái cần câu” cho thấy những áp lực gia đình, xã hội, và những nhào nặn phong kiến về “phận con gái” càng thêm trói buộc nàng vào bể khổ cuộc đời. Nàng nhận thức được rằng xã hội sẽ lên án, cười chê:

*“Tôi chắp tay lạy bạn đừng cười,  
Lòng tôi không giăng gió nhưng gặp người gió giăng”*

Trích đoạn: Xuý Vân giả dại do nghệ sĩ Thuý Ngần biểu diễn (YouTube: Soạn Giả Mai Văn Lạng)

Tuy vậy, người con gái ấy vẫn quyết tâm theo đuổi Trần Phương với hy vọng cuối cùng cũng có được tình yêu. Xuý Vân không cam chịu như Thị Kính hay Trinh Nguyên mà đang tự giải phóng bản thân mình khỏi sự u uất do người đàn ông gây ra, đang đứng lên với tư cách là người phụ nữ với mưu cầu hạnh phúc lứa đôi chính đáng, đang cố gắng phá tung bức tường chuẩn mực của lễ giáo phong kiến do sự ‘ngự trị’ của nam quyền tạo nên. Việc được tự quyết định cuộc đời của mình này dường như được cho là đặc quyền của đàn ông trong xã hội xưa, vậy mà Xúy Vân lại dám mạnh mẽ làm như vậy. Tuy có âm hưởng nữ quyền và giải phóng như thế, việc Xuý Vân phải giả dại thay vì đường đường chính chính nắm lấy tình yêu cho thấy một xã hội vẫn còn nhiều định kiến với người phụ nữ. Qua đó, chúng ta thấy được rằng bất bình đẳng giới đã ăn sâu vào xã hội và không dễ dàng gì xoá bỏ. Cái chết xót xa, đầy thương cảm bắt nguồn từ hôn nhân cô đơn, u uất của nàng càng nhấn mạnh điều trên và làm cho người đọc xót xa hơn về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến: họ sống vì bản thân, họ đi theo những tiếng gọi của những quyền và nhu cầu chính đáng của con người chỉ để tìm thấy bước đường cùng của cuộc đời.

Sắc thái văn học nữ quyền ở đây còn được phần nào thể hiện qua việc trao cho Xuý Vân giọng nói và suy nghĩ để có thể giãi bày cuộc sống của mình. Không giống nhiều tác phẩm xưa khi phụ nữ chỉ hiện hữu làm nền cho những câu chuyện của người đàn ông, Xuý Vân có được không gian riêng để nói lên tiếng lòng không chỉ của riêng nàng mà của bao nhiêu thân phận phụ nữ khác trong chế độ phong kiến – người phụ nữ được hiện lên vô cùng sống động như một con người, cũng có ý thức, đam mê, hoài bão như đàn ông. Ở đây, Xuý Vân hiện lên là một người con gái có ý thức về danh tính của mình là người phụ nữ, có nhận thức giới về vẻ đẹp tâm hồn và hạnh phúc xứng đáng của phụ nữ nhưng cũng đồng thời nhận ra rõ về những định kiến, trói buộc của xã hội – điều mà nhiều người phụ nữ xưa chỉ bị cuốn trôi theo, tuân theo mà không nhận ra được. Nàng không cam chịu, nuốt đắng cay mà công khai giãi bày nổi khổ và phá bỏ lễ giáo phong kiến để kiếm tìm hạnh phúc.

**Nguồn tham khảo:**

1. Hiền Nguyễn (2014) – Văn học nữ quyền ở Việt Nam – Tổ quốc – Báo điện tử của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch  
2. Lê Thị Nhung (2016) – Sắc thái nữ quyền trong nhân vật nữ lệch của Chèo cổ (Luận văn Thạc sĩ)

3. Sân khấu chèo: Kim Nham full – Nhà hát Chèo Ninh Bình (Video đăng tải trên kênh YouTube Sở Văn Hóa Và Thể Thao Ninh Bình)

4. Xuý Vân giả dại – Sách giáo khoa Ngữ Văn 10, Tập một –Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

**Bài tham khảo số 2: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ:**

**VAI TRÒ CỦA SÁO TRÚC TRONG NGHỆ THUẬT CHÈO**

*Ăn no rồi lại nằm khoèo*

*Nghe giục trống Chèo bế bụng đi xem*

*Chẳng thèm ăn chả, ăn nem*

*Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát Chèo.*

Nghệ thuật Chèo là một loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu và phát triển mạnh ở các vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Nghệ thuật Chèo được bắt nguồn từ cuộc sống lao động, sinh hoạt của nhân dân ta từ hàng ngàn năm nay và nó đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân qua nhiều thế hệ. Chèo chứa đựng trong nó hàm lượng trí tuệ sáng tạo nghệ thuật mẫu mực, được nhiều lớp người dân sáng tạo nên.

**  
*Ảnh minh họa. Nguồn: Internet*

Bốn câu ca dao trên đã thể hiện được phần nào niềm đam mê Chèo của người dân Việt Nam. Chèo là nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong đời sống của họ từ bao đời nay. Mỗi dịp tết đến xuân về hay những dịp lễ hội được tổ chức tại làng xã, hễ nghe thấy tiếng trống Chèo là bà con lại nô nức kéo nhau ra sân đình, sân chùa để xem. Tự thân Chèo sau một quá trình phát triển khá dài đã trở thành bộ môn nghệ thuật độc đáo của Việt Nam. Sự độc đáo không chỉ ở trò diễn, tích diễn mà nó còn độc đáo trong từng ý tứ của làn hát nên hàng trăm năm qua người ta thường rủ nhau đi xem hát Chèo, nghe hát Chèo rồi mới xem diễn Chèo.

Chèo được người dân yêu thích vì lối diễn gần gũi, giản dị, tích trò được lấy từ những câu chuyện có thật trong cuộc sống, bằng thủ pháp ứng diễn tạo ra được một hình tượng nhân vật sơ lược nào đó được người xem chấp nhận. Đặc điểm nổi bật nhất của thủ pháp ứng diễn là diễn đến đâu thì vận lời nói, lời hát, điệu múa và cách diễn đến đấy làm cho người xem luôn thấy được sự mới mẻ, phong phú, hấp dẫn trong từng màn, từng cảnh. Mục đích của ứng diễn là làm trò nhại để mua vui. Nhại người xung quanh, người trong làng xã, cũng có khi nhại cả thần tiên… mang đến cho người xem những tiếng cười sảng khoái sau một ngày lao động vất vả, cảm nhận chân thật, gần gũi như chính cuộc sống của họ đang được tái hiện trong vở Chèo vậy. Trải qua nhiều năm với nhiều biến cố thăng trầm, đến nay nghệ thuật Chèo vẫn tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của nhiều loại hình nghệ thuật khác. Không chỉ giới hạn ở các vở Chèo cổ, tích cũ, ngày nay đã có rất nhiều vở Chèo mới được các nhạc sĩ viết để phù hợp với thời đại. Một số tác phẩm thay lời mới trên làn điệu cũ.

Các phương tiện truyền thông cũng đã góp công lớn trong việc đưa Chèo đến gần hơn với khán giả, nhất là khán giả trẻ qua cách trình bày mới mẻ, hiện đại. Chèo đã và đang có mặt trong nhiều lễ hội lớn nhỏ diễn ra trên toàn quốc cũng như quốc tế. Một số lễ hội như Festival Huế do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức tại Huế, chuỗi Road show do Tổng cục Du Lịch Việt Nam tổ chức tại nhiều quốc gia khác nhau là những lễ hội lớn mà trong đó có sự tham gia của âm nhạc dân gian nói chung, Chèo nói riêng.

Như vậy, Chèo giờ đây không chỉ diễn ở sân đình hay trong các nhà hát mà với sự “tự làm mới” mình, Chèo đã có thể bước lên những sân khấu lớn mang tầm quốc gia và quốc tế, tạo được sức lan tỏa rộng hơn tới khán giả giúp cho việc bảo tồn và phát huy nền nghệ thuật quý giá này của dân tộc được hiệu quả hơn trong đó luôn có sự góp mặt của Sáo trúc.

Trong cuốn “*Đến với nhạc Chèo*”, tác giả Đôn Truyền đã viết: “*Việc diễn kể chuyện kịch mang ý nghĩa cứu cánh, còn âm nhạc mang tính phương tiện phục vụ sự diễn đạt của diễn viên khi kể”* [37; tr. 33]. Hay trong cuốn “*Âm nhạc sân khấu Chèo nửa cuối thế kỷ XX*”, tác giả Nguyễn Thị Thanh Phương đã viết: “*Trong dàn nhạc Chèo, tiêu thường đệm cho những nét ngâm thơ, đặc biệt hợp với giọng điệu lãng đãng, hoài cổ…Mầu âm của Sáo trong sáng, dân dã…Nếu để dọn giọng cho diễn viên bắt vào hát thì không gì chuẩn mực hơn*”

Âm nhạc là một thành tố hết sức quan trọng, là phần hồn không thể thiếu của nghệ thuật Chèo, nó có khả năng khắc họa hình tượng nhân vật thêm rõ nét. Trong dàn nhạc Chèo, bộ gõ chiếm vị trí quan trọng nhất. Dân gian có câu “*vụng Chèo khéo trống*”… câu nói này ngụ ý dù diễn viên Chèo diễn có vụng, có sơ xuất chỉ cần người chơi trống chắc nhịp, điều tiết nhịp độ vở diễn chuyển màn, chuyển cảnh hợp lý thì vẫn coi như vở Chèo thành công. Bộ gõ quan trọng là thế, tuy nhiên nó lại khó có thể tạo được hiệu quả trong việc thể hiện tính trữ tình của nhân vật. Do vậy, Sáo trúc cùng với một số nhạc cụ khác đã gánh trách nhiệm truyền tải thông điệp nội tâm sâu lắng và phong phú này. Với âm sắc gần giống với tiếng người, Sáo trúc thường giữ vị trí bè giai điệu, khi thì gợi hơi, khi thì điểm xuyết, lúc lại dẫn dắt len lỏi cùng giọng hát của diễn viên bằng thủ pháp bè tòng làm tăng thêm phần hấp dẫn, truyền cảm giữa người diễn và người thưởng thức.

Từ dàn nhạc Chèo thuở sơ khai chỉ với vài ba nhạc cụ Trống, Sáo, Nhị đến nay, dàn nhạc đã phát triển đông hơn rất nhiều với các cây như Tam thập lục, Thập lục, Bầu, Sáo, Nhị, Nguyệt, Tam con, Trống… dù dàn nhạc nhỏ hay lớn thì đều có sự góp mặt của Sáo trúc. Với âm sắc đa dạng, phong phú Sáo trúc có thể thể hiện rất tốt các cung bậc cảm xúc trong Chèo.

Nói đến Sáo trúc, người ta thường liên tưởng đến cảnh làng quê yên bình với những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay. Bức tranh em bé chăn trâu thổi Sáo với cây đa, bến nước, sân đình đã lột tả được những nét đặc trưng của nông thôn Việt Nam nói chung và nông thôn Miền Bắc Việt Nam nói riêng.

Cây Sáo trúc có từ bao giờ? Ai là người chế tạo ra nó là một câu hỏi cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp. Chỉ biết rằng, theo truyền thuyết từ thời xưa, xưa lắm rồi, trong vườn của anh nông dân nghèo nọ có trồng một khóm trúc. Một đêm mùa hè, anh nông dân nghe thấy những âm thanh vi vu, réo rắt phát ra từ bụi trúc sau nhà, lúc thì cao vút, lúc lại trầm trầm dìu dặt. Ngỡ có nàng tiên nào giáng trần đang hát trong vườn nhà mình, anh nông dân tò mò vạch từng khóm trúc để tìm. Tiên đâu không thấy mà chỉ thấy những âm thanh kỳ diệu đó được phát ra từ một ống trúc khô đã bị mối xông một lỗ tròn. Mỗi khi có gió thổi mạnh thì từ các lỗ tròn nhỏ đó phát ra âm thanh cao vút, khi gió nhẹ thì chính từ những lỗ thủng đó lại tạo ra những âm thanh trầm trầm, dìu dặt. Thấy hay, anh nông dân bèn chặt ngay đoạn trúc đó đem về và tập thổi hơi của mình vào đó. Anh liền khoét thêm từng lỗ cho các ngón tay để mở ra, đóng vào tạo ra nhiều âm thanh khác nhau. Cây sáo trúc ra đời từ đó. (trích: *Giới thiệu cây sáo trúc*của NSƯT Ngọc Phan; tài liệu nội bộ, Đài tiếng nói Việt Nam 1995) [28; tr. 2].

Trong cuốn “*Lịch sử âm nhạc dân gian cổ truyền”*của Nguyễn Viêm cũng có thông tin về nguồn gốc của cây Sáo: “Trong các di vật khảo cổ khai quật được thuộc thời kỳ Hùng Vương, ta cũng đã nhìn thấy được hình bóng của những nhạc cụ hơi làm bằng tre nứa như: khèn, sáo.” [39; tr. 74]… “Người ta đã thấy ống tiêu khắc trên bệ đá chân cột ở chùa Phật tích trong dàn nhạc tám cây. Tiêu đã tham gia *Đường thượng chi nhạc* và nhóm *Nhạc huyền* ở các triều hậu Lê và Nguyễn”. [39; tr. 75].

Trong cuốn “*Âm nhạc cung đình Việt Nam*”, GS-TS Tô Ngọc Thanh cũng ghi lại thông tin về thời kỳ văn hóa Đông Sơn cách đây khoảng bốn nghìn năm: “Trên mặt các trống đồng loại I có các hình khắc chìm. Ở đây ta tìm thấy các hình người hóa trang bằng lông chim dài đang thổi khèn, chơi sênh...” [34; tr. 22]. Từ những thông tin trên có thể thấy các nhạc cụ thuộc họ hơi đã xuất hiện ở Việt Nam từ rất sớm, trước cả thời kỳ Bắc thuộc.

Mặc dù chưa khẳng định được chính xác Sáo trúc ra đời khi nào và ở đâu nhưng chúng ta chắc một điều rằng Sáo trúc là một nhạc cụ đa năng trong kho tàng nhạc khí cổ truyền Việt Nam. Với khả năng diễn tấu phong phú, giàu sức biểu cảm, Sáo trúc xuất hiện trong rất nhiều thể loại âm nhạc từ sáng tác mới cho đến âm nhạc cổ truyền. Trong ba thể loại nhạc cổ Chèo, Huế, Cải lương thì Sáo trúc hợp với Chèo hơn cả. Bởi tính năng đặc biệt, độc đáo có thể đảm nhiệm được nhiều vị trí trong dàn nhạc nên sự thể hiện từng hoàn cảnh sân khấu Chèo của Sáo trúc đã mang lại hiệu quả đặc sắc và ấn tượng, khẳng định được vị trí quan trọng của nó trong dàn nhạc Chèo.

**1. Sáo trúc và nghệ thuật hòa tấu trong dàn nhạc Chèo**

Trong dàn nhạc Chèo xưa, các nhạc công thường dùng Sáo ngang 6 lỗ và Tiêu là phương tiện biểu diễn chủ yếu. Việc sử dụng Sáo 6 lỗ để xử lý đúng sắc thái về hơi Chèo, ngón Chèo là hết sức quan trọng. Ngày nay, tuy đã có Sáo 10 lỗ rất thuận tiện cho việc diễn tấu nhưng hầu hết các nhạc công Chèo vẫn sử dụng cây Sáo ngang 6 lỗ và Tiêu để trình diễn các làn điệu Chèo.

Khi thể hiện một làn điệu Chèo theo phương thức hòa tấu, không có phần diễn xướng của diễn viên thì vai trò của Sáo trúc lúc này được thể hiện linh hoạt hơn. Có lúc giữ vị trí giai điệu nhưng cũng có lúc giữ vai trò là cây đệm cho giai điệu. Với lợi thế đa dạng về màu sắc (tiêu, sáo trầm, trung, cao) Sáo có thể hòa tấu với nhiều nhạc cụ khác nhau như Tranh, Bầu, Nhị, Gõ, Tam thập lục…một cách dễ dàng, điều này khiến cho Sáo trúc là một nhạc cụ không thể thiếu trong dàn nhạc Chèo truyền thống.

Khi hòa tấu tốp nhạc nhỏ chỉ với 3 cây nhạc cụ ví dụ như Sáo, Nhị, Trống ngoài những câu Sáo chơi giai điệu thì nó còn đảm thật tốt bè tòng. Tiếng Sáo tòng bám sát giai điệu sẽ tạo cho bè giai điệu thêm dày, thêm chắc.

Khi hòa tấu tốp nhạc với nhiều nhạc cụ hơn ví dụ như 5 cây Trống, Nguyệt, Tranh, Bầu, Sáo. Lúc này đàn Bầu và Sáo trúc là hai cây nhạc cụ thay phiên nhau đi bè giai điệu, Tranh và Nguyệt chuyên việc tòng theo, kê theo. Ngoài việc tòng bám sát giai điệu cùng với Tranh và Nguyệt, Sáo còn có thể ngẫu hứng một số nét giai điệu mới, đan xen hoặc đối đáp với bè giai điệu, vừa tôn lên vẻ đẹp của bè giai điệu, vừa tạo cảm giác đỡ nhàm chán, một màu của bài nhạc.

Khi hòa tấu với một dàn nhạc lớn, có thể là 10 nhạc cụ hoặc hơn, bè giai điệu gồm Nhị, Sáo, Bầu… bè đệm gồm Tranh, Nguyệt, Tam thập lục, Tam con, Trống… Lúc này ngoài việc cùng với Nhị, Bầu thay nhau dẫn giai điệu, Sáo có thể thoải mái ứng tác, thoải mái trổ ngón ngẫu hứng chứ không bị gò bó như khi hòa tấu cùng tốp nhạc 3 cây hoặc 5 cây. Lúc nương theo bè tòng, lúc đối đáp với bè giai điệu hoặc Sáo cũng có thể nghỉ hẳn một câu nhạc để tạo cảm giác lắng đọng rồi vào câu nhạc sau hoặc trổ sau.

**2. Độc tấu Sáo trúc trên lòng bản**

Với các kỹ thuật phong phú của mình, Sáo trúc hoàn toàn có thể chơi tốt các làn điệu Chèo một cách *độc lập* và hiệu quả. Nó có khả năng diễn tả được đầy đủ các tính chất, hình tượng trong Chèo mà không làm mất đi chất Chèo vốn có. Sự khéo léo của người nhạc công ở đây là khi tấu lên một làn điệu Chèo với rất nhiều nốt và kỹ thuật được thêm vào giúp cho làn điệu Chèo sinh động hơn nhưng vẫn không làm nhòe giai điệu gốc.

Hiện nay, tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp như Học viên Âm nhạc quốc gia Việt Nam, Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội… đều có chương trình đào tạo Sáo trúc với làn điệu Chèo cổ truyền, các đợt kiểm tra đánh giá cuối kỳ đều là thi độc tấu trên lòng bản, điều này cho thấy tầm quan trọng của Sáo trúc đối với nghệ thuật Chèo là không nhỏ.

**3. Sáo trúc đệm tòng cho hát**

Trong sân khấu ca kịch truyền thống nói chung cũng như sân khấu Chèo nói riêng, ngoài việc tấu nhạc nền cho diễn xuất, lúc chuyển màn, chuyển cảnh thì công việc chính của dàn nhạc là *đệm tòng* cho diễn viên hát.

Sáo trúc lúc này nắm vị trí rất quan trọng. Sáo luôn theo sát và đồng điệu với giai điệu của làn hát, làm cho làn hát được dày hơn hoặc Sáo cũng có thể vút lên những nét nhạc tương đồng với giai điệu để tôn được vẻ đẹp riêng của làn hát.

Sáo trúc thường đảm nhận việc *gợi hơi* để người hát bắt vào chuẩn giọng, tiếp đó là *tòng theo* hát, hát thế nào tòng thế ấy, lúc thì đối đáp, lúc thì nương theo. Tình huống nào, hoàn cảnh nào hợp với âm sắc của Sáo gì thì ta sử dụng Sáo ấy. Đây là một lợi thế lớn của bộ hơi.

Trong trường hợp người hát đoản hơi thì Sáo trúc chính là nhạc cụ có thể ngân nga giúp cho người hát lẩn hơi, hoặc khi người hát sai hơi thì Sáo trúc cũng là nhạc cụ tấu chuẩn cao độ để kéo diễn viên trở lại đúng giọng. Do Sáo được chế tạo đúng với âm chuẩn của thanh mẫu nên nó có lợi thế hơn hẳn so với Nhị và Bầu về mặt giữ cao độ. Sáo luôn là nhạc cụ lấy âm chuẩn cho cả dàn nhạc Chèo.

Có thể nói, vai trò của Sáo trúc trong nghệ thuật Chèo là vô cùng quan trọng. Đệm tòng cho hát Chèo hay hòa tấu trong dàn nhạc Chèo hoặc độc tấu Chèo trên lòng bản, dù ở vị trí nào Sáo trúc cũng luôn khẳng định được tầm quan trọng của mình.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngọc Phan (1995), *Giới thiệu cây Sáo trúc*, Đài tiếng nói Việt Nam, Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Thanh Phương (2004), *Âm nhạc Chèo Nửa cuối thế kỉ XX*, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh, Hà Nội.

3. Tô Ngọc Thanh (1999), *Âm nhạc cung đình Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Viện Âm nhạc, Hà Nội.

4. Đôn Truyền (2001), *Đến với nhạc Chèo*, Viện sân khấu, Hà Nội.

5. Nguyễn Viêm (1996), *Lịch sử Âm nhạc dân gian cổ truyền*, Nxb Viện nghiên cứu Âm nhạc, Hà Nội.

6. Triệu Tiến Vượng (2007), *Phong cách âm nhạc truyền thống trong giảng dạy Sáo trúc tại Nhạc viện Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ nghệ thuật học, Nhạc viện Hà Nội

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** HS tóm tắt lại bài viết

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS tóm tắt lại bài viết (khoảng 120 chữ), từ đó tự rút ra kinh nghiệm về việc viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ được yêu cầu

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời của mình.
* GV quan sát, động viên.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

* Hoàn thiện lại bài viết theo phiếu chỉnh sửa.

- Sưu tầm một số bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam

để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.

**- Chuẩn bị bài Nói và Nghe:** Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**VIẾT**

|  |
| --- |
| **Tiết …**  **VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU**  **(Về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam)** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Viết**

***Quy trình viết***

- Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

***Thực hành viết***

– HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.

- Viết được một bài báo cáo với đầy đủ các bước:

+ Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo.

+ Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực.

+ Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.

+ Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

**2. Phẩm chất**

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.

- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.

- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.

- Trân trọng những sản phẩm nghiên cứu khoa học, biết tiếp thu và vận dụng, đóng góp những sản phẩm, công trình có ích cho cộng đồng, xã hội,...

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem clip trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**GV hướng dẫn HS xem hậu trường một cảnh cổ trang:**

<https://www.youtube.com/watch?v=JYACZGR2yGc&t=185s> (Từ 03:03 – 03:30)

**Từ đó trả lời nhanh các câu hỏi:**

**Phiếu trả lời nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Clip trên diễn tả điều gì? |  |
| 1. Cảnh trong Clip có thật không? Tại sao? |  |
| 1. Nhận xét của em về đạo cụ, trang phục trong sân khấu cổ? |  |
| 1. Em có tò mò, có muốn tìm hiểu về nghệ thuật cổ truyền không? |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chia sẻ những điều thu nhận được sau khi xem video

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* Một số HS trình bày ý kiến cá nhân
* Các HS khác quan sát, thảo luận, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Dự kiến:**

1. Clip là hậu trường diễn tả cảnh bắn tên và đỡ tên trong sân khấu cổ trang

2. Cảnh trong Clip không thật, chỉ là đóng giả vì đó là những cảnh từ thời xa xưa mà trong thời hiện đại hiếm khi xuất hiện

3. Đạo cụ, trang phục trong clip được thiết kế theo kiểu phục cổ phù hợp với thời quá khứ xa xôi

4. HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân

**GV từ câu trả lời của HS nhận xét và dẫn vào nội dung bài học.**

🡺 **GV dẫn vào bài:** Nhiều thế kỷ đã trôi qua, những loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đã đồng hành cùng dân tộc, dù rất khiêm tốn, nhưng bằng tất cả ý thức về sứ mệnh của nghệ thuật trong tiến trình phát triển lịch sử, phát triển văn hóa dân tộc, những loại hình nghệ thuật này đã cống hiến không chỉ bằng tài năng lao động sáng tạo nghệ thuật mà còn có cả máu xương và nước mắt của biết bao nhiêu thế hệ nghệ sĩ. Họ đã nối tiếp nhau sáng tạo hàng trăm vở diễn chứa đựng nội dung tư tưởng sâu sắc và giá trị thẩm mỹ nghệ thuật cao, góp phần không nhỏ vào việc bồi dưỡng thế giới tâm hồn và nhân cách cho những con người cách mạng, cũng như quần chúng lao động bình thường. Để rồi từ đó, ta cảm nhận được tầm cao của lý tưởng, vẻ đẹp của nghệ thuật, hồn sắc của đất nước quê hương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước cũng như trong cuộc sống hòa bình xây dựng Tổ quốc Việt Nam.

Đó chính là lí do thôi thúc chúng ta muốn đi tìm tòi, nghiên cứu và khám phá những điều sâu xa ẩn sau ánh đèn sân khấu cổ truyền

**GV đặt vấn đề bằng một số câu hỏi:**

*- Cái gọi là “ý nghĩa của vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam được chọn nghiên cứu” nên được hiểu như thế nào?*

*- Đâu là điểm chung giữa một bài văn nghị luận thông thường và một bài báo cáo nghiên cứu?*

*- Điểm riêng cần được nhấn mạnh ở bài báo cáo nghiên cứu là gì?*

*- “Ngôn ngữ khách quan, khoa học” có những đặc điểm nào cần đặc biệt chú ý?*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**

**a. Mục tiêu**:

- HS củng cố được những hiểu biết về một báo cáo nghiên cứu với những yêu cầu đặc thù về nội dung và hình thức (đã học ở bài 4).

- HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Phân tích ví dụ SGK**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc bài viết SGK – trang 140 -145  - GV cho HS đọc bài viết tham khảo, chú ý đến những thẻ chỉ dẫn bên phải của văn bản.  - GV đặt các câu hỏi để giúp HS nhận diện cấu trúc và cách trình bày các thông tin trong bài viết:  1. Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho biết điều gì về nội dung và phạm vi nghiên cứu? (GV nhắc các em ý thức được tầm quan trọng của việc đặt nhan đề cho báo cáo nghiên cứu)  2. Báo cáo nghiên cứu có những luận điểm chính nào? (GV giúp HS thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống luận điểm)  3. Tác giả đã sử dụng cứ liệu như thế nào để làm sáng tỏ các luận điểm? (GV lưu ý HS mọi luận điểm nêu lên đều cần phải được chứng minh bằng những cứ liệu cụ thể)  4. Phần cuối của báo cáo nghiên cứu đã nêu những thông tin gì? (GV nhấn mạnh: HS cần hiểu rõ tầm quan trọng của việc sử dụng tài liệu tham khảo trong hoạt động nghiên cứu cũng như sự cần thiết của việc lập danh mục Tài liệu tham khảo đặt cuối báo cáo nghiên cứu)  - HS sơ đồ hóa ý triển khai của bài  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức  **Thao tác 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Để viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đềvăn hóa truyền thống Việt Nam, các em cần thực hiện các yêu cầu gì?  - HS có thể so sánh yêu cầu cần đạt của kiểu bài báo cáo nghiên cứu với kiểu bài nghị luận đã học ở các bài trước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo bàn (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Tìm hiểu chung bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo SGK:**  **\* Nhan đề của báo cáo nghiên cứu:**  Nhan đề của báo cáo nghiên cứu cho thấy nội dung và phạm vi nghiên cứu là về loại hình sân khấu chèo và ngôn ngữ đối thoại của chèo.  **\* Những luận điểm chính của bản báo cáo:**  - Ngôn ngữ sân khấu chèo ở đoạn này có thể là những câu thơ chữ Hán đầy điển cố, khó hiểu, đến đoạn khác lại gần như là một câu ca dao nuột nà, phơi phới tình người.  - Một câu đối thoại hay là một câu nói vừa giải thích được những đặc điểm riêng của nhân vật đồng thời lại là sự thể hiện của nhân vật đó.  - Ngôn ngữ trong vở chèo mang tính tư tưởng, là sức sống bên trong của nhân vật, đồng thời là chiếc xe chở tư tưởng của tác giả.  - Trong khi viết ngôn ngữ cho nhân vật, các tác giả xưa rất chú ý đến nhịp điệu và âm luật câu văn.  - Ở một số vở chèo xưa, có những nhân vật không hề có tiếng nói của bản thân họ mà nói bằng một loại ngôn ngữ nâng cao.  - Một đặc điểm nữa trong ngôn ngữ đối thoại trong chèo là tính ước lệ.  - Về mặt hình thái văn học, ngôn ngữ trong chèo được trình bày dưới ba dạng: nói thường, nói có tuyền luật và hát.  **\* Những cứ liệu sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm:**    Tác giả đã sử dụng những cứ liệu là những thông tin, nghiên cứu đã có trước đấy về chèo; ngôn ngữ trong các kịch bản chèo phổ biến và thông tin chọn lọc từ một số cuốn sách viết về chèo,…  **\* Thông tin trong phần cuối của báo cáo nghiên cứu:**  - Tổng kết lại những thông tin thu thập được khi nghiên cứu ngôn ngữ trong chèo,  - Nhắc đến những vấn đề nghiên cứu chèo chưa được giải quyết,  - Cuối cùng là thông tin về những tài liệu tham khảo dùng trong nghiên cứu.  Phần cuối không có danh mục tài liệu tham khảo, từ đó cho thấy người viết báo cáo này có kiến thức rất tốt về chèo và chủ động, tích cực, không dựa dẫm vào các nguồn tài liệu có sẵn.  **Sơ đồ triển khai ý của bài tham khảo:**   |  | | --- | | **Ngôn ngữ đối thoại trong chèo** |  |  | | --- | | **Đặt vấn đề:**  Nêu vấn đề nghiên cứu: vai trò quan trọngcủa ngôn ngữ đối thoại trong chèo |  |  | | --- | | **Giải quyết vân đề** |      |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Định hướng, phương pháp và kết quả nghiên cứu | Phân tích sâu và triển khai thêm luận điểm | | | | | | * Nêu định hướng nghiên cứu: nghiên cứu từ những thành tựu văn học cụ thể của chèo, rút ra những quy tắc riêng biệt của nó * Trình bày việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu: xem xét văn học trong chèo cổ với ý nghĩa là ngôn ngữ sân khấu, lấy diễn xuất và lấy hiệu quả truyền cảm của chúng trong diễn xuất là tiêu chuẩn * Trình bày kết quả nghiên cứu * Nêu luận điểm – kết quả nghiên cứu * Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm | Luận điểm 1: Ngôn ngữ đối thoại mang tính tư tưởng:  + Nêu luận điểm -kết quả nghiên cứu  + Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm | Luận điểm 2: Ngôn ngữ đối thoại có nhịp điệu và âm luật:  + Nêu luận điểm -kết quả nghiên cứu  + Dẫn cứ liệu để khẳng định luận điểm | Luận điểm 3: Ngôn ngữ đối thoại là loại ngôn ngữ nâng cao:  + Nêu luận điểm-kết quả nghiên cứu | Luận điểm 4: Ngôn ngữ đối thoại mang tính ước lệ:  + Nêu luận điểm-kết quả nghiên cứu | Luận điểm 5: Các dạng ngôn ngữ đối thoại:  + Nêu luận điểm-kết quả nghiên cứu |  |  | | --- | | **Kết luận, nêu ý nghĩa**  **của vấn đề nghiên cứu** |  |  | | --- | | **Tài liệu tham khảo** |   **2. Yêu cầu đối với bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề** **văn hóa truyền thống Việt Nam**  - Nêu được vấn đề muốn nghiên cứu về văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.  - Biết sử dụng những phương pháp nghiên cứu phù hợp.  - Xây dựng được hệ thống luận điểm sáng rõ; làm nổi bật được các kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh hoạ cụ thể, sát hợp.  - Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện quan điểm đánh giá riêng.  - Khái quát được ý nghĩa của vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam đã chọn nghiên cứu.  - Thể hiện được thái độ trung thực khi kế thừa kết quả nghiên cứu của những người khác. |

**Hoạt động 2.2: Lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách lựa chọn đề tài, lập đề cương cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đềvăn hóa truyền thống Việt Nam

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS cách lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **\* Lựa chọn đề tài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Mỗi HS chọn cho mình một một tác phẩm văn học hay một tài liệu mà mình tâm đắc  - GV gợi ý cho HS bằng một số câu hỏi:  + Điều gì còn khiến em băn khoăn tìm lời đáp, từng gây cho em ít nhiều khó khăn khi em muốn đến với các loại hình sân khấu dân gian?  + Em đã từng trao đổi với bạn bè hoặc người khác về việc thích hoặc không thích các loại hình sân khấu dân gian?  **Lưu ý:** Đề tài càng có tính xác định cao thì việc triển khai bài viết càng thuận lợi, không nên đặt ra và giải quyết một vấn đề quá lớn hoặc nhiều vấn đề cùng một lúc. Chỉ nên chọn đề tài nào mà với nó, em có thể nêu được những cảm nhận, phát hiện mới hay cách đánh giá mới của mình, dù ít ỏi.  **\* Một số câu hỏi cho tác phẩm cụ thể để HS định hướng:**  + Em ấn tượng về nhân vật nào trong các tác phẩm chèo, tuồng đã học?  + Ngôn ngữ chèo, tuồng tác động tới em như thế nào?  + Em hiểu gì về tích trò trong chèo, tuồng và múa rối nước?  + Đạo cụ, vũ điệu của chèo, tuồng, múa rối nước có hấp dẫn em không?  + Ngôn ngữ trong chèo, tuồng, múa rối nước gây ấn tượng đặc biệt gì với em?  …  **\* Trong số những ý tưởng đã được phác thảo ở phần trên, hãy chọn một ý tưởng mà em tâm đắc nhất để làm đề tài cho bài viết của mình.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ, làm việc cá nhân  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số nhóm trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Thu thập thông tin**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi về cách thức thu thập thông tin và những yêu cầu khi xử lí thông tin thu thập được.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Các cặp đôi trao đổi, thảo luận  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Xây dựng đề cương**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu những HS lựa chọn cùng đề tài vào cùng một nhóm, các nhóm tập hợp tài liệu thu thập được thảo luận các câu hỏi sau:**  **Ví dụ 1: Đề cương cho đề tài Ngôn ngữ đối thoại trong chèo**  + Vấn đề được chọn nghiên cứu có ý nghĩa gì?  + Cần xác định hướng nghiên cứu như thế nào? Phương pháp tiếp cận nào cần được lựa chọn?  + Những khía cạnh nào của vấn đề cần được tập trung phân tích?  + Những cứ liệu minh hoạ nào có thể huy động ?  + Thái độ nên có trước các đối tượng được đề cập là gì?  **Ví dụ 2: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”: vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo**  + Việc nghiên cứu lời thoại của Xuý Vân trong lớp chèo có thể giúp ta hiểu được gì về đặc điểm của lời thoại trong chèo nói chung?  + Bài viết tham khảo trong SGK có thể gợi ý được điều gì cho việc nghiên cứu vấn đề này?  + Các khía cạnh nào cần được làm rõ khi nghiên cứu đặc điểm lời thoại của nhân vật?  + Có thể nghiên cứu lần lượt từ khía cạnh nội dung đến khía cạnh hình thức không?  + Khi nghiên cứu về khía cạnh nội dung, cần chú ý như thế nào về hoàn cảnh khách quan cũng như tâm tư sâu kín của nhân vật được tiết lộ qua lời thoại?  + Khi nghiên cứu về khía cạnh hình thức, cần chú ý những điều gì ở sự luân phiên các điệu hát hay việc vận dụng ca dao ở lời thoại?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Các cặp đôi trao đổi, thảo luận  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **\* Lưu ý:** HS cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng một một sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển ý tưởng trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng, để làm sáng tỏ các ý.  **\* Dàn ý chung của bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS đọc hd dàn ý chung SGK tr. 147**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS đọc, trao đổi, thảo luận  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS trình bày.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV hd HS cách lập dàn ý chung trước khi viết | **II. Chuẩn bị viết: Lựa chọn đề tài, thu thập thông tin và lập đề cương cho bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **1. Lựa chọn đề tài**  **Một số đề tài tham khảo:**  - Nghiên cứu về hình tượng Xuý Vân qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại” (Ví dụ: *Sắc thái nữ quyền trong nhân vật "Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở chèo cổ “Kim Nham”; Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”*)  - Nghiên cứu về hình tượng nhân vật tri huyện qua cảnh tuồng “Huyện đường” (Ví dụ: *Nghệ thuật thể hiện tính cách nhân vật trong cảnh tuồng “Huyện đường”*)  - Nội dung thường gặp trong các tích chèo, tuồng, múa rối nước;  - Một hình tượng nhân vật hay một lớp, màn nổi bật trong chèo, tuồng;  - Đạo cụ của chèo, tuồng, múa rối nước;  - Vũ điệu trong chèo, tuồng;  - Chiếc quạt trong chèo;  - Mặt nạ tuồng;  - Hình thức xưng danh của nhân vật,  - Cách bài trí sân khấu chèo, tuồng;  - Trống và các loại nhạc cụ khác của chèo, tuồng;  - Việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo;...  **2. Thu thập thông tin**  **\* Cách thức thu thập thông tin:**  Để có được những ý tưởng và luận điểm cần thiết cho báo cáo nghiên cứu, cần:  + Tìm đọc/xem các tài liệu, sách, báo, các phương tiện thông tin và truyền thông.... có liên quan để nắm được những ý kiến bàn luận đã có.  + Cũng có thể gặp trực tiếp các nghệ nhân, diễn viên để học hỏi, tham khảo ý kiến.  **3. Xây dựng đề cương:**  **Ví dụ 1: Đề cương cho đề tài Ngôn ngữ đối thoại trong chèo**  **Hệ thống luận điểm:**  **-** Nêu vấn đề nghiên cứu: ngôn ngữ đối thoại luôn giữ vai trò quan trọng nhất.  -Xác định hướng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận:  + Nghiên cứu từ những thành tựu văn học cụ thể của chèo, rút ra những quy tắc riêng biệt của nó  + Xem xét văn học trong chèo cổ với ý nghĩa là ngôn ngữ sân khấu, lấy diễn xuất và lấy hiệu quả truyền cảm của chúng trong diễn xuất là tiêu chuẩn  **-** Những khía cạnh nào của vấn đề được tập trung phân tích:  + Ngôn ngữ đối thoại mang tính tư tưởng  + Ngôn ngữ đối thoại có nhịp điệu và âm luật  + Ngôn ngữ đối thoại là loại ngôn ngữ nâng cao:  + Ngôn ngữ đối thoại mang tính ước lệ  + Các dạng ngôn ngữ đối thoại  - Thái độ nên có trước đối tượng được đề cập: Thái độ yêu mến, trân trọng đối với giá trị văn hóa dân gian đồng thời thể hiện thái độ cầu thị trong quá trình nghiên cứu  **Ví dụ 2: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”: vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo**  **Hệ thống luận điểm:**  - Đặc điểm của lời thoại trong chèo nói chung qua việc nghiên cứu lời thoại của Xuý Vân trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”  - Định hướng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận được gợi ý từ bài viết tham khảo trong SGK  - Các khía cạnh cần được làm rõ khi nghiên cứu đặc điểm lời thoại của nhân vật:  + Khía cạnh nội dung (hoàn cảnh khách quan cũng như tâm tư sâu kín của nhân vật được tiết lộ qua lời thoại)  + Khía cạnh hình thức (Sự luân phiên các điệu hát hay việc vận dụng ca dao ở lời thoại,...)  **4. Dàn ý chung của bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **\* Đặt vấn đề:** nêu động cơ, niềm hứng thú, sự thôi thúc ở người viết khi quyết định chọn đề tài để nghiên cứu (bao hàm trong đó việc gọi tên vấn đề).  **\* Giải quyết vấn đề:** lần lượt đánh giá hay trình bày quan điểm về từng khía cạnh của vấn đề (đánh giá bao quát, phân tích từng mặt của đối tượng, tranh luận với các quan điểm đánh giá khác, nêu khuyến nghị,... ).  **\* Kết luận:** khái quát ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và kết quả nghiên cứu đạt được.  **\* Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,... |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH VIẾT**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu.

**b. Nội dung**: HS chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phương án** **phân công công việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tập hợptài liệu thu thập được | | |  |
| Phân nhóm các tài liệu tìm được | | |  |
| Lựa chọn phương án sắp xếp luận điểm | | |  |
| Lựa chọn dẫn chứng cho từng luận điểm | | |  |
| Viết từng phần | Đặt vấn đề | |  |
| Giải quyết vấn đề | Luận điểm 1 |  |
| Luận điểm 2 |  |
| Luận điểm n |  |
| Kết luận | |  |
| Tài liệu tham khảo | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS thực hành viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam**  **Thao tác 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị**  - GV hướng dẫn HS lựa chọnđề tài nghiên cứu  - HS thảo luận cặp đôi trong bàn:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **HS lựa chọn cùng đề tài được phân về cùng nhóm hoạt động**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng kĩ thuật công não:  + Về nội dung, đề tài báo cáo nghiên cứu về vấn đề gì?  + Vấn đề đó gồm những khía cạnh nào?  + Em dự định sắp xếp những luận điểm đó như thế nào trong bài viết?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, **Thao tác 2: Hướng dẫn HS thu thập thông tin, lập đề cương chi tiết cho bài nghiên cứu của nhóm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + HS điền vào phương án phân công công việc theo mẫu.  + HS lập đề cương chi tiết theo yêu cầu 3 phần của dàn ý chung  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, định hướng. | **III. Thực hành**  **1. Bước 1: Chuẩn bị viết**  **Một số đề tài nghiên cứu:**  - Nghiên cứu về hình tượng Xuý Vân qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại”,  - Nghiên cứu về hình tượng nhân vật tri huyện qua cảnh tuồng “Huyện đường”.  - Nội dung thường gặp trong các tích chèo, tuồng, múa rối nước;  - Một hình tượng nhân vật hay một lớp, màn nổi bật trong chèo, tuồng;  - Đạo cụ của chèo, tuồng, múa rối nước;  - Vũ điệu trong chèo, tuồng;  - Chiếc quạt trong chèo;  - Mặt nạ tuồng;  - Hình thức xưng danh của nhân vật,  - Cách bài trí sân khâu chèo, tuồng;  - Trống và các loại nhạc cụ khác của chèo, tuồng;  - Việc vận dụng tục ngữ, thành ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo;...  **2. Bước 2: Thu thập thông tin, xây dựng đề cương cho đề tài nghiên cứu**  **Ví dụ 1: Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”: vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo**  **Đề cương chi tiết:**  **\* Đặt vấn đề**       Chèo là nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống xuất hiện từ lâu đời và mang bản sắc dân tộc đậm đà nhất của dân tộc Việt Nam. Việc vận dụng tục ngữ, ca dao trong lời thoại của nhân vật chèo có vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của loại hình nghệ thuật sân khấu chèo.  **\* Giải quyết vấn đề**  **- Định hướng, phương pháp nghiên cứu:**  + Nghiên cứu dựa trên định hướng từ những thành tựu riêng của chèo về ca dao, tục ngữ được sử dụng trong lời thoại của các nhân vật chèo.  + Phương pháp nghiên cứu là phương pháp phân tích – tổng hợp qua các kịch bản mà rút ra nhận định; phương pháp thống kê để khảo sát, liệt kê những câu ca dao, tục ngữ được sử dụng trong chèo, …  **- Triển khai luận điểm chính:**  + Chèo đã sử dụng một cách tài tình tục ngữ, thành ngữ vốn là những kinh nghiệm được đúc kết từ trong lao động sản xuất, trong đời sống xã hội, … để đưa trực tiếp vào lời thoại của nhân vật. Chèo truyền thống cũng đã cải biến, thêm lời và đổi ý khi đưa những câu tục ngữ trong dân gian vào lời thoại nhân vật.  + Chèo thường đưa một số câu tục ngữ có khía cạnh đạo đức hay một số tục ngữ mang tính khẳng định triết lý, tư tưởng nào đó, … Không chỉ sử dụng các câu tục ngữ thuần Việt, các tác giả chèo truyền thống còn đưa các câu tục ngữ Hán Việt vào lời thoại của nhân vật.  + Ngoài vận dụng tục ngữ thì chèo truyền thống cũng đưa những câu ca dao vào lời thoại nhân vật, có thể dùng nguyên văn hoặc sửa đổi một số từ của câu ca dao khi đưa vào lời thoại.  **\* Kết luận**  **\* Tài liệu tham khảo**  **Ví dụ 2: Sắc thái nữ quyền trong nhân vật Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở chèo cổ “Kim Nham”**  **Đề cương chi tiết:**  **\* Đặt vấn đề:**  Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu: Sắc thái nữ quyền trong nhân vật Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở chèo cổ “Kim Nham”  **\* Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thống qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng:  - Đôi nét về Đào nữ trong các vở chèo cổ  - Xúy Vân trong vở chèo “Kim Nham”  + Người phụ nữ của lễ giáo phong kiến, cam chịu và chấp nhận thân phận  + Người phụ nữ đời thường, có khao khát yêu đương và biết xót xa cho số phận  - Xúy Vân và sắc thái nữ quyền trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”  + Người phụ nữ nhận thức được những đau đớn, xót xa trong chính số phận mình: càng theo đuổi hạnh phúc, hạnh phúc càng rời xa  + Người phụ nữ nhận thức được rằng khi mình sống với chính tình yêu, chính khao khát của mình thì lại bị xã hội lên án, xa lánh  + Tuy vậy, người phụ nữ không từ bỏ khao khát được sống với tình cảm cá nhân mình: khao khát yêu và được yêu  - Một số nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  **\* Kết luận:** Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những vấn đề mới  **\* Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,... |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS viết bài**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS dựa vào dàn ý để viết thành bài hoàn chỉnh.  GV nêu giới hạn về dung lượng cho các báo cáo nghiên cứu. HS có thể viết dài hơn so với những bài viết thông thường nhưng cũng không nên quá dài, vì dù sao, “nghiên cứu” ở đây  vẫn chỉ là tập nghiên cứu, tập làm quen với một số thao tác nghiên cứu khoa học  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS viết bài theo dàn ý đã lập.  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi một vài HS trình bày bài viết  - HS khác lắng nghe, tóm tắt lại, dựa vào yêu cầu để phân tích và góp ý  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương những bài viết tốt, định hướng HS chia sẻ học tập và khích lệ HS viết chưa tốt nỗ lực hơn. | **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  **Chú ý:**  - Bám sát đề cương đã lập đề viết. Ngay từ đầu, cần thể hiện thái độ trân trọng đối với kho báu truyền thống mà ông cha để lại.  - Mỗi luận điểm cần được triển khai thành một đoạn văn, trong đó có câu chủ đề, những ý nhỏ, các cứ liệu phù hợp (tức là bằng chứng về đối tượng được đề cập hay nhận định của những người nghiên cứu đi trước). Các cứ liệu được trích dẫn, phân tích phải đảm bảo độ chính xác tối đa, có xuất xứ rõ ràng.  - Cần chọn hình thức diễn đạt khách quan, cô đọng; tránh dùng các thán từ và lối kể lể lan man, không xoáy vào các luận điểm then chốt.  - Để làm tăng tính thuyết phục của báo cáo nghiên cứu cần chọn đưa vào một số sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,... phù hợp |
| **Thao tác 4: GV hướng dẫn HS kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS đọc lại bài luận đã viết. * Kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện theo **Phiếu chỉnh sửa bài viết**   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với **Viết** bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề | **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện**  - Đọc lại báo cáo nghiên cứu, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và đề cương đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện trên các mặt chủ yếu sau:  + Sự tường minh của lí do chọn đề tài.  + Sự nhất quán trong cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề.  + Sự khách quan, chặt chẽ trong lập luận.  + Sự tinh gọn và đầy đủ của các cứ liệu, bằng chứng.  + Sự minh bạch trong việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú xuất xứ của các ý kiến được trích dẫn.  + Sự tuân thủ các quy tắc ngữ pháp và những quy định về chính tả, cách trình bày văn bản.  - **HS sử dụng Phiếu chỉnh sửa bài viết** để tự hoàn thiện bài |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Các phần** | **Yêu cầu cụ thể** | **Đạt/Chưa đạt** | |
| Bố cục ba phần | **Đặt vấn đề** | Phần giới thiệu nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, gây được sự chú ý và hấp dẫn đối với người đọc. |  |  |
| **Giải quyết vấn đề** | Các luận điểm chính đã được làm sáng tỏ qua những dữ liệu, bằng chứng xác thực, đáng tin cậy. |  |  |
| Các phần được sắp xếp theo trật tự logic, có sự liên kết chặt chẽ, không có sự trùng lặp. |  |  |
| Không có các thông tin thừa, không liên quan trực tiếp đến đề tài. |  |  |
| **Kết luận** | Khái quát lại vấn đề, nâng lên thành bài học nhận thức, ứng xử |  |  |
| **Tài liệu tham khảo** | - Đã đảm bảo được tính chính xác, khoa học, khách quan của văn bản chưa?  - Các trích dẫn đã ghi rõ được nguồn gốc, bao gồm thông tin về tác giả, năm công bố, vị trí của phần trích dẫn trong văn bản chưa? |  |  |
| Các lỗi còn mắc |  | Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả, không mắc lỗi từ ngữ và câu. |  |  |
| Đánh giá chung |  | - Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào?  - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? |  |  |

**Dự kiến:**

**Bài tham khảo số 1: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ:**

SẮC THÁI NỮ QUYỀN TRONG NHÂN VẬT XUÝ VÂN Ở LỚP CHÈO “XUÝ VÂN GIẢ DẠI”, VỞ CHÈO CỔ “KIM NHAM”

Chèo từ lâu đã là một loại hình nghệ thuật dân gian đại diện cho tiếng nói của những người dân bình thường trong xã hội xưa, là tấm gương phản chiếu cuộc sống con người dưới chế độ phong kiến. Khác với Tuồng – bộ môn nghệ thuật mà các tích truyện chủ yếu xoay quanh các bậc nam tử hán – Chèo lại vô cùng ưu ái khắc họa những người phụ nữ thời xưa – tầng lớp chịu nhiều khổ đau trong xã hội. Điều này là do khi Tuồng tập trung vào những đề tài tầm quốc gia đại sự – nơi dường như chỉ dành cho đàn ông theo quan niệm xưa – thì Chèo lại miêu tả cuộc sống làng xóm, gia đình nơi những người phụ nữ luôn hiện hữu trong xã hội cũ. Chính vì vậy, những vở Chèo kinh điển thường xoay quanh cuộc sống vất vả, bất công của người phụ nữ dưới xiềng xích của xã hội, nổi bật như vở ‘Quan Âm Thị Kính’, ‘Trương Viên’, ‘Kim Nham’… Ở Chèo, các nhân vật nữ được chia ra làm 3 nhóm chính như dưới đây:



Về kịch bản cơ bản của vở “Kim Nham”, ta có thể khái quát như sau:

Kim Nham là một người học trò có quê tại Nam Định. Với mong muốn theo nghiệp đèn sách, anh đã lên Tràng An (Hà Nội) xin trọ học, và được Huyện Tể gả con gái của mình là Xuý Vân cho. Xuý Vân là một cô gái thơm thảo, thuỳ mị và đảm đang với một ước mơ tha thiết về một hạnh phúc gia đình giản đơn “chồng cày vợ cấy”. Thế nhưng ngay sau khi kết tóc xe tơ, Xuý Vân bị nhà chồng thờ ơ và Kim Nham thì quay lại Tràng An để tiếp tục  “dùi mài kinh sử” suốt mấy năm liền, để lại nàng trong sự cô đơn tột cùng. Tuy lúc đầu Xuý Vân nhất quyết không từ bỏ lòng chung thuỷ, chống lại những cám dỗ và quyết tâm chờ đợi Kim Nham suốt mấy năm ròng, chàng chưa đỗ đạt được làm quan và tiếp tục học hành không trở về nhà. Sống trong cảnh “chăn đơn gối lẻ” kéo dài như vậy, Xuý Vân cảm thấy ước nguyện cả đời của nàng về một mái ấm gia đình dần dần biến mất và tuổi thanh xuân như bị phí hoài. Vậy nên khi Trần Phương – một gã nhà giàu nổi tiếng phong tình ở Đông Ngàn – gặp nàng và trao cho nàng lời hứa về hạnh phúc mà cô đã ao ước bao lâu nay, Xuý Vân đã theo lời hắn giả dại để thoát khỏi Kim Nham. Xúy Vân giả điên, Kim Nham chạy chữa không được đành phải trả tự do cho nàng. Thế nhưng rồi Trần Phương bội hứa khiến Xuý Vân trở nên đau khổ và tủi nhục đến mức không dám trở về nhà. Từ chỗ giả điên thì giờ nàng đã trở nên điên thật. Kim Nham mãi sau một thời gian dài mới đỗ đạt, được bổ làm quan. Nhận ra vợ cũ điên dại phải đi ăn xin, Kim Nham đã bỏ nén bạc vào nắm cơm sai người đem cho. Thấy trong nắm cơm có bạc, Xuý Vân đã ngộ ra về số phận trớ trêu của cô mà từ đó xấu hổ nhảy xuống sông tự vẫn.

Trước khi phân tích nhân vật Xuý Vân, ta phải nói đến khái niệm ‘nữ quyền’. Bài viết này dùng khái niệm ‘văn học nữ quyền’, với tiêu chí như nhà phê bình Trần Thiện Khanh đã từng đưa ra và Xuý Vân là nhân vật nữ trung tâm:

*“Chỉ khi nào nữ giới xuất hiện như một chủ thể ngôn từ, chủ thể thẩm mỹ, chủ thể trải nghiệm, chủ thể sáng tạo ra những giá trị văn học thì khi đó mới có văn học nữ. Và chỉ khi nào phụ nữ sáng tác như một chủ thể – tác nhân chống lại sự tỏa chiết của nam quyền, sự đặt định, kiến tạo của nam giới về tính nữ; phủ nhận kiểu diễn ngôn giả tạo, gán ghép và thiên kiến “đàn bà là…”, công khai chống lại sự nhào nặn hình ảnh người nữ trong nền văn minh của đàn ông; đòi hỏi phải đặt đàn ông thành một vấn đề cần được nhận thức lại và diễn giải lại… thì khi đó mới có văn học nữ quyền…*

*Văn học nữ quyền là thứ văn học kháng cự lại tình trạng mất tiếng nói của nữ giới (trước nhiều vấn đề bị cấm kỵ, trong đó có vấn đề tình dục một cách mạnh mẽ và quyết liệt. Nó cho thấy địa vị của nam giới không vững chãi và không thể cứ phủ mãi một lớp huyền thoại về nam tính; tính nữ không phải là cái gì tất định, tiên thiên, bất biến. Nó khẳng định nữ giới là một cá nhân tự mình, cần sống cho mình, tự công nhận mình như đàn ông đang sống, đang làm; thậm chí sống độc lập, tự chủ về mọi mặt và không cần đàn ông, chứ không phải sống vì người khác, cho người khác, theo người khác, phục vụ người khác, không thể sống mãi trong tư cách “là người đàn bà thực sự” như đàn ông đã kiến tạo, ấn định, tuyên truyền hoặc đợi đàn ông thừa nhận/ hợp thức hóa”*

Trong vở Kim Nham, ta có thể dễ dàng thấy Xuý Vân ban đầu là một người phụ nữ xinh đẹp với những tính cách được cho là ‘chuẩn mực’ của Nho giáo: đây là tư tưởng vốn trọng nam khinh nữ “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, ủng hộ sự gia trưởng trong gia đình nhưng trói buộc phụ nữ vào những quy định “tam tòng, tứ đức”, cho rằng “phận đàn bà” phải nhẫn nhịn và cam chịu, phải hy sinh vì chồng con, phải giữ gìn bản thân trong mọi hoàn cảnh. Một tư tưởng nữa bao trùm thời bấy giờ chính là “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử” (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con). Những chuẩn mực ấy đôi khi đã trói buộc người phụ nữ vào thế bị động, phụ thuộc khi họ không có quyền làm chủ số phận của mình. Khi được cha gả cho Kim Nham, Xuý Vân đã đáp:

*“Con biết đâu thắm đậm phai chừng*

*Cha đặt đâu, con xin ngồi đấy”*

Như vậy, ta có thể thấy trong Xuý Vân những nhận thức xưa về thân phận của người phụ nữ về hôn nhân – nàng tuân thủ theo những quy định mà xã hội bấy giờ đặt ra. Tuy nhiên, nhân vật hề cả Sứt – nhóm nhân vật vốn đại diện cho tư tưởng của người dân thường trong xã hội – đã đáp trả lại: “Cha đặt đâu, con xin ngồi đấy! Đặt vào chỗ êm đẹp thì chớ, nhỡ ông ấy đặt mày vào đống chông, đống gai, mày cũng ngồi thì liệu có thủng ruột mày ra không”, mang đến thông điệp người phụ nữ không thể cứ ngoan ngoãn theo sự sắp đặt của cha mẹ trong hôn nhân để rồi phải chịu khổ đau, ngầm ủng hộ sự giải phóng phụ nữ khỏi những hủ tục phong kiến.

Nàng cũng nhận ra rằng trong xã hội ấy, ‘là phận nữ nhi’ là phải khuyên nhủ, phục vụ, và tần tảo sớm khuya để chồng lập công danh.

*“Thiếp xin về tần tảo sớm khuya*  
*Trực phòng không là phận nữ nhi*  
*Khuyên chàng sẽ gắng công đèn sách”*

Thề thuỷ chung với Kim Nham trước khi chàng đi, Xúy Vân trong suốt 3 năm vắng chồng vẫn giữ lời hứa của mình: nàng khẳng định “Thiếp tôi nay là gái có chồng” khi bị dụ dỗ, nhăn mặt trước lời khuyên “tái giá” (kết hôn lại) của Mụ Quán, và nhất quyết “không có bụng dạ nào tính đến chuyện chia ly”. Qua đó, ta thấy được một vẻ đẹp vô cùng sáng ngời, đáng trân trọng của người con gái kể cả trong bể u uất cuộc đời. Ngay khi phải giãi bày nỗi buồn tột đỉnh của mình, người vợ Xuý Vân vẫn cam chịu chờ chồng quay về chứ không nghĩ đến chia cắt:

*“Buồn thì khóc cho vơi nước mắt*

*Cắn răng chờ cho năm tháng trôi qua”*

Tuy vậy, Kim Nham vẫn miệt mài đèn sách mà không quay về một lần. Xuý Vân suốt nhiều năm chịu cảnh phòng không gối chiếc, một mình gánh vác việc gia đình khiến nàng ngày chịu đựng trong nỗi buồn tủi, thất vọng sâu thẳm. Nàng mong muốn muốn cuộc sống giản dị “chồng cày vợ cấy” còn Kim Nham lại đam mê công danh. Hậu quả của cuộc hôn nhân không hoàn toàn xuất phát từ tình yêu hay sự cùng lý tưởng này là nỗi khổ của Xuý Vân. Ở trong vở Chèo, ta còn thấy được 2 sự đối lập giữa nam nữ trong xã hội xưa: Kim Nham theo đuổi đam mê vinh danh đến nỗi bỏ bê, thờ ờ với việc vợ lẻ bóng thì được xem là bình thường vì đấy là lý tưởng “làm trai”; Xuý Vân không thể tự do theo đuổi đam mê, hạnh phúc mà phải chịu đựng nỗi khổ do người đàn ông gây ra  vì quan niệm “làm gái”.

Khi gặp Mụ Quán nhắc đến việc có người “Muốn kết chỉ giao cầu”, cuộc sống của Xuý Vân như loé lên một tia sáng khiến khát vọng được yêu, được hạnh phúc rất bình thường, rất bản năng của người phụ nữ – biểu hiện mạnh mẽ của tính nữ – trong nàng trỗi dậy. Những lời háo hức của Xuý Vân như “Thực như lời chị nói – Em xin theo chân, cất bước sang chơi” cho thấy khát vọng tình yêu có thể khiến nàng vượt qua bao nỗi mệt nhọc để có thể lạc quan trở lại. Khi lắng nghe Xuý Vân than cảnh cô đơn, ta dễ cảm thông được cho nổi khổ đã tạo nên khát vọng tìm kiếm một bến bờ hạnh phúc cố định của nàng:

*“Một mình thiếp chăn đơn gối lẻ*

*Sự nguyệt hoa, không than thở cùng ai*

*Thiếp bây giờ như hươu đã mắc chà*

*Vào thời dễ, ra thời thậm khó.”*

Nhiều người có thể lên án Xuý Vân không chung thuỷ mà lẳng lơ, trăng hoa. Tuy nhiên, có một vài điểm cần được chú ý:

– Nàng luôn chung thuỷ và quyết tâm không từ bỏ Kim Nham từ đầu dù có bao cám dỗ nhưng không nhận được sự quan tâm, đáp lại thích đáng của chồng. Thay vào đó, Kim Nham đặt sự nghiệp bản thân lên trên cả vợ mình (Dự án không lên án Kim Nham mà công nhận lý tưởng đỗ đạt làm quan mà người xưa theo đuổi, nhưng điều này vô tình là nguồn gốc cho bi kịch của Xúy Vân). Nàng có nhận thức về bản thân, về giới, về ‘tuổi thanh xuân’ của mình dường như đang bị phí hoài (điều này cũng thể hiện hơi thở nữ quyền và sẽ được nói rõ hơn sau).

– Những lời nói ngon ngọt của Trần Phương cho Xuý Vân cảm giác được tôn trọng, nâng niu, và quan tâm – đây là một nhu cầu chính đáng của mỗi con người bất kể giới. Trần Phương bộc lộ lời yêu với Xuý Vân (khiến nàng như thấy được tương lai của cuộc hôn nhân bắt nguồn từ tình yêu chứ không phải do gia đình sắp đặt nữa). Hơn thế, Trần Phương còn nói lời thề bên Xuý Vân trọn đời vào lúc nàng khổ đau, cô đơn nhất. Việc làm của nàng có phần nhẹ dạ nhưng là hành động của người phụ nữ nắm bắt cơ hội có cuộc sống hạnh phúc thích đáng với phẩm hạnh của mình. Lúc này, nàng không hề hay biết về con người thật của Trần Phương.

Đặc biệt, nỗi khổ và cô đơn của nàng được thể hiện rõ nhất trong tích trò “Xuý Vân giả dại” kinh điển. Ở đây, Xuý Vân không dại mà chỉ “giả” – nàng vẫn tỉnh táo giãi bày nhưng tâm sự của nàng u uất quá nên nghe như nửa tỉnh nửa mê, đầy ám ảnh, đầy tích tụ trở thành u uẩn ức. Bị những chuẩn mực đạo đức xã hội “cầm tù” trong khổ đau, những dồn nén của nàng được bộc lộ ra cùng với những hồi tưởng đứt nối, những hình ảnh rời rạc, tiếng hét thất thanh và tiếng cười như điên dại:

*“Than ôi !*

*Tôi thương nhân ngãi, tôi nhớ nhân tình,*

*Đêm năm canh tôi thức cả vừa năm.*

*Than rằng nhân ngãi, cựu tình tôi đâu.”*

*“Đau thiết thiệt van*

*Than cùng bà Nguyệt*

*Đánh cho lê liệt,*

*Chết mệt con đồng”*

*“Bắt đò sang sông*

*Bớ đò, bớ đò…!*

*Tôi kêu đò, đò nọ không thưa*

*Tôi càng chờ càng đợi, càng trưa chuyến đò”*

*“Con cá rô nằm vũng chân trâu*

*Để cho năm bảy cái cần câu châu vào”*

Những hình ảnh ẩn dụ đầy chất gợi xoáy sâu vào sự tuyệt vọng về cuộc hôn nhân thiếu vắng tình yêu, sẻ chia của người con gái đáng thương. Đặc biệt, hình ảnh “con cá rô” thể hiện rõ nét cảnh bế tắc, tù đọng nhưng vô ích còn “năm bảy cái cần câu” cho thấy những áp lực gia đình, xã hội, và những nhào nặn phong kiến về “phận con gái” càng thêm trói buộc nàng vào bể khổ cuộc đời. Nàng nhận thức được rằng xã hội sẽ lên án, cười chê:

*“Tôi chắp tay lạy bạn đừng cười,  
Lòng tôi không giăng gió nhưng gặp người gió giăng”*

Trích đoạn: Xuý Vân giả dại do nghệ sĩ Thuý Ngần biểu diễn (YouTube: Soạn Giả Mai Văn Lạng)

Tuy vậy, người con gái ấy vẫn quyết tâm theo đuổi Trần Phương với hy vọng cuối cùng cũng có được tình yêu. Xuý Vân không cam chịu như Thị Kính hay Trinh Nguyên mà đang tự giải phóng bản thân mình khỏi sự u uất do người đàn ông gây ra, đang đứng lên với tư cách là người phụ nữ với mưu cầu hạnh phúc lứa đôi chính đáng, đang cố gắng phá tung bức tường chuẩn mực của lễ giáo phong kiến do sự ‘ngự trị’ của nam quyền tạo nên. Việc được tự quyết định cuộc đời của mình này dường như được cho là đặc quyền của đàn ông trong xã hội xưa, vậy mà Xúy Vân lại dám mạnh mẽ làm như vậy. Tuy có âm hưởng nữ quyền và giải phóng như thế, việc Xuý Vân phải giả dại thay vì đường đường chính chính nắm lấy tình yêu cho thấy một xã hội vẫn còn nhiều định kiến với người phụ nữ. Qua đó, chúng ta thấy được rằng bất bình đẳng giới đã ăn sâu vào xã hội và không dễ dàng gì xoá bỏ. Cái chết xót xa, đầy thương cảm bắt nguồn từ hôn nhân cô đơn, u uất của nàng càng nhấn mạnh điều trên và làm cho người đọc xót xa hơn về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến: họ sống vì bản thân, họ đi theo những tiếng gọi của những quyền và nhu cầu chính đáng của con người chỉ để tìm thấy bước đường cùng của cuộc đời.

Sắc thái văn học nữ quyền ở đây còn được phần nào thể hiện qua việc trao cho Xuý Vân giọng nói và suy nghĩ để có thể giãi bày cuộc sống của mình. Không giống nhiều tác phẩm xưa khi phụ nữ chỉ hiện hữu làm nền cho những câu chuyện của người đàn ông, Xuý Vân có được không gian riêng để nói lên tiếng lòng không chỉ của riêng nàng mà của bao nhiêu thân phận phụ nữ khác trong chế độ phong kiến – người phụ nữ được hiện lên vô cùng sống động như một con người, cũng có ý thức, đam mê, hoài bão như đàn ông. Ở đây, Xuý Vân hiện lên là một người con gái có ý thức về danh tính của mình là người phụ nữ, có nhận thức giới về vẻ đẹp tâm hồn và hạnh phúc xứng đáng của phụ nữ nhưng cũng đồng thời nhận ra rõ về những định kiến, trói buộc của xã hội – điều mà nhiều người phụ nữ xưa chỉ bị cuốn trôi theo, tuân theo mà không nhận ra được. Nàng không cam chịu, nuốt đắng cay mà công khai giãi bày nổi khổ và phá bỏ lễ giáo phong kiến để kiếm tìm hạnh phúc.

**Nguồn tham khảo:**

1. Hiền Nguyễn (2014) – Văn học nữ quyền ở Việt Nam – Tổ quốc – Báo điện tử của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch  
2. Lê Thị Nhung (2016) – Sắc thái nữ quyền trong nhân vật nữ lệch của Chèo cổ (Luận văn Thạc sĩ)

3. Sân khấu chèo: Kim Nham full – Nhà hát Chèo Ninh Bình (Video đăng tải trên kênh YouTube Sở Văn Hóa Và Thể Thao Ninh Bình)

4. Xuý Vân giả dại – Sách giáo khoa Ngữ Văn 10, Tập một –Kết nối tri thức với cuộc sống Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

**Bài tham khảo số 2: BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ:**

**VAI TRÒ CỦA SÁO TRÚC TRONG NGHỆ THUẬT CHÈO**

*Ăn no rồi lại nằm khoèo*

*Nghe giục trống Chèo bế bụng đi xem*

*Chẳng thèm ăn chả, ăn nem*

*Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát Chèo.*

Nghệ thuật Chèo là một loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu và phát triển mạnh ở các vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. Nghệ thuật Chèo được bắt nguồn từ cuộc sống lao động, sinh hoạt của nhân dân ta từ hàng ngàn năm nay và nó đã chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân qua nhiều thế hệ. Chèo chứa đựng trong nó hàm lượng trí tuệ sáng tạo nghệ thuật mẫu mực, được nhiều lớp người dân sáng tạo nên.

**  
*Ảnh minh họa. Nguồn: Internet*

Bốn câu ca dao trên đã thể hiện được phần nào niềm đam mê Chèo của người dân Việt Nam. Chèo là nhu cầu tinh thần không thể thiếu trong đời sống của họ từ bao đời nay. Mỗi dịp tết đến xuân về hay những dịp lễ hội được tổ chức tại làng xã, hễ nghe thấy tiếng trống Chèo là bà con lại nô nức kéo nhau ra sân đình, sân chùa để xem. Tự thân Chèo sau một quá trình phát triển khá dài đã trở thành bộ môn nghệ thuật độc đáo của Việt Nam. Sự độc đáo không chỉ ở trò diễn, tích diễn mà nó còn độc đáo trong từng ý tứ của làn hát nên hàng trăm năm qua người ta thường rủ nhau đi xem hát Chèo, nghe hát Chèo rồi mới xem diễn Chèo.

Chèo được người dân yêu thích vì lối diễn gần gũi, giản dị, tích trò được lấy từ những câu chuyện có thật trong cuộc sống, bằng thủ pháp ứng diễn tạo ra được một hình tượng nhân vật sơ lược nào đó được người xem chấp nhận. Đặc điểm nổi bật nhất của thủ pháp ứng diễn là diễn đến đâu thì vận lời nói, lời hát, điệu múa và cách diễn đến đấy làm cho người xem luôn thấy được sự mới mẻ, phong phú, hấp dẫn trong từng màn, từng cảnh. Mục đích của ứng diễn là làm trò nhại để mua vui. Nhại người xung quanh, người trong làng xã, cũng có khi nhại cả thần tiên… mang đến cho người xem những tiếng cười sảng khoái sau một ngày lao động vất vả, cảm nhận chân thật, gần gũi như chính cuộc sống của họ đang được tái hiện trong vở Chèo vậy. Trải qua nhiều năm với nhiều biến cố thăng trầm, đến nay nghệ thuật Chèo vẫn tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của nhiều loại hình nghệ thuật khác. Không chỉ giới hạn ở các vở Chèo cổ, tích cũ, ngày nay đã có rất nhiều vở Chèo mới được các nhạc sĩ viết để phù hợp với thời đại. Một số tác phẩm thay lời mới trên làn điệu cũ.

Các phương tiện truyền thông cũng đã góp công lớn trong việc đưa Chèo đến gần hơn với khán giả, nhất là khán giả trẻ qua cách trình bày mới mẻ, hiện đại. Chèo đã và đang có mặt trong nhiều lễ hội lớn nhỏ diễn ra trên toàn quốc cũng như quốc tế. Một số lễ hội như Festival Huế do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức tại Huế, chuỗi Road show do Tổng cục Du Lịch Việt Nam tổ chức tại nhiều quốc gia khác nhau là những lễ hội lớn mà trong đó có sự tham gia của âm nhạc dân gian nói chung, Chèo nói riêng.

Như vậy, Chèo giờ đây không chỉ diễn ở sân đình hay trong các nhà hát mà với sự “tự làm mới” mình, Chèo đã có thể bước lên những sân khấu lớn mang tầm quốc gia và quốc tế, tạo được sức lan tỏa rộng hơn tới khán giả giúp cho việc bảo tồn và phát huy nền nghệ thuật quý giá này của dân tộc được hiệu quả hơn trong đó luôn có sự góp mặt của Sáo trúc.

Trong cuốn “*Đến với nhạc Chèo*”, tác giả Đôn Truyền đã viết: “*Việc diễn kể chuyện kịch mang ý nghĩa cứu cánh, còn âm nhạc mang tính phương tiện phục vụ sự diễn đạt của diễn viên khi kể”* [37; tr. 33]. Hay trong cuốn “*Âm nhạc sân khấu Chèo nửa cuối thế kỷ XX*”, tác giả Nguyễn Thị Thanh Phương đã viết: “*Trong dàn nhạc Chèo, tiêu thường đệm cho những nét ngâm thơ, đặc biệt hợp với giọng điệu lãng đãng, hoài cổ…Mầu âm của Sáo trong sáng, dân dã…Nếu để dọn giọng cho diễn viên bắt vào hát thì không gì chuẩn mực hơn*”

Âm nhạc là một thành tố hết sức quan trọng, là phần hồn không thể thiếu của nghệ thuật Chèo, nó có khả năng khắc họa hình tượng nhân vật thêm rõ nét. Trong dàn nhạc Chèo, bộ gõ chiếm vị trí quan trọng nhất. Dân gian có câu “*vụng Chèo khéo trống*”… câu nói này ngụ ý dù diễn viên Chèo diễn có vụng, có sơ xuất chỉ cần người chơi trống chắc nhịp, điều tiết nhịp độ vở diễn chuyển màn, chuyển cảnh hợp lý thì vẫn coi như vở Chèo thành công. Bộ gõ quan trọng là thế, tuy nhiên nó lại khó có thể tạo được hiệu quả trong việc thể hiện tính trữ tình của nhân vật. Do vậy, Sáo trúc cùng với một số nhạc cụ khác đã gánh trách nhiệm truyền tải thông điệp nội tâm sâu lắng và phong phú này. Với âm sắc gần giống với tiếng người, Sáo trúc thường giữ vị trí bè giai điệu, khi thì gợi hơi, khi thì điểm xuyết, lúc lại dẫn dắt len lỏi cùng giọng hát của diễn viên bằng thủ pháp bè tòng làm tăng thêm phần hấp dẫn, truyền cảm giữa người diễn và người thưởng thức.

Từ dàn nhạc Chèo thuở sơ khai chỉ với vài ba nhạc cụ Trống, Sáo, Nhị đến nay, dàn nhạc đã phát triển đông hơn rất nhiều với các cây như Tam thập lục, Thập lục, Bầu, Sáo, Nhị, Nguyệt, Tam con, Trống… dù dàn nhạc nhỏ hay lớn thì đều có sự góp mặt của Sáo trúc. Với âm sắc đa dạng, phong phú Sáo trúc có thể thể hiện rất tốt các cung bậc cảm xúc trong Chèo.

Nói đến Sáo trúc, người ta thường liên tưởng đến cảnh làng quê yên bình với những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay. Bức tranh em bé chăn trâu thổi Sáo với cây đa, bến nước, sân đình đã lột tả được những nét đặc trưng của nông thôn Việt Nam nói chung và nông thôn Miền Bắc Việt Nam nói riêng.

Cây Sáo trúc có từ bao giờ? Ai là người chế tạo ra nó là một câu hỏi cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp. Chỉ biết rằng, theo truyền thuyết từ thời xưa, xưa lắm rồi, trong vườn của anh nông dân nghèo nọ có trồng một khóm trúc. Một đêm mùa hè, anh nông dân nghe thấy những âm thanh vi vu, réo rắt phát ra từ bụi trúc sau nhà, lúc thì cao vút, lúc lại trầm trầm dìu dặt. Ngỡ có nàng tiên nào giáng trần đang hát trong vườn nhà mình, anh nông dân tò mò vạch từng khóm trúc để tìm. Tiên đâu không thấy mà chỉ thấy những âm thanh kỳ diệu đó được phát ra từ một ống trúc khô đã bị mối xông một lỗ tròn. Mỗi khi có gió thổi mạnh thì từ các lỗ tròn nhỏ đó phát ra âm thanh cao vút, khi gió nhẹ thì chính từ những lỗ thủng đó lại tạo ra những âm thanh trầm trầm, dìu dặt. Thấy hay, anh nông dân bèn chặt ngay đoạn trúc đó đem về và tập thổi hơi của mình vào đó. Anh liền khoét thêm từng lỗ cho các ngón tay để mở ra, đóng vào tạo ra nhiều âm thanh khác nhau. Cây sáo trúc ra đời từ đó. (trích: *Giới thiệu cây sáo trúc*của NSƯT Ngọc Phan; tài liệu nội bộ, Đài tiếng nói Việt Nam 1995) [28; tr. 2].

Trong cuốn “*Lịch sử âm nhạc dân gian cổ truyền”*của Nguyễn Viêm cũng có thông tin về nguồn gốc của cây Sáo: “Trong các di vật khảo cổ khai quật được thuộc thời kỳ Hùng Vương, ta cũng đã nhìn thấy được hình bóng của những nhạc cụ hơi làm bằng tre nứa như: khèn, sáo.” [39; tr. 74]… “Người ta đã thấy ống tiêu khắc trên bệ đá chân cột ở chùa Phật tích trong dàn nhạc tám cây. Tiêu đã tham gia *Đường thượng chi nhạc* và nhóm *Nhạc huyền* ở các triều hậu Lê và Nguyễn”. [39; tr. 75].

Trong cuốn “*Âm nhạc cung đình Việt Nam*”, GS-TS Tô Ngọc Thanh cũng ghi lại thông tin về thời kỳ văn hóa Đông Sơn cách đây khoảng bốn nghìn năm: “Trên mặt các trống đồng loại I có các hình khắc chìm. Ở đây ta tìm thấy các hình người hóa trang bằng lông chim dài đang thổi khèn, chơi sênh...” [34; tr. 22]. Từ những thông tin trên có thể thấy các nhạc cụ thuộc họ hơi đã xuất hiện ở Việt Nam từ rất sớm, trước cả thời kỳ Bắc thuộc.

Mặc dù chưa khẳng định được chính xác Sáo trúc ra đời khi nào và ở đâu nhưng chúng ta chắc một điều rằng Sáo trúc là một nhạc cụ đa năng trong kho tàng nhạc khí cổ truyền Việt Nam. Với khả năng diễn tấu phong phú, giàu sức biểu cảm, Sáo trúc xuất hiện trong rất nhiều thể loại âm nhạc từ sáng tác mới cho đến âm nhạc cổ truyền. Trong ba thể loại nhạc cổ Chèo, Huế, Cải lương thì Sáo trúc hợp với Chèo hơn cả. Bởi tính năng đặc biệt, độc đáo có thể đảm nhiệm được nhiều vị trí trong dàn nhạc nên sự thể hiện từng hoàn cảnh sân khấu Chèo của Sáo trúc đã mang lại hiệu quả đặc sắc và ấn tượng, khẳng định được vị trí quan trọng của nó trong dàn nhạc Chèo.

**1. Sáo trúc và nghệ thuật hòa tấu trong dàn nhạc Chèo**

Trong dàn nhạc Chèo xưa, các nhạc công thường dùng Sáo ngang 6 lỗ và Tiêu là phương tiện biểu diễn chủ yếu. Việc sử dụng Sáo 6 lỗ để xử lý đúng sắc thái về hơi Chèo, ngón Chèo là hết sức quan trọng. Ngày nay, tuy đã có Sáo 10 lỗ rất thuận tiện cho việc diễn tấu nhưng hầu hết các nhạc công Chèo vẫn sử dụng cây Sáo ngang 6 lỗ và Tiêu để trình diễn các làn điệu Chèo.

Khi thể hiện một làn điệu Chèo theo phương thức hòa tấu, không có phần diễn xướng của diễn viên thì vai trò của Sáo trúc lúc này được thể hiện linh hoạt hơn. Có lúc giữ vị trí giai điệu nhưng cũng có lúc giữ vai trò là cây đệm cho giai điệu. Với lợi thế đa dạng về màu sắc (tiêu, sáo trầm, trung, cao) Sáo có thể hòa tấu với nhiều nhạc cụ khác nhau như Tranh, Bầu, Nhị, Gõ, Tam thập lục…một cách dễ dàng, điều này khiến cho Sáo trúc là một nhạc cụ không thể thiếu trong dàn nhạc Chèo truyền thống.

Khi hòa tấu tốp nhạc nhỏ chỉ với 3 cây nhạc cụ ví dụ như Sáo, Nhị, Trống ngoài những câu Sáo chơi giai điệu thì nó còn đảm thật tốt bè tòng. Tiếng Sáo tòng bám sát giai điệu sẽ tạo cho bè giai điệu thêm dày, thêm chắc.

Khi hòa tấu tốp nhạc với nhiều nhạc cụ hơn ví dụ như 5 cây Trống, Nguyệt, Tranh, Bầu, Sáo. Lúc này đàn Bầu và Sáo trúc là hai cây nhạc cụ thay phiên nhau đi bè giai điệu, Tranh và Nguyệt chuyên việc tòng theo, kê theo. Ngoài việc tòng bám sát giai điệu cùng với Tranh và Nguyệt, Sáo còn có thể ngẫu hứng một số nét giai điệu mới, đan xen hoặc đối đáp với bè giai điệu, vừa tôn lên vẻ đẹp của bè giai điệu, vừa tạo cảm giác đỡ nhàm chán, một màu của bài nhạc.

Khi hòa tấu với một dàn nhạc lớn, có thể là 10 nhạc cụ hoặc hơn, bè giai điệu gồm Nhị, Sáo, Bầu… bè đệm gồm Tranh, Nguyệt, Tam thập lục, Tam con, Trống… Lúc này ngoài việc cùng với Nhị, Bầu thay nhau dẫn giai điệu, Sáo có thể thoải mái ứng tác, thoải mái trổ ngón ngẫu hứng chứ không bị gò bó như khi hòa tấu cùng tốp nhạc 3 cây hoặc 5 cây. Lúc nương theo bè tòng, lúc đối đáp với bè giai điệu hoặc Sáo cũng có thể nghỉ hẳn một câu nhạc để tạo cảm giác lắng đọng rồi vào câu nhạc sau hoặc trổ sau.

**2. Độc tấu Sáo trúc trên lòng bản**

Với các kỹ thuật phong phú của mình, Sáo trúc hoàn toàn có thể chơi tốt các làn điệu Chèo một cách *độc lập* và hiệu quả. Nó có khả năng diễn tả được đầy đủ các tính chất, hình tượng trong Chèo mà không làm mất đi chất Chèo vốn có. Sự khéo léo của người nhạc công ở đây là khi tấu lên một làn điệu Chèo với rất nhiều nốt và kỹ thuật được thêm vào giúp cho làn điệu Chèo sinh động hơn nhưng vẫn không làm nhòe giai điệu gốc.

Hiện nay, tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp như Học viên Âm nhạc quốc gia Việt Nam, Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội… đều có chương trình đào tạo Sáo trúc với làn điệu Chèo cổ truyền, các đợt kiểm tra đánh giá cuối kỳ đều là thi độc tấu trên lòng bản, điều này cho thấy tầm quan trọng của Sáo trúc đối với nghệ thuật Chèo là không nhỏ.

**3. Sáo trúc đệm tòng cho hát**

Trong sân khấu ca kịch truyền thống nói chung cũng như sân khấu Chèo nói riêng, ngoài việc tấu nhạc nền cho diễn xuất, lúc chuyển màn, chuyển cảnh thì công việc chính của dàn nhạc là *đệm tòng* cho diễn viên hát.

Sáo trúc lúc này nắm vị trí rất quan trọng. Sáo luôn theo sát và đồng điệu với giai điệu của làn hát, làm cho làn hát được dày hơn hoặc Sáo cũng có thể vút lên những nét nhạc tương đồng với giai điệu để tôn được vẻ đẹp riêng của làn hát.

Sáo trúc thường đảm nhận việc *gợi hơi* để người hát bắt vào chuẩn giọng, tiếp đó là *tòng theo* hát, hát thế nào tòng thế ấy, lúc thì đối đáp, lúc thì nương theo. Tình huống nào, hoàn cảnh nào hợp với âm sắc của Sáo gì thì ta sử dụng Sáo ấy. Đây là một lợi thế lớn của bộ hơi.

Trong trường hợp người hát đoản hơi thì Sáo trúc chính là nhạc cụ có thể ngân nga giúp cho người hát lẩn hơi, hoặc khi người hát sai hơi thì Sáo trúc cũng là nhạc cụ tấu chuẩn cao độ để kéo diễn viên trở lại đúng giọng. Do Sáo được chế tạo đúng với âm chuẩn của thanh mẫu nên nó có lợi thế hơn hẳn so với Nhị và Bầu về mặt giữ cao độ. Sáo luôn là nhạc cụ lấy âm chuẩn cho cả dàn nhạc Chèo.

Có thể nói, vai trò của Sáo trúc trong nghệ thuật Chèo là vô cùng quan trọng. Đệm tòng cho hát Chèo hay hòa tấu trong dàn nhạc Chèo hoặc độc tấu Chèo trên lòng bản, dù ở vị trí nào Sáo trúc cũng luôn khẳng định được tầm quan trọng của mình.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngọc Phan (1995), *Giới thiệu cây Sáo trúc*, Đài tiếng nói Việt Nam, Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Thanh Phương (2004), *Âm nhạc Chèo Nửa cuối thế kỉ XX*, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh, Hà Nội.

3. Tô Ngọc Thanh (1999), *Âm nhạc cung đình Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Viện Âm nhạc, Hà Nội.

4. Đôn Truyền (2001), *Đến với nhạc Chèo*, Viện sân khấu, Hà Nội.

5. Nguyễn Viêm (1996), *Lịch sử Âm nhạc dân gian cổ truyền*, Nxb Viện nghiên cứu Âm nhạc, Hà Nội.

6. Triệu Tiến Vượng (2007), *Phong cách âm nhạc truyền thống trong giảng dạy Sáo trúc tại Nhạc viện Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ nghệ thuật học, Nhạc viện Hà Nội

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** HS tóm tắt lại bài viết

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS tóm tắt lại bài viết (khoảng 120 chữ), từ đó tự rút ra kinh nghiệm về việc viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ được yêu cầu

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi 1 số HS chia sẻ câu trả lời của mình.
* GV quan sát, động viên.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

* Hoàn thiện lại bài viết theo phiếu chỉnh sửa.

- Sưu tầm một số bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn hóa truyền thống Việt Nam

để học tập cách viết theo quy trình và cách diễn đạt.

**- Chuẩn bị bài Nói và Nghe:** Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

**RÚT KINH NGHIỆM**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**NÓI VÀ NGHE**

|  |
| --- |
| **Tiết …**  **LẮNG NGHE VÀ PHẢN HỒI VỀ MỘT BÀI THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung

**-Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Nói và nghe**

***Nói***

***-*** HS hiểu được ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức thuyết trìnhmột hoạt động tiếp nối việc viết báo cáo nghiên cứu đã thực hiện trước đó.

- HS nắm vững cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu đã đạt được để có thể khơi dậy sự chia sẻ tích cực ở người nghe.

- Trong việc trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, người nói cần đưa tới cho người nghe những thông tin khái quát, trung thực về nội dung công việc đã hoàn thành ở phần Viết.

***Nghe***

- HS hiểu rõ mục đích viết của tác giả báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.

- HS nắm bắt đúng các nội dung cơ bản của bài thuyết trình (vấn đề nghiên cứu, các luận

điểm hay kết quả đạt được,…) và nêu được những câu hỏi cần thiết về các nội dung đó.

- HS nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả.

- HS hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ,

điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,… khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu.

***Nói nghe tương tác***

- Biết thảo luận báo cáo nghiên cứu về một vấn đề; biết chia sẻ, đóng góp ý kiến để hoàn thiện những báo cáo nghiên cứu

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

**2. Phẩm chất**

- HS thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, clip, bảng kiểm, phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem clip, thảo luận trả lời câu hỏi theo phiếu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**HS xem clip: (00:00 – 00:43)**

<https://www.youtube.com/watch?v=cs00vyt15ag&t=243s>

**HS thảo luận, trao đổi trả lời một số câu hỏi:**

**Phiếu trả lời nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Đoạn clip nói về điều gì?** |  |
| 1. **Các nhân vật có vai trò gì trong cuộc tranh biện?** |  |
| 1. **Thái độ của các nhân vật khi nghe đối phương thuyết trình?** |  |
| 1. **Em có đồng tình với góc nhìn của Trương Thế Vinh không? Vì sao?** |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi.
* GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh của HS
* HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Dự kiến:**

**Phiếu trả lời nhanh**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Đoạn clip nói về điều gì?** | Sự tranh luận của Trương Thế Vinh và Lê Thẩm Dương về thời đại 4.0 |
| 1. **Các nhân vật có vai trò gì trong cuộc tranh biện?** | - Trương Thế Vinh thuyết trình những nhận thức của bản thân về thời đại 4.0  - Lê Thẩm Dương lắng nghe và phản hồi |
| 1. **Thái độ của các nhân vật khi nghe đối phương thuyết trình?** | - Lê Thẩm Dương lắng nghe chăm chú và có những phản hồi sắc bén  - Trương Thế Vinh tiếp thu nhưng vẫn sắc sảo bảo vệ ý kiến cá nhân |
| 1. **Em có đồng tình với góc nhìn của Trương Thế Vinh không? Vì sao?** | HS trình bày suy nghĩ cá nhân |

🡺**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Bạn đã từng biết đến câu nói “Người ta sinh ra có 2 cái tai để lắng nghe nhưng lại chỉ có 1 cái miệng để nói”. Câu nói này phần nào nhấn mạnh tầm quan trọng của kỹ năng lắng nghe trong cuộc sống. Kỹ năng lắng nghe không đơn thuần chỉ là nghe, lắng nghe là cả một nghệ thuật phức tạp và tinh tế. Nếu nghe là hành động tiếp nhận những âm thanh, là một việc thụ động, thì lắng nghe là một quá trình hoàn toàn mang tính chủ động. Lắng nghe là thể hiện sự tập trung vào nội dung của người nói, hiểu được những gì họ nói và tiến hành đưa ra lời khuyên, lời đáp lại phù hợp cho người đối diện

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của** **việc lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu**

**a. Mục tiêu**:

- Hiểu rõ mục đích viết của tác giả báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.

- Nắm bắt đúng các nội dung cơ bản của bài thuyết trình (vấn đề nghiên cứu, các luận

điểm hay kết quả đạt được,…) và nêu được những câu hỏi cần thiết về các nội dung đó.

- Nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả.

- Hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ,

điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,… khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu.

- Thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả

đã đạt được.

**b. Nội dung**: HS hoạt động thảo luận cặp/nhóm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Để thảo luận về việc lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu, các em cần thực hiện những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi về những yêu cầucủa việc lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **-** Nhận xét về câu trả lời  - Chốt lại kiến thức trọng tâm | **I. Tìm hiểu các yêu cầu của việc lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu**  **Yêu cầu:**  - Hiểu rõ mục đích viết của tác giả báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.  - Nắm bắt đúng các nội dung cơ bản của bài thuyết trình (vấn đề nghiên cứu, các luận  điểm hay kết quả đạt được,…) và nêu được những câu hỏi cần thiết về các nội dung đó.  - Nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả.  - Hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ,  điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,… khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu.  - Thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả  đã đạt được. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu**: HS thực hành kĩ năng lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu

**b. Nội dung**:

- HS xác định được các bước lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu

- Biết lắng nghe phần thuyết trình của bạn khác.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm là sự lắng nghe và phản hồi bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của bài thực hành nói và nghe: lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỚC KHI NÓI  a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình của việc lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu  b. Nội dung: HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS  d. Tổ chức thực hiện: | |
| \*Thao tác 1: Chuẩn bị  Chuẩn bị nói  GV lưu ý HS:  - Dù đặt trọng tâm vào viêc rèn luyện kĩ năng lắng nghe và phản hồi về nội dung thuyết trình kết quả nghiên cứu, nhưng tiết Nói và nghe này không thể thiếu nội dung nói.  Bước 1: GV giao nhiệm vụ:  Gv chỉ định hoặc phân công HS thuyết trình các bước (yêu cầu) chuẩn bị nói  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:  HS cần thực hiện đầy đủ các thao tác đã được hướng dẫn ở Bài 4, trong đó, việc đầu tiên là phải xây dựng được một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu, dựa trên bài hay công trình nghiên cứu đã có.  Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:  - HS báo cáo tình hình chuẩn bị và tinh thần chuẩn bị thuyết trình  Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và củng cố lại kiến thức trọng tâm  Chuẩn bị nghe  Bước 1: GV giao nhiệm vụ:  HS thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ sau:  - Trình bày các yêu cầu chuẩn bị nghe  - Lập sơ đồ cho đề cương của đề tài nghiên cứu vừa được thuyết trình  - Liệt kê các vấn đề cần phản biện  - Tìm ngôn từ phù hợp để đặt câu hỏi và nêu ý kiến phản hồi  Các nhóm HS hoàn thành phiếu học tập   |  |  | | --- | --- | | Tên của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu |  | | Hướng triển khai chính |  | | Phần nội dung đồng tình, không đồng tình, vì sao? |  | | Phần nội dung nào khiến mình băn khoăn, vì sao? |  | | Câu hỏi muốn dành cho người thuyết trình? |  |   Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS hoàn thiện phiếu học tập và sơ đồ mạch ý  Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:  GV trình chiếu một số phiếu học tập  HS khác quan sát, bổ sung, nhận xét  Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và củng cố lại kiến thức trọng tâm | II. Thực hành nói và nghe  Bước 1. Chuẩn bị   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Chuẩn bị nói: | | | | Chuẩn bị nghe | | - Khi thuyết trình, dựa trên văn bản đã soạn, cần nêu rõ vấn đề nghiên cứu, các luận điểm chính được đề xuất, những bằng chứng và lí lẽ đã sử dụng đề làm rõ hệ thống luận điểm, đặc biệt cần nhấn mạnh những phát hiện mới về vấn đề. Để việc thuyết trình đạt hiệu quả cao, thu hút được sự chú ý của người nghe, có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... nhằm cụ thể hoá, trực quan hoá nội dung bài thuyết trình. | | | | Tìm hiểu trước về tên của báo cáo kết quả nghiên cứu sẽ được trình bày để có định hướng nghe phù hợp. | | Phác ra những câu hỏi ban đầu về vấn đề để dễ theo dõi nội dung của bài trình bày. | | Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu (trong khoảng 1 — 1,5 trang giấy). | Gạch chân những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết. Ghi chú về các ngữ liệu minh hoạ quan trọng cần được nêu lên khi thuyết minh về từng luận điểm. | Xác định đúng những từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm để dễ nhớ và dễ triển khai luận điểm, đảm bảo cho bài nói có trọng tâm, không sa vào lối kể chuyện, bình tán dông dài | Chuẩn bị PowerPoint (nếu có): PowerPoint cần được soạn với các thông tin chắt lọc, hình ảnh, video minh hoạ sinh động | Thể hiện được một tâm thế nghe tích cực |   Sơ đô đề cương chi tiết cho vấn đề sau:  Sắc thái nữ quyền trong nhân vật Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở Chèo cổ Kim Nham  **Giải quyết vấn đề**  Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thống qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng  Đôi nét về Đào nữ trong các vở chèocổ  Xúy Vân trong vở chèo Kim Nham  Một số nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  Xúy Vân và sắc thái nữ quyền trong lớp chèo “Xuý Vân giả dại”  Người phụ nữ đời thường, có khao khát yêu đương và biết xót xa cho số phận  Người phụ nữ của lễ giáo phong kiến, cam chịu và chấp nhận thân phận  **Đặt vấn đề**  Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu: Sắc thái nữ quyền trong nhân vật Xuý Vân ở lớp chèo “Xuý Vân giả dại”, vở Chèo cổ Kim Nham  **Kết luận**  Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những vấn đề mới    **Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố,.. |
| TRÌNH BÀY BÀI NÓI  a. Mục tiêu: Biết cách tự tin thuyết trình kết quả nghiên cứu trước mọi người  b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm.  c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  d. Tổ chức thực hiện:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Bảng kiểm đánh giá bài nói: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** | | | | | **Người thuyết trình:…………………………………..**  **Người nhận xét:……………………………………….** | | | | | **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** | | 1. Nội dung bài thuyết trình đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục | Nội dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các ý làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu. | Nêu được đầy đủ các ý để người nghe hiểu được vấn đề. | Các ý đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ. | | 2. Phong thái tự tin | Không tự tin, rụt rè. | Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe. | Tương tác, giao lưu tốt với người nghe. | | 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng | | 4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. | | **Tổng: ................/10 điểm** | | | | | |
| \*Thao tác 2: Thực hành nói và nghe  Bước 1: GV giao nhiệm vụ:  - GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể, những chú ý khi thuyết trình và lắng nghe sản phẩm.  GV mời lần lượt từng HS (theo danh sách đã xác lập) lên báo cáo, chú ý duy trì trật tự và nhắc nhở về thời gian.  - Còn những HS khác:  + Lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài nói cho bạn (mẫu phía trên)  + Đưa ra những phản hồi mang tính chất xây dựng  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS thuyết trình bài đã chuẩn bị  - Hoàn thành bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình  - Đưa ra những phản hồi mang tính chất xây dựng  Bước 4: GV nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. | Bước 2: Thực hành nói và nghe   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | **- Mở đầu:** Nêu vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề đó; trình bày ngắn gọn về cách thức và quá trình thực hiện công việc nghiên cứu.  **- Triển khai:** Dựa vào văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu đề trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong công trình nghiên cứu, kết hợp với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có).  **- Kết luận:** Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính, khẳng định ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu và gợi mở những hướng tiếp cận mới. | - Nắm bắt được mục đích nghiên cứu của người thuyết trình (chú ý lắng nghe phần mở đầu và kết thúc bản thuyết trình để có được những thông tin cần thiết).  - Nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình kết quả nghiên cứu (luận điểm lớn, luận điểm nhỏ, bằng chứng, hình ảnh, số liệu,...). Khi lắng nghe thuyết trình, nên ghi lại các từ khoá, dùng một số kí hiệu thông dụng để đánh dấu các luận điểm lớn, luận điểm nhỏ và mối quan hệ giữa chúng.  - Theo dõi và đánh giá được tác dụng tích cực các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, động tác hình thể mà tác giả của bài hay báo cáo nghiên cứu đã sử dụng lúc thuyết trình.  - Phát hiện các tư liệu, bằng chứng chưa đủ độ tin cậy trong bài thuyết trình: xem xét kĩ xuất xứ các dữ liệu, bằng chứng được cung cấp để kiểm chứng tính chính xác, trung thực, đáng tin cậy của nguồn thông tin, phát hiện ra những điểm mâu thuẫn trong lập luận của người thuyết trình. | |
| \*Thao tác 3: Trao đổi  Bước 1: GV giao nhiệm vụ:  - GV tổ chức cho HS phản hồi và tiếp nhận phản hồi dựa trên những hướng dẫn trong SGK.  - GV nhắc HS về những nguyên tắc trong trao đổi: tôn trọng người nói, bình đẳng trong giao tiếp, cách tranh biện, giải quyết xung đột,...  - GV chuẩn bị sẵn mẫu phiếu đánh giá để phát cho từng HS hoặc nhóm HS vào đầu tiết học. Yêu cầu các em đọc kĩ các thông tin về tiêu chí, nội dung đánh giá trước khi tiến hành nghe, trao đổi và đánh dấu vào các cột phù hợp trong phiếu,...  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS thuyết trình bài đã chuẩn bị  - Hoàn thành bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình  - Đưa ra những phản hồi mang tính chất xây dựng  Bước 4: GV nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. | Bước 3: Trao đổi   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Đặt các câu hỏi với thái độ tìm hiểu chân thành đề nghị người thuyết trình làm rõ thêm một số vấn đề trong nội dung bài thuyết trình  - Phản biện những điểm còn mơ hồ, mâu thuẫn, thiếu chính xác trong bài thuyết trình với thái độ xây dựng: chỉ ra những lỗi về lập luận, đối chiếu các dữ liệu được trình bày với các dữ liệu từ các nguồn thông tin khác để giúp người nói chỉnh sửa và hoàn thiện bài thuyết trình.  - Đánh giá khái quát về nội dung bài thuyết trình và sự thuyết trình, chỉ ra được những điểm tích cực và điểm chưa hợp lí  - Trình bày góc nhìn, cách kiến giải khác về vấn đề được bài thuyết trình đề cập (có thể cung cấp tài liệu của các tác giả khác hoặc đưa ra quan điểm, góc nhìn của riêng mình về vấn đề này) | - Tiếp nhận ý kiến, phản hồi và trao đổi với các thành viên khác trong nhóm, lớp với thái độ cầu thị (bảo lưu hoặc tiếp thu, nêu phương án sửa chữa, hoàn thiện,...) | |

**Bảng kiểm đánh giá chất lượng phản hồi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| 1 | Vấn đề thuyết trình thú vị và có ý nghĩa, giúp người nghe có thêm hiểu biết mới. |  |  |
| 2 | Thông tin về quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu chính được thuyết trình rõ ràng, mạch lạc. |  |  |
| 3 | Bài thuyết trình có đủ ba phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận. |  |  |
| 4 | Người nói có phong thái tự tin, diễn đạt lưu loát, truyền cảm |  |  |
| 5 | Các phương tiện hỗ trợ (PowerPoint, hình ảnh minh họa, bảng biểu,...) được sử dụng hiệu quả. |  |  |
| 6 | Người nói tương tác tích cực với người nghe khi thuyết trình. |  |  |
| 7 | Người nói có tinh thần cầu thị khi trao đổi, đối thoại với người nghe. |  |  |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 5)**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân (hoặc nhóm) để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**1. HS hoàn thành phiếu học tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hiểu biết của bản thân (khái niệm, thời gian ra đời, đặc trưng thể loại, nhân vật, cách xử lí tích trò,…)** | | **Kiến thức cần trang bị để hiểu chèo, tuồng** | **Thái độ, tình cảm đối với các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian (chèo, tuồng, múa rối nước)** |
| **Về Chèo** | **Về Tuồng** |
|  |  |  |  |

**2. Học sinh viết bài nghiên cứu về nghệ thuật sân khấu** (ngoài bài viết đã thực hiện)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành phiếu học tập

- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất

- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV trình chiếu một số phiếu học tập

- HS quan sát, nhận xét sản phẩm của bạn (nhóm bạn)

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

**Dự kiến:**

**Trả lời câu hỏi 1: Phiếu học tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hiểu biết của bản thân (khái niệm, thời gian ra đời, đặc trưng thể loại, nhân vật, cách xử lí tích trò,…)** | | **Kiến thức cần trang bị để hiểu chèo, tuồng** | **Thái độ, tình cảm đối với các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian (chèo, tuồng, múa rối nước)** |
| **Về Chèo** | **Về Tuồng** |
| Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền Việt Nam. Chèo là một loại hình kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, thường được diễn ở sân đình trong thời gian có các lễ hội.  - Chèo mang tính quần chúng và được coi là loại hình sân khấu của hội hè với đặc điểm sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự, trữ tình.  - Nghệ thuật chèo mang tính tổng hợp, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự phối hợp của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo. Đặc trưng của chèo là vẫn những câu chuyện đó, tích cũ đó nhưng lối hát, lối diễn của từng nghệ sĩ lại làm nên sự phong phú khác biệt riêng. | - Tuồng là cách gọi một loại hình nhạc kịch thịnh hành tại Việt Nam, phát triển mạnh dưới triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ. Tuồng có hai bộ phận tương đối khác biệt nhau là tuồng cung đình và tuồng dân gian.  - Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương nhân vật tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc.  - Nghệ thuật tuồng mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội. | - Kiến thức về ngôn ngữ chèo, tuồng,  - Ngôn ngữ trong múa rối nước  - Cách sử dụng ca dao, tục ngữ trong các loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian,… | Nên có thái độ trân trọng, gìn giữ những loại hình nghệ thuật mang ý nghĩa to lớn thể hiện giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc; cảm thấy thêm tự hào và yêu quý đất nước Việt Nam hơn, yêu quý giá trị của những loại hình nghệ thuật này hơn,… |

**Trả lời câu hỏi 2:**

**Đề tài: Đặc điểm sân khấu tuồng.**

Tuồng là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền đặc sắc của Việt Nam được hình thành trên cơ sở ca vũ nhạc và các trò diễn xướng dân gian vốn có từ lâu đời và rất phong phú của dân tộc Việt Nam. Tuồng được khởi xướng thời nhà Tiền Lê và có sự giao thoa, tiếp thu cách biểu diễn và hóa trang của hí kịch bên Trung Hoa. Tuy nhiên, lối hát tuồng du nhập vào nước ta khi nào thì hiện tại vẫn chưa xác định thời gian cụ thể. Sân khấu tuồng là một phần không thể thiếu trong việc tạo nên những vở kịch tuồng đặc sắc.

Khác với các loại hình sân khấu khác như chèo, cải lương. Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương nhân vật tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật Tuồng. Có thể nói Tuồng là sân khấu của những người anh hùng... Tuồng cũng được biểu diễn ở sân đình, trong các lễ hội Kỳ Yên ở các đình làng, đôi khi cũng có tư nhân mướn đoàn hát tuồng về biểu diễn tại nhà thì thường có thêm cái trống lèo hoặc thẻ tre để khi có tới cao trào hoặc diễn viên có những câu hát hay thì đánh tưởng thưởng hoặc ném thẻ để tính tiền thưởng khi vãn tuồng.

Trên sân khấu Tuồng, tất cả bắt đầu từ người diễn viên. Cùng với người diễn viên, cảnh tượng mới dần hiện lên; địa điểm thời gian mới được xác định. Với một câu hát, một điệu múa, người nghệ sỹ dựng lên một trời tưởng tượng; lúc là biển cả mênh mông, khi là núi rừng bát ngát; vừa là triều đình, thoắt đã là bãi chiến trường. Các nghệ nhân biểu diễn phải hóa trang hoặc mang mặt nạ thể hiện đặc trưng nhân vật như: trung, gian, nịnh, hề, tướng,... và phải nói lối (hình thức ca - nói), cách đi đứng, ra bộ phải chuẩn xác cho từng thể loại nhân vật. Thông qua sự biểu hiện của người nghệ sỹ, khán giả không chỉ nhận biết được những thay đổi về không gian, thời gian mà còn thấy những xung đột giằng xé trong nội tâm nhân vật.

Lối diễn xuất của diễn viên tuồng thường nặng tính ước lệ và trình thức, tức là loại sân khấu ước lệ, cách biểu diễn khuếch đại hơn sự thật ngoài đời để khán giả dễ cảm nhận. Nghệ sĩ có động tác càng nhỏ càng nhanh và khi lên sân khấu càng cần tăng cường điệu thì khán giả mới kịp nhận thấy. Kiểu cách đi đứng của nghệ sĩ cũng để biểu lộ cái "tâm" của nhân vật thiện, ác. Mỗi loại nhân vật của tuồng lại có một lối diễn khác nhau, chính diện thường ngay thẳng, cương trực, đi đứng đàng hoàng, còn phản diện thì gian xảo, láo liên, uốn éo.

Ngoài sự thể hiện của người nghệ sĩ trên sân khấu tuồng thì các điệu múa tuồng, lời ca, tiếng hát, nhạc đệm và các dụng cụ trên sân khấu cũng rất cần thiết. Ngôn ngữ ca ngâm thì phải dùng giọng thật to, thật cao và rõ. Điệu hát quan trọng nhất trong hát bội là "nói lối", tức là nói một lúc rồi hát, thường để mở đầu cho các khúc hát khác. Các tuyến nhân vật của tuồng chủ yếu là: kép, tướng, đào, đào võ, lão,... với mỗi loại nhân vật lại có cách hóa trang riêng. Màu sắc dùng để hóa trang trên mặt phổ biến là trắng, đỏ, xanh và màu đen. Mặt trắng (diện mạo đẹp đẽ, tính cách trầm tĩnh), mặt đỏ (người trí dũng, chững chạc), mặt rằn (diện mạo xấu xí, tính cách nóng nảy), mặt tròng xéo đen (tướng phản, hai bên thái dương có vết đỏ là người nóng nảy, nếu tròng xéo đen nền đỏ thắm hay xanh là người vũ dũng), mặt mốc (xu nịnh), mặt lưỡi cày (người đoản hậu, nhát gan)...

Trong tuồng có nhiều yếu tố nghệ thuật tham gia, trong đó âm nhạc giữ một vai trò hết sức quan trọng. Ngoài việc đệm cho hát, cho múa, cho các hiệu quả sân khấu như phong ba bão tố, chiến trận sa trường, đăng đàn bái tướng, âm nhạc trong sân khấu tuồng còn thể hiện tình cảm nhân vật trong các lớp diễn không lời và còn làm cầu nối của thế giới nội tâm nhân vật tới khán giả. Dàn nhạc tuồng gồm có bộ gõ (trống, thanh la, mõ...), bộ hơi (kèn, sáo, chủ yếu là kèn), bộ dây (nhị, cò, hồ, đại, tiểu...) và bộ gảy (tam, tứ, nguyệt...).

Tuồng mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lẽ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của Tuồng. Những vấn đề nghiên cứu từ kịch bản tuồng đến sân khấu biểu diễn tuồng vẫn chưa được phổ biến và nghiên cứu sâu. Theo sự phát triển của con người và xã hội thì những loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian đang đứng trước nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

***Rubic chấm bài viết***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết cấu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Trả lời câu hỏi 3:** Học sinh tự liên hệ, thực hành và nộp lại sản phẩm cho GV nhận xét, đánh giá

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (CẢ BÀI HỌC 5)**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung:** HS làm việc nhóm, thảo luận về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Tham khảo các video về chèo, tuồng trong tư liệu bổ trợ hoặc tham khảo các nguồn tài liệu sau:

- Về chèo, có thể tìm đọc: Trần Việt Ngữ, *Về nghệ thuật chèo*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2013; Bùi Đức Hạnh, *150 làn điệu chèo cổ*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2006; Hà Văn Cầu, *Hề chèo*, NXB trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2005;…

- Về tuồng, có thể tìm đọc: Mịch Quang, *Tìm hiểu nghệ thuật tuồng*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2017; Hoàng Châu Ký (Chủ biên), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 15A, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994; Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000;…

DẠY HỌC DỰ ÁN:

**GV đề xuất HS thực hiện dự án:**

**Nhóm 1: Nhà nghiên cứu sân khấu dân gian**

**Nhóm 2: Nghệ sĩ chèo cổ/tuồng cổ/rối nước**

**Nhóm 3: Hội những người phục cổ**

**GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Sưu tầm, tìm hiểu, viết bài nghiên cứu, tìm các clip về sân khấu dân gian (chèo, tuồng, múa rối nước,..)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Nhóm 1:**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các bài tập dự án.

- HS truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống để có được những thông tin hay nhất

- Cần chú ý đến tính chính xác của các nguồn tư liệu tham khảo.

**Nhóm 2:**

HS thực hiện sân khấu hóa một số vở chèo cổ/tuồng cổ/rối nước

**Nhóm 3:**

HS thiết kế trang phục cổ, tạo những mẫu vật sân khấu cổ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**Bảng kiểm đánh giá bài tập dự án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Tinh thần hợp tác nhóm cao |  |  |
| Sản phẩm khá phong phú |  |  |
| Sản phẩm có chất lượng, sinh động, hấp dẫn |  |  |
| Phần thể hiện tự nhiên, cuốn hút |  |  |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

**1.** Tìm đọc thêm những vở chèo cổ/tuồng cổ

**2.** Vận dụng viết, nói và nghe để tập nghiên cứu một vấn đề

**3. Chuẩn bị bài 6: Nguyễn Trãi “Dành còn để trợ dân này”**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………